

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**CỤC XUẤT NHẬP KHẨU**

**GIỚI THIỆU VỀ CƠ CHẾ**  
**TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HOÁ**  
**TRONG HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN**  
**VÀ TIẾN BỘ XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG**  
**(CPTPP)**

**NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG**

**Chịu trách nhiệm nội dung**

ThS. Đỗ Thị Thu Hương

*Phó Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu*

**Biên soạn**

ThS. Nguyễn Thị Hồng Vân

ThS. Phạm Thị Ngọc Minh

TS. Hoàng Thị Thanh

NCS. Doãn Thị Phương Anh

CN. Hoàng Đức Minh

CN. Hồng Hồng Ngọc

**Hiệu đính**

Đỗ Thị Thu Hương

**Thiết kế**

Nhà Xuất bản Công Thương

Cuốn sách này chỉ có tính chất tham khảo và không có giá trị pháp lý chính thức trong việc giải thích Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

# MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	5
<b>PHẦN I. CÁC KHÁI NIỆM LIÊN QUAN ĐẾN QUY TẮC XUẤT XỨ HÀNG HOÁ</b> .....	9
1. Tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá là gì?.....	11
2. Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá là gì?.....	18
3. Tiêu chí xuất xứ hàng hoá.....	19
3.1. Hàng hóa có xuất xứ thuần túy.....	20
3.2. Hàng hóa có xuất xứ không thuần túy.....	22
4. Các khái niệm khác liên quan đến quy tắc xuất xứ hàng hoá.....	35
4.1. Tỷ lệ De Minimis.....	35
4.2. Các yếu tố trung gian.....	36
4.3. Cộng gộp.....	37
<b>PHẦN II. CƠ CHẾ TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HOÁ TẠI VIỆT NAM</b> .....	41
1. Cơ chế TCNXX trong Hiệp định CPTPP.....	43
1.1. Tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đối với hàng xuất khẩu.....	43
1.2. Tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đối với hàng nhập khẩu.....	44
2. Cơ chế TCNXX trong Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA.....	45
2.1. Hiệp định EVFTA.....	45
2.2 Hiệp định UKVFTA.....	48
3. Cơ chế TCNXX theo GSP cho hàng hoá xuất khẩu sang châu Âu.....	49
4. Cơ chế TCNXX trong Hiệp định RCEP.....	54
5. Cơ chế TCNXX trong Hiệp định ATIGA.....	58
<b>PHẦN III. QUY ĐỊNH VỀ QUY TẮC XUẤT XỨ HÀNG HOÁ TRONG HIỆP ĐỊNH CPTPP</b> .....	63
1. Quy định chung về quy tắc xuất xứ hàng hoá trong CPTPP.....	65
1.1. Hàng hoá được coi là có xuất xứ theo CPTPP.....	65
1.2. Quy định khác về quy tắc xuất xứ hàng hoá tại CPTPP.....	67
1.3. Xác minh xuất xứ hàng hoá và lưu trữ chứng từ.....	75
2. Hướng dẫn cách đọc hiểu danh mục PSR trong Hiệp định CPTPP.....	77
2.1. Cấu trúc danh mục PSR trong Hiệp định CPTPP.....	77
2.2. Các tiêu chí xuất xứ hàng hoá tại danh mục PSR trong Hiệp định CPTPP.....	79
3. Quy định về Tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá trong Hiệp định CPTPP...83	
3.1. Đối tượng thực hiện TCNXX.....	83

3.2. Danh mục thông tin tối thiểu .....	85
3.3. Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ .....	87
3.4. Nghĩa vụ của người xuất khẩu, người sản xuất.....	89
3.5. Nghĩa vụ của người nhập khẩu .....	90
<b>PHẦN IV. QUY TRÌNH, THỦ TỤC TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HOÁ .....</b>	<b>93</b>
1. Tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá của các nước thành viên CPTPP .....	95
1.1. Úc .....	95
1.2. Xinh-ga-po .....	99
1.3. Niu Di-lân .....	100
1.4. Nhật Bản .....	101
1.5. Ca-na-đa.....	102
1.6. Mê-hi-cô.....	103
1.7. Pê-ru.....	103
2. So sánh giữa quy trình cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá và Tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá .....	104
3. Xác minh xuất xứ hàng hoá và lưu trữ chứng từ trong cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá .....	110
3.1. Xác minh xuất xứ hàng hóa trong cơ chế TCNXX.....	110
3.2. Lưu trữ hồ sơ, chứng từ trong cơ chế TCNXX.....	114
<b>PHẦN V. KHUYẾN NGHỊ CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ DOANH NGHIỆP ĐỂ CHUẨN BỊ CHO CƠ CHẾ TCNXX .....</b>	<b>115</b>
1. Khuyến nghị cho cơ quan quản lý nhà nước.....	119
1.1. Xây dựng và ban hành các tài liệu, văn bản quy định và hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chứng nhận xuất xứ dành cho các doanh nghiệp.....	115
1.2. Đẩy mạnh hoạt động nâng cao kiến thức và năng lực về cơ chế tự chứng nhận xuất xứ cho các doanh nghiệp và đội ngũ cán bộ của cơ quan có thẩm quyền.....	117
1.3. Tăng cường chế tài xử phạt và hoàn thiện hành lang pháp lý chặt chẽ chống hành vi gian lận xuất xứ hàng hóa .....	119
1.4. Thúc đẩy công tác trao đổi thông tin giữa các cơ quan chính phủ tại nước xuất khẩu và nước nhập khẩu trong việc rà soát và phối hợp xác minh hoạt động tự chứng nhận xuất xứ.....	121
2. Khuyến nghị cho doanh nghiệp Việt Nam khi thực hiện TCNXX .....	123
<b>PHỤ LỤC.....</b>	<b>129</b>

## LỜI MỞ ĐẦU

Tự chứng nhận xuất xứ (TCNXX) là một cơ chế chứng nhận xuất xứ phổ biến và được áp dụng tại nhiều quốc gia phát triển trên thế giới trong những năm trở lại đây. Nhiều hiệp định thương mại tự do giữa các quốc gia trên thế giới đã đưa quy định để áp dụng cơ chế này đối với hàng hoá xuất nhập khẩu lưu thông trong khu vực mậu dịch tự do đó, nhằm mang lại lợi ích thiết thực cho doanh nghiệp cũng như thúc đẩy hoạt động thương mại giữa các quốc gia. Tuy nhiên, cơ chế TCNXX còn tương đối mới mẻ với Việt Nam. Việt Nam mới chỉ biết đến cơ chế này trong thời gian 10 năm trở lại đây khi các nước thành viên ASEAN bắt đầu đàm phán và thực hiện chương trình thí điểm về TCNXX đối với nhà xuất khẩu đủ điều kiện trong khuôn khổ Hiệp định ATIGA. Cho đến nay, các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đàm phán và ký kết trong những năm gần đây đều có điều khoản quy định về cơ chế TCNXX, mặc dù có thể ở các cấp độ khác nhau. Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) là một trong những Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới có điều khoản về cơ chế chứng nhận xuất xứ này.

Với mục tiêu tạo thuận lợi tối đa cho hoạt động thương mại giữa các nước thành viên, Hiệp định CPTPP hướng tới cơ chế TCNXX là cơ chế chứng nhận cốt lõi tại Hiệp định, áp dụng cho ba đối tượng là nhà xuất khẩu, nhà sản xuất và nhà nhập khẩu. Theo đó, Hiệp định quy định bất kỳ nhà xuất khẩu, nhà sản xuất nào cũng được tự chứng nhận xuất xứ. Còn đối với nhà nhập khẩu, Hiệp định CPTPP cho phép các nước thành viên có thể đưa ra các quy định trong nội luật về điều kiện cụ thể để nhà nhập khẩu được tự chứng nhận xuất xứ.

Tuy nhiên, do có sự khác nhau trong nhu cầu cũng như mức độ sẵn sàng để áp dụng cơ chế TCNXX hàng hoá ngay khi Hiệp định có hiệu lực, Hiệp định CPTPP cũng cho phép các nước thành viên được áp dụng cơ chế này sau một thời gian chuyển đổi nhất định. Trong thời gian chuyển đổi, các nước thành viên CPTPP được linh hoạt áp dụng song

song hai cơ chế chứng nhận xuất xứ sau: (a) cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O); và (b) Nhà xuất khẩu đủ điều kiện được TCNXX.

Trong 08 nước thành viên CPTPP đã phê chuẩn và thực thi Hiệp định đến nay, Việt Nam hiện là nước thành viên duy nhất áp dụng thời gian bảo lưu cho cơ chế TCNXX. Trong thời gian đó, Việt Nam áp dụng cơ chế cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (hay gọi là C/O mẫu CPTPP) cho hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường các nước thành viên CPTPP.

Theo lộ trình được quy định tại Hiệp định CPTPP, sau khi hết thời gian bảo lưu, tức là ngày 14 tháng 01 năm 2024, Việt Nam sẽ áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá, ít nhất là đối với nhà nhập khẩu. Do vậy, việc chuẩn bị hành trang, kiến thức cho khối doanh nghiệp cũng như các cơ quan nhà nước liên quan về quy tắc xuất xứ hàng hoá trong Hiệp định CPTPP là hết sức cần thiết và quan trọng.

Nhằm giúp các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu có thông tin một cách đầy đủ và có hệ thống về cơ chế TCNXX trong Hiệp định CPTPP, Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương đã biên soạn cuốn sách “Giới thiệu về cơ chế Tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)”. Đây là cuốn sách được biên soạn bởi các chuyên gia là những người trực tiếp tham gia đàm phán nội dung quy tắc xuất xứ hàng hoá trong Hiệp định CPTPP và trực tiếp hướng dẫn, dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật trong nước liên quan đến lĩnh vực này. Với nguồn thông tin phong phú và được phân tích chuyên sâu, Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương hy vọng cuốn sách này sẽ giúp doanh nghiệp có cái nhìn tổng thể về cơ chế TCNXX nói chung và hiểu thêm về cơ chế TCNXX trong CPTPP nói riêng, từ đó làm kim chỉ nam cho doanh nghiệp chuẩn bị kiến thức, đào tạo nhân viên để sẵn sàng tham gia vào cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá theo cam kết tại Hiệp định CPTPP. Đồng thời, đây cũng là tài liệu tham khảo để các cơ quan quản lý nhà nước sử dụng trong công việc xây dựng chính sách và quản lý thực thi TCNXX theo Hiệp định CPTPP.

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nguyên nghĩa
AANZFTA	Hiệp định Thương mại tự do ASEAN-Úc- Niu-di-lân
AFTA	Khu vực mậu dịch tự do ASEAN
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
ATIGA	Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN
CC	Chuyển đổi Chương
CPTPP	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
CTH	Chuyển đổi Nhóm
CTSH	Chuyển đổi Phân nhóm
EIF	Cam kết cắt giảm thuế quan về 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực
EVFTA	Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và liên minh châu Âu
FIFO	Vào trước/ Ra trước
HS	Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa
LIFO	Vào sau/ Ra trước
NAFTA	Hiệp định thương mại tự do Bắc Mỹ
PSR	Quy tắc cụ thể mặt hàng
RVC	Hàm lượng giá trị khu vực
UKVFTA	Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len
WCO	Tổ chức Hải quan thế giới
WTO	Tổ chức Thương mại thế giới

## DANH MỤC HÌNH

Hình	Nội dung	Trang
Hình 1	Sơ đồ cấp độ tự chứng nhận xuất xứ	12
Hình 2	Sơ đồ Quy trình cấp C/O CPTPP	109
Hình 3	Sơ đồ quy trình TCNXX	110

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng	Nội dung	Trang
Bảng 1	So sánh các tiêu chí xuất xứ quy định về hàm lượng giá trị	30
Bảng 2	Tiêu chí công đoạn gia công, chế biến tại Hiệp định AANZFTA	34
Bảng 3	Quy trình đăng ký mã số REX tại VCCI	51
Bảng 4	Danh mục văn bản quy phạm pháp luật quy định về tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá tại Việt Nam	60





**PHẦN I**

**CÁC KHÁI NIỆM  
LIÊN QUAN ĐẾN  
QUY TẮC XUẤT XỨ  
HÀNG HOÁ**



## 1. Tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá là gì?

Thay vì cần đến cơ quan, tổ chức cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá để nộp hồ sơ đề nghị cấp C/O, cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá cho phép thương nhân được chủ động về thời gian, địa điểm và được tự chứng nhận đối với xuất xứ của hàng hoá. Như vậy, cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá giúp giảm thời gian giao dịch và chi phí xuất nhập khẩu nhằm tạo thuận lợi thương mại tối đa cho thương nhân.

Thông thường, cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá sẽ có 3 cấp độ. Các Cam kết quốc tế khác nhau có thể quy định áp dụng các cấp độ khác nhau của cơ chế này.

**Cấp độ thứ nhất:** tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá bởi thương nhân đủ điều kiện. Trong trường hợp này, để được tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá, thương nhân (ví dụ như nhà xuất khẩu, nhà sản xuất) phải đáp ứng các điều kiện quy định theo Hiệp định hoặc theo nội luật nước thành viên Hiệp định để được tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá.

**Cấp độ thứ hai:** tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá bởi thương nhân đăng ký. Trong trường hợp này, để được tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá, thương nhân (ví dụ như nhà xuất khẩu, nhà sản xuất) phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp mã số tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá.

**Cấp độ thứ ba:** tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá bởi bất kỳ thương nhân nào. Trong trường hợp này, thương nhân (nhà xuất khẩu, nhà sản xuất) không phải đăng ký hay đáp ứng bất kỳ điều kiện vẫn có thể tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá cho hàng hoá của mình.

Theo cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá, trách nhiệm chứng nhận xuất xứ hàng hoá sẽ chuyển từ các cơ quan chuyên trách sang thương nhân. Thương nhân sẽ tự thực hiện các thủ tục và đáp ứng điều kiện để chứng nhận hàng hoá đáp ứng các tiêu chí xuất xứ và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của chứng nhận đó.

Như vậy, để có thể thực hiện được cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá, thương nhân cần phải nắm vững, hiểu rõ và hiểu đúng các quy định về quy tắc xuất xứ hàng hoá trong nước cũng như tại các Cam kết

## Sơ đồ cấp độ tự chứng nhận xuất xứ



*Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương*

quốc tế. Thương nhân sẽ là người chịu trách nhiệm trực tiếp đối với việc chứng nhận xuất xứ của mình và trực tiếp thực hiện quá trình xác minh xuất xứ sau này với cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu.

Nếu xét trên mặt hoạt động của doanh nghiệp, cơ chế tự chứng nhận xuất xứ có nhiều ưu điểm hơn so với cơ chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa truyền thống. Ngoài việc giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại để xin cấp C/O ở cơ quan có thẩm quyền, cơ chế TCNXX còn giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong việc chuẩn bị giấy tờ, thủ tục liên quan đến chứng nhận xuất xứ, doanh nghiệp có thể khai thông tin về xuất xứ ngay trên các chứng từ thương mại cụ thể như hóa đơn, vận đơn, phiếu đóng gói....

Tuy nhiên, việc TCNXX cũng yêu cầu doanh nghiệp phải có trách nhiệm cao hơn đối với các chứng từ TCNXX của mình, đồng thời phải chịu cơ chế kiểm tra, xác minh chặt chẽ hơn từ cơ quan chức năng (đặc biệt là cơ quan hải quan nước nhập khẩu), phải chịu các chế tài nặng nếu vi phạm... Ngoài ra, đối với cơ chế TCNXX đủ điều kiện, doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện theo quy định để được TCNXX, không ít trường hợp các điều kiện này rất khó đáp ứng.

### **Ưu điểm của TCNXX**

*Đối với doanh nghiệp: cắt giảm chi phí và thời gian xin cấp C/O*  
TCNXX cho phép các doanh nghiệp chỉ ra xuất xứ của hàng hóa

trên hóa đơn thương mại hoặc các tài liệu khác thay vì C/O do chính phủ cấp. Trước đây, các doanh nghiệp phải chuẩn bị, điền đơn và mang đến một tổ chức được cấp phép để công chứng. Chi phí xin cấp C/O thường không chỉ là phí cấp C/O mà còn là phí đi lại của nhân viên, thời gian chờ đợi, chi phí nộp hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp C/O ... thiệt hại do phạt hợp đồng, chi phí lưu kho để xuất khẩu, hoặc các chi phí kinh doanh khác.

Việc TCNXX giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian lập hồ sơ chứng minh xuất xứ hàng hóa và chi phí xin cấp C/O từ cơ quan có thẩm quyền, chủ động trong chuẩn bị giấy tờ và thủ tục liên quan đến chứng nhận xuất xứ, các doanh nghiệp có thể khai thông tin về xuất xứ ngay trên các chứng từ thương mại nhất định như hóa đơn, vận đơn và phiếu đóng gói... Do đó, các doanh nghiệp nên tích cực chuyển sang TCNXX vì lợi ích của việc đơn giản hóa quy trình và thủ tục, giảm thời gian yêu cầu và giúp doanh nghiệp am hiểu hơn về các cam kết quy tắc xuất xứ tận dụng ưu đãi thuế quan từ EVFTA.

Một nghiên cứu năm 2007 của Manchin và Pelkmans Balaoing cũng cho thấy chi phí tuân thủ các quy tắc xuất xứ để được hưởng các ưu đãi tại AFTA cao hơn nhiều so với chi phí tại EU và NAFTA. Theo khảo sát của các doanh nghiệp Thái Lan, 54,5% trong số 99 doanh nghiệp nước này có lợi cho nhà xuất khẩu ngay cả khi họ được hưởng ưu đãi vì quy trình xin C/O Mẫu D và sử dụng C/O quá phức tạp, vì vậy không mang lại nhiều lợi ích cho các nhà xuất khẩu khi được hưởng ưu đãi. Do đó, họ chấp nhận không được hưởng ưu đãi và chịu mức thuế suất thông thường thay vì phải thực hiện một quy trình phức tạp và tốn kém để đề nghị cấp C/O.

Nhưng khi thực hiện cơ chế TCNXX, hồ sơ của doanh nghiệp sẽ là cam kết về chất lượng sản phẩm giữa doanh nghiệp với nhà nhập khẩu mà không cần cơ quan nào chứng nhận. Điều này giúp tiết kiệm thời gian, con người, công sức và chi phí của doanh nghiệp.

*Đối với cơ quan nhà nước:* góp phần làm tối đa hóa hiệu quả sử dụng nguồn lực hạn chế của nhà nước, tinh giảm bộ máy hành chính.

Cơ quan nhà nước không còn phải duy trì một hệ thống công kênh

và tốn kém để kiểm tra thực tế, kiểm tra bộ hồ sơ và cấp C/O. Tiết kiệm được chi phí hành chính phát sinh từ việc vận hành hệ thống như văn phòng, máy móc, thiết bị... Không còn phải kiểm tra đối với mỗi một chuyến hàng mà thay vào đó là kiểm tra nhà xuất khẩu hoặc hậu kiểm xuất xứ theo nguyên tắc quản lý rủi ro. Không còn phải lưu giữ C/O và các chứng từ có liên quan khác

*Quy trình TCNXX giảm những rủi ro trong cấp phép và bớt gánh nặng về hải quan, đồng thời nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xuất xứ hàng hóa của mình*

Cơ chế TCNXX cho thấy nhà xuất khẩu sẽ tự phát hành chứng từ xuất xứ và chịu trách nhiệm về thông tin xuất xứ hàng hóa đã khai trong các chứng từ mà không cần đợi chứng nhận của bên thứ ba chẳng hạn như cơ quan quản lý hàng hóa, Bộ Công Thương, hoặc cơ quan được Bộ Công Thương ủy quyền. Đồng thời, trách nhiệm chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã chuyển từ các cơ quan chuyên môn sang các nhà nhập khẩu. Điều này có nghĩa là nhà nhập khẩu phải tự làm thủ tục, tuân thủ các tiêu chuẩn ban đầu và chịu trách nhiệm về tính chính xác.

Về bản chất, TCNXX là cơ chế cho phép nhà xuất khẩu được tự khai báo, cam kết về tình trạng xuất xứ của hàng hóa xuất khẩu trên chứng từ TCNXX dưới dạng văn bản do thương nhân tự phát hành mà không phải C/O cấp bởi cơ quan có thẩm quyền như hoá đơn, phiếu giao hàng hoặc bất kỳ chứng từ thương mại nào thể hiện hàng hoá được chứng nhận xuất xứ với đủ thông tin để xác định được hàng hoá đó có xuất xứ từ một trong các nước tham gia EVFTA và tự chịu trách nhiệm về thông tin xuất xứ hàng hóa.

Về ý nghĩa, cơ chế TCNXX dường như đã khắc phục được những bất cập của mẫu C/O và giảm bớt gánh nặng, rủi ro trong việc xác nhận các tài liệu của cơ quan có thẩm quyền khi số lượng các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết đang ngày càng tăng lên trong thời kỳ hội nhập ngày nay.

Mỗi khi có nghi ngờ về tính xác thực của bằng chứng xuất xứ, cơ quan hải quan của nước nhà nhập khẩu sẽ yêu cầu người phát hành bằng chứng xuất xứ chứng minh. Cơ quan hải quan nước nhà nhập khẩu có

thể yêu cầu sự hợp tác của cơ quan hải quan nước nhà xuất khẩu, tuy nhiên trách nhiệm chứng minh vẫn thuộc về nhà xuất khẩu hoặc nhà nhập khẩu. Nếu phát hiện sai sót hoặc gian lận, người phát hành bằng chứng xuất xứ, nhà xuất khẩu hay nhập khẩu phải chịu trách nhiệm và bị xử phạt theo luật quy định. Nhà xuất khẩu, nhập khẩu nên gánh rủi ro này vì họ là những người được hưởng lợi trực tiếp, gián tiếp từ bằng chứng xuất xứ, nắm rõ về hàng hóa và có tất cả tài liệu, bằng chứng về quy trình sản xuất, các nguyên phụ liệu... Bắt buộc doanh nghiệp phải có trách nhiệm hơn đối với xuất xứ hàng hóa của mình.

Nếu có bất kỳ nghi ngờ nào về tính xác thực của C/O, cơ quan hải quan nước nhập khẩu sẽ yêu cầu cơ quan cấp C/O cung cấp bằng chứng. Cơ quan hải quan nước nhập khẩu có thể yêu cầu sự hợp tác của cơ quan hải quan nước xuất khẩu, nhưng trách nhiệm chứng minh thuộc về nhà xuất khẩu hoặc nhà nhập khẩu. Nếu phát hiện sai sót hoặc gian lận, người phát hành bằng chứng xuất xứ, nhà xuất khẩu hay nhập khẩu phải chịu trách nhiệm và sẽ bị trừng phạt theo quy định của pháp luật. Các nhà xuất nhập khẩu phải chịu rủi ro này vì họ là người trực tiếp và gián tiếp được hưởng C/O, quen thuộc với hàng hóa và có đầy đủ các tài liệu, chứng cứ cần thiết liên quan đến quá trình sản xuất, nguyên vật liệu. Vì vậy, điều này bắt buộc các doanh nghiệp cần có trách nhiệm hơn với nguồn hàng của mình.

Quy trình TCNXX giúp doanh nghiệp tận dụng tốt hơn nhưng lợi thế về ưu đãi thuế quan, thúc đẩy kim ngạch xuất khẩu

TCNXX dựa trên tiền đề “nhà xuất khẩu là người biết rõ nhất mình đã làm gì, sản xuất như thế nào và cung cấp nguyên vật liệu để sản xuất mặt hàng này”. Và hiển nhiên, trước tiên các nhà xuất khẩu luôn có thể xác định xem hàng hóa của họ có đáp ứng các tiêu chí xuất xứ hay không. Sử dụng cơ chế TCNXX, nhà xuất khẩu gửi tài liệu TCNXX trực tiếp cho khách hàng ở nước nhập khẩu và tự chịu trách nhiệm về thông tin khai báo. Trong khi các phương thức cấp C/O truyền thống tập trung vào xuất xứ của một sản phẩm cụ thể tại thời điểm kiểm tra thì việc xác nhận xuất xứ của sản phẩm bằng hồ sơ của nhà xuất khẩu tập trung vào xuất xứ tại thời điểm xuất khẩu. Cơ chế kiểm soát theo dõi này cung cấp

“hồ sơ xuất xứ hàng hóa” chính xác hơn và là bằng chứng về các nguyên liệu thô tạo nên sản phẩm.

Quy trình TCNXX đơn giản, không cần giấy tờ, không bị chậm trễ, nhất là đối với các lô hàng cuối tuần (thứ bảy, chủ nhật) không lấy được C/O do các cơ quan chính phủ không hoạt động. Cơ chế tự xác thực hoạt động 24/7 hoặc giảm thiểu khả năng trì hoãn việc nhập khẩu do các lỗi C/O nhỏ (chẳng hạn như quy trình xác minh chữ ký, sai lỗi chính tả) ... Hơn nữa, doanh nghiệp chủ động về thời gian phát hành bằng chứng xuất xứ cho các chuyến hàng, giảm thời gian lưu chuyển hàng hóa giữa các nước.

Cơ chế TCNXX còn giúp doanh nghiệp tuân thủ các nghĩa vụ về quy tắc xuất xứ của Hiệp định Thương mại tự do (FTA) và tối đa hóa lợi ích từ việc cắt giảm chi phí. Đây cũng là cơ hội để các doanh nghiệp trong nước làm quen với xu hướng mới của các hiệp định thương mại tự do, tích lũy kinh nghiệm thực tiễn và tận dụng các cơ hội hội nhập. Ngoài ra, việc áp dụng cơ chế TCNXX sẽ tăng cường trách nhiệm của các doanh nghiệp xuất khẩu, giúp họ chủ động và tận dụng tốt hơn các ưu đãi về thuế quan của các hiệp định thương mại mà Việt Nam tham gia hoặc tham gia.

## **Hạn chế của TCNXX**

### *Hệ thống kênh thông tin về cơ chế TCNXX*

Hiện nay, nhiều doanh nghiệp chưa hiểu hết về quy tắc xuất xứ hoặc có thắc mắc và cần tư vấn về cách tuân thủ quy tắc xuất xứ nhưng không tìm được đầu mối để có câu trả lời kịp thời, chính xác. Ngoài ra, cơ chế TCNXX vẫn còn rất mới nên các doanh nghiệp Việt Nam còn thiếu thông tin và sự tự tin về việc thực hiện cơ chế này.

Bên cạnh đó, hầu hết các doanh nghiệp còn vướng mắc, chưa hiểu rõ về hình thức, thủ tục, còn hoài nghi, lo lắng về quy định hậu kiểm tại nước nhập khẩu. Điều này là do các doanh nghiệp, doanh nghiệp chưa nắm vững các quy định về quy trình sản xuất, quy tắc xuất xứ và chưa có hệ thống lưu trữ chứng từ để đáp ứng yêu cầu xác minh thường xuyên và đột xuất.



Nhiều doanh nghiệp cũng sợ vì theo quy định nếu có một doanh nghiệp TCNXX bị phát hiện gian lận, thì các nước nhập khẩu sẽ không chấp nhận việc TCNXX của cả một ngành sản xuất của nước đó. Như vậy, việc thực hiện làm “hộ chiếu” cho hàng hóa xuất ngoại vừa khó đạt được, vừa chứa nhiều rủi ro đã khiến doanh nghiệp lo sợ, e ngại và thiếu mặn mà khi tham gia chương trình thí điểm vừa qua. Ngoài ra, doanh nghiệp còn gặp khó khăn trong việc đảm bảo TCNXX từ một nhà cung cấp, hoặc từ chối các yêu cầu xuất xứ của khách hàng lớn hơn

TCNXX không có sự thông qua của cơ quan có thẩm quyền tạo lỗ hổng trong gian lận thương mại

Việc sử dụng TCNXX có nhiều thuận lợi trong việc phát hiện gian lận xuất xứ, vì các cơ quan chính phủ chỉ cần xác nhận trách nhiệm của nhà nhập khẩu và thu các khoản phí phạm pháp từ nhà nhập khẩu. Tuy nhiên, cơ chế này không loại bỏ được rủi ro gian lận thương mại liên quan đến nguồn hàng. Đây là những rủi ro phát sinh do tiềm ẩn nguy cơ gian lận thương mại về xuất xứ khi hàng hóa qua một nước thành viên, nguyên liệu nhập khẩu bao gồm bán thành phẩm, thành phẩm được gia công, đóng gói dưới xuất xứ của nước thành viên đó để hưởng ưu đãi thuế suất.

Khả năng này tồn tại cho cả doanh nghiệp nhập khẩu và xuất khẩu. Đáng lo ngại, nguy cơ gian lận thường đi kèm với các sản phẩm mà các nước thứ ba bị hạn chế nhập khẩu hạn ngạch, thuế chống bán phá giá và các rào cản kỹ thuật khác) vào các thị trường lớn như EU.

Ví dụ tại Việt Nam, trong khuôn khổ đợt giám sát, Cục Phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương đã lập danh sách 26 mặt hàng có nguy cơ bị điều tra về gian lận xuất xứ, trong đó có nhiều mặt hàng thuộc nhóm hàng xuất khẩu chính sang EU như da giày, nông nghiệp, đánh bắt thủy sản, gỗ và sản phẩm từ gỗ, xe đạp điện... Cụ thể, ở chiều nhập khẩu, các đối tượng sử dụng chiêu thức thành lập nhiều doanh nghiệp, mỗi doanh nghiệp nhập khẩu một loại linh kiện, phụ tùng tháo rời từ Trung Quốc. Sản phẩm được lắp ráp hoàn chỉnh thì công khai tiêu thụ nội địa là hàng hóa có xuất xứ Việt Nam, Nhật Bản, Hàn Quốc... Về phía xuất khẩu, thương nhân Trung Quốc hợp tác với Việt Nam thành

lập doanh nghiệp với máy móc, thiết bị sản xuất, lắp ráp đơn giản, nhập khẩu sản phẩm tháo rời và sau khi lắp ráp, gia công đơn giản sẽ xuất sang các thị trường nước ngoài, xin C/O Việt Nam.

Hành động này đã dẫn đến việc hàng hóa xuất khẩu bị các nước khác điều tra, áp thuế lần tránh phòng vệ thương mại gây thiệt hại cho các nhà sản xuất trong nước, mất lòng tin và bị từ chối trên thị trường quốc tế và có nguy cơ bị hạn chế xuất khẩu.

Văn bản chấp thuận TCNXX có thể bị thu hồi

Đối với cơ chế thương nhân đủ điều kiện, trong một số trường hợp thương nhân không thực hiện đúng quy định như: không đủ khả năng cung cấp sự đảm bảo về xuất xứ hàng hóa; lạm dụng sự ủy quyền tự cấp giấy chứng nhận; gian lận xuất xứ hàng hóa... , thương nhân có thể bị thu hồi văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền để thương nhân được TCNXX. Nếu vi phạm các quy định này, ngoài việc bị thu hồi văn bản chấp thuận, thương nhân có thể bị phạt hành chính, thậm chí bị xử lý hình sự nếu nghiêm trọng.

## **2. Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá là gì?**

Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa là văn bản hoặc các hình thức có giá trị pháp lý tương đương do thương nhân tự khai báo, tự cam kết và tự phát hành để chứng minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu theo quy định của pháp luật. Chứng từ TCNXX do thương nhân phát hành là văn bản thay thế cho Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.

Các Hiệp định thương mại tự do đều có quy định riêng đối với hình thức, ngôn ngữ và loại chứng từ được sử dụng để TCNXX. Thông thường, chứng từ TCNXX là hóa đơn thương mại hoặc bất kỳ chứng từ thương mại nào khác có thể hiện đầy đủ thông tin của nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu. Trên chứng từ TCNXX, thương nhân phải khai báo xuất xứ hàng hóa theo mẫu có sẵn, trong đó, thường thể hiện đầy đủ thông tin của nhà xuất khẩu, lời văn TCNXX, mã HS của hàng hóa xuất khẩu, nước xuất xứ, tiêu chí xuất xứ, tên và chữ ký của thương nhân TCNXX.

Thương nhân phải ghi đủ thông tin của hàng hóa xuất khẩu để xác

định được xuất xứ của hàng hóa, nội dung khai báo xuất xứ thường phải được ký bằng tay và sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh hoặc ngôn ngữ chính thức của nước nhập khẩu. Ngày ghi trên chứng từ TCNXX thường được coi là ngày phát hành hóa đơn thương mại có nội dung khai báo xuất xứ.

Để có thể TCNXX cho hàng hóa của mình, thương nhân cần phải nắm rõ các quy định về tiêu chí xuất xứ hàng hóa nói chung và tiêu chí xuất xứ hàng hóa theo từng FTA nói riêng. Chúng ta cùng nhau tìm hiểu về các tiêu chí hàng hóa cơ bản hiện nay tại mục tiếp theo.

### **3. Tiêu chí xuất xứ hàng hoá**

Trước khi xác định liệu một hàng hóa có đáp ứng quy tắc xuất xứ để được hưởng ưu đãi thuế quan, bạn cần phải xác định mã số HS của hàng hóa đó.

Hệ thống hài hòa (The Harmonized System - The HS) là hệ thống tiêu chuẩn hóa quốc tế về tên và mã số cho việc phân loại hàng hóa thương mại. Hệ thống này được xây dựng và duy trì bởi Tổ chức Hải quan thế giới (WCO), là một tổ chức quốc tế độc lập với hơn 170 quốc gia thành viên.

Danh mục HS bao gồm 21 phần và 96 chương, kèm theo các quy tắc chung về giải thích và thuyết minh. Hệ thống này bắt đầu từ phân loại hàng hóa theo danh mục nguyên liệu thô và hàng hóa tự nhiên, tiếp đó đến danh mục hàng hóa với sự gia tăng của mức độ phức tạp, tức là từ hàng hóa chưa hoàn thiện đến bán thành phẩm và cuối cùng là thành phẩm.

Các chương được đánh số với hai chữ số (VD: 01), các nhóm là bốn chữ số (VD: 0101) và các phân nhóm là sáu chữ số (VD: 0101.99). Vì vậy, số lượng chữ số luôn chỉ ra một cách rõ ràng mức độ phân cấp của một dòng thuế trong hệ thống phân cấp của HS.

Danh mục HS chỉ đưa ra phân loại hàng hóa quốc tế đến cấp độ 6 số. Trong hệ thống thuế quan quốc gia, mỗi nước được phép sử dụng thêm chữ số để thuận tiện cho việc đưa ra mức thuế suất của hàng hóa.

Tại tất cả các nước sử dụng hệ thống HS, các chương, nhóm và phân nhóm của bất kỳ hàng hóa nào thì đều giống nhau. Do đó mà quy tắc xuất xứ CTC không vượt cấp độ phân nhóm 6 số.

Vậy làm thế nào để nhà xuất khẩu có thể xác định mã số HS cho hàng hóa xuất khẩu của họ? Người đầu tiên mà họ nên tìm kiếm sự hướng dẫn đó là các nhà môi giới hải quan (ở Việt Nam là Đại lý khai báo hải quan) vì đây là những người chuẩn bị hồ sơ xuất khẩu cho họ. Hồ sơ này thường có mã số HS của hàng hóa được xuất khẩu. Ngoài ra, nhà xuất khẩu có thể tìm lời khuyên từ cơ quan Hải quan liên quan.

Sau khi đã xác định được mã HS cho hàng hóa xuất khẩu của mình, bạn cần phải kiểm tra xem tương ứng với mã HS đó, tiêu chí xuất xứ quy định là gì. Một vài tiêu chí xuất xứ cơ bản trong các FTA như sau:

### ***3.1. Hàng hóa có xuất xứ thuần túy***

Tiêu chí “xuất xứ thuần túy” là một trong những tiêu chí cơ bản được dùng để xác định xuất xứ của hàng hóa. Hàng hóa được coi là có xuất xứ thuần túy khi mà hàng hóa đó được sản xuất hoàn toàn tại nước xuất khẩu và từ nguyên vật liệu cũng hoàn toàn của nước đó (ví dụ: hàng hóa là vật phẩm được nuôi trồng, thu hoạch hái lượm hay chiết xuất tại đó được kể đến trong quy định là hàng hóa có xuất xứ thuần túy). Những hàng hóa thuộc loại này chính là các sản phẩm từ tự nhiên hoặc vật phẩm được làm từ sản phẩm tự nhiên.

Công ước Kyoto đưa ra định nghĩa về Hàng Hóa có xuất xứ thuần túy trong Phụ Lục K (Quy định về Xuất xứ) Chương 1 (Các Quy định Chung), Tiêu chí 2.

## **Hộp 1. Quy định về hàng hóa có xuất xứ thuần túy tại Công ước Kyoto**

### **Phụ lục cụ thể K của Công ước Kyoto Chương 1 – Quy tắc Xuất xứ Tiêu chí 2**

Hàng hóa được sản xuất hoàn toàn tại một nước sẽ được mang xuất xứ của nước đó.

Chỉ những loại hàng hoá sau đây mới được coi là được sản xuất hoàn toàn tại một nước:

- a) khoáng vật được chiết xuất từ đất, biển hoặc đáy biển hoặc dưới đáy biển của nước đó;
- b) sản phẩm thực vật được thu hoạch hoặc hái lượm tại nước đó;
- c) động vật sống được sinh ra và nuôi lớn tại nước đó;
- d) các sản phẩm thu được từ động vật sống tại nước đó;
- e) các sản phẩm thu được từ săn bắn hoặc đánh bắt tại nước đó;
- f) các sản phẩm thu được từ hoạt động đánh bắt trên biển và các sản phẩm từ biển khác được đánh bắt bằng tàu của nước đó;
- g) các sản phẩm thu được trên tàu chế biến của nước đó, từ các sản phẩm đã nêu ở điểm f nói trên;
- h) các sản phẩm khai thác từ đáy biển hoặc dưới đáy biển bên ngoài vùng lãnh hải của nước đó, với điều kiện nước này có quyền khai thác vùng đáy biển hoặc dưới đáy biển đó;
- i) phế liệu và phế thải từ hoạt động sản xuất và gia công, các vật phẩm đã qua sử dụng, thu được tại nước đó và chỉ phù hợp để thu hồi nguyên liệu thô;
- j) hàng hoá được sản xuất tại nước đó chỉ từ những sản phẩm được đề cập đến tại điểm a đến điểm i nói trên.

Các FTA trên thế giới thường bám sát với định nghĩa của Công ước Kyoto về hàng hóa có xuất xứ thuần túy để đưa ra một danh sách riêng những loại hàng hóa được coi là có xuất xứ thuần túy từ một nước thành viên FTA.

Ví dụ: *sản phẩm thực vật được thu hoạch hoặc hái lượm tại nước đó được coi là hàng hóa có xuất xứ thuần túy.*

Quy định này được hiểu rằng thực vật không cần phải nảy mầm từ hạt giống của nước thành viên nhưng quá trình cây trồng sinh trưởng, thu hoạch, thu nhập, hái lượm phải diễn ra ở nước thành viên.

Hãy hình dung đến trường hợp thóc được nhập khẩu từ Trung Quốc (nước không phải thành viên) vào Myanmar (nước thành viên). Tại Myanmar, thóc được gieo trồng. Sau đó được thu hoạch. Liệu gạo được thu hoạch được có phải là hàng hóa xuất xứ từ Myanmar? Gạo

được thu hoạch này thỏa mãn đầy đủ các yêu cầu đã dẫn ra ở trên. Thực tế là thóc giống được nhập khẩu không phản ánh xuất xứ của gạo. Hàng hóa vật phẩm được thu hoạch từ cây trồng tại một nước thành viên được coi là có “xuất xứ thuần túy” mà không cần xét đến nguồn gốc xuất xứ của hạt giống.

Nếu trong ví dụ trên, doanh nghiệp đã nhập khẩu thóc giống vào Myanmar là một doanh nghiệp có chủ sở hữu là người Trung Quốc, liệu rằng điều này có thay đổi xuất xứ của gạo? Câu trả lời là “không”, bởi vì tính chủ sở hữu không được đề cập tới tại quy định này. Tính chủ sở hữu của hạt giống không có tính hệ quả.



Tiếp tục với ví dụ trên, nếu gạo được thu hoạch bởi những người không mang quốc tịch Myanmar, tới từ Lào, liệu rằng xuất xứ của gạo có thay đổi? Câu trả lời là “không”. Quy định về xuất xứ hàng hóa thuần túy không yêu cầu người thu hoạch vật phẩm phải mang quốc tịch của nước mà vật phẩm đó được thu hoạch mà chỉ quy định rằng các hoạt động được liệt kê “thu hoạch” hoặc “hái lượm” phải được diễn ra tại nước thành viên, nhưng không phân biệt hoạt động được thực hiện bởi người nước ngoài hay công ty có chủ sở hữu là người nước ngoài.

### ***3.2. Hàng hóa có xuất xứ không thuần túy***

Khái niệm Chuyển đổi mã số hàng hóa (CTC) có nghĩa là một nguyên liệu không có xuất xứ được sử dụng trong quá trình sản xuất

hàng hóa phải có phân loại mã số hàng hóa trong HS khác với hàng hóa cuối cùng mà nguyên liệu đó được dùng để sản xuất ra. Nguyên liệu không có xuất xứ đó phải trải qua quá trình chuyển đổi mã số hàng hóa cụ thể tại nước xuất khẩu là thành viên Điều ước quốc tế để được coi là có xuất xứ từ nước xuất khẩu.

Tiêu chí CTC có thể được phân thành các cấp độ Chuyển đổi Chương (CC), Chuyển đổi Nhóm (CTH) và Chuyển đổi Phân nhóm (CTSH). Yêu cầu về tiêu chí xuất xứ CTC chỉ áp dụng đối với các nguyên liệu không có xuất xứ. Cách ghi tiêu chí CTC đảm bảo việc thực hiện quá trình chuyển đổi cơ bản yêu cầu đối với nguyên liệu không có xuất xứ tại một nước thành viên.

Khái niệm nguyên liệu không có xuất xứ đặc biệt quan trọng để xác định xuất xứ vì đó là nguyên liệu không có xuất xứ cần được chuyển đổi và phải đáp ứng yêu cầu của tiêu chí CTC.

Theo cách hiểu cơ bản này, đối với phần lớn hàng hóa, cách hợp lý để đo mức độ một nguyên liệu không có xuất xứ trải qua quá trình chuyển đổi tại một nước thành viên là so sánh phân loại mã số thuế (HS) của nguyên liệu này sử dụng trong quá trình sản xuất với phân loại mã số thuế (HS) của thành phẩm xuất khẩu. Nếu hai mã HS này hoàn toàn khác nhau (theo quy định về Quy tắc xuất xứ), có thể hiểu rằng về cơ bản chúng đã chuyển sang một loại hàng hóa khác có xuất xứ gắn với sản phẩm thu được trong quá trình sản xuất.

### Chuyển đổi mã số hàng hóa

Khái niệm CTC áp dụng cho công đoạn sản xuất hàng hóa cuối cùng để hợp nhất các nguyên liệu không có xuất xứ.

Tiêu chí CTC yêu cầu tất cả các nguyên liệu không có xuất xứ được sử dụng trong quá trình sản xuất hàng hóa phải có mã HS khác với mã HS của thành phẩm mà chúng tạo nên. Do đó, tiêu chí CTC chỉ liên quan hoặc áp dụng cho nguyên liệu không có xuất xứ cấu thành nên sản phẩm.

Các cấp độ chuyển đổi này không thể hiện mức độ chuyển đổi cơ bản nhiều hơn hay ít hơn. Cấp độ chuyển đổi yêu cầu được xác định bằng cách phân loại ra sao một sản phẩm và các nguyên liệu đầu vào của nó trong Hệ thống Hải hòa. Do đó, một tiêu chí chuyển đổi Chương (CC) có thể phù hợp với cấp độ chuyển đổi tương tự là chuyển đổi phân nhóm (CTSH) tùy vào hàng hóa được phân loại vào mã HS nào.

## **Thế nào là nguyên liệu có xuất xứ và nguyên liệu không có xuất xứ?**

### Nguyên liệu

Nguyên liệu là bất kỳ vật chất hay chất liệu nào:

- được sử dụng hoặc dùng để sản xuất ra sản phẩm;
- thực tế cấu thành nên sản phẩm; hoặc
- cần phải sử dụng cho một công đoạn để sản xuất ra sản phẩm.

Do đó, nguyên liệu bản chất có thể là hàng hóa thương mại nhưng khi được dùng trong quá trình để sản xuất ra một hàng hóa khác thì nó là nguyên liệu.

### Nguyên liệu có xuất xứ

Một nguyên liệu có xuất xứ là nguyên liệu đáp ứng tiêu chí xuất xứ quy định trong Điều ước quốc tế và được sử dụng để sản xuất ra hàng hóa.

### Nguyên liệu không có xuất xứ

Một nguyên liệu không có xuất xứ là nguyên liệu về bản chất không đáp ứng được tiêu chí xuất xứ quy định trong Điều ước quốc tế. Nguyên liệu đó hoặc thành phần nguyên liệu đó được nhập khẩu từ một nước không phải là thành viên nội khối hoặc nguyên liệu đó được sản xuất trong khối nhưng không đáp ứng tiêu chí xuất xứ do cấp độ chuyển đổi thấp.

### Hàng hóa

Hàng hóa là sản phẩm được sản xuất hoặc chế tạo từ các nguyên liệu. Nó hoặc có thể là sản phẩm cuối cùng bán đến tay người tiêu dùng hoặc là nguyên liệu đầu vào dùng để sản xuất ra một hàng hóa khác.



## Phân biệt giữa nguyên liệu và hàng hóa

Một bảng mạch in được sản xuất từ nhiều cụm lắp ráp.

Các cụm lắp ráp này là nguyên liệu dùng để sản xuất ra hàng hóa là bảng mạch in.

Nếu bảng mạch in sau đó được dùng để sản xuất ra một máy thu hình thì bảng mạch in này trở thành nguyên liệu dùng để sản xuất hàng hóa, gọi là máy thu hình.

## Chuyển đổi Chương (CC)

Hai số đầu của mã HS thể hiện cho Chương. Quy tắc xuất xứ này yêu cầu chuyển đổi chương, nên nguyên liệu không có xuất xứ phải đến từ một chương khác với chương của sản phẩm cuối cùng.

## Chuyển đổi Chương

Quy tắc chuyển đổi mã số hàng hoá ở cấp độ chương yêu cầu tất cả những nguyên vật liệu không có xuất xứ được sử dụng để sản xuất ra hàng hóa phải được phân loại ở một chương khác của hệ thống HS so với chương của sản phẩm cuối cùng mà những nguyên vật liệu này được kết hợp tạo nên.

## Ví dụ Chuyển đổi Chương

**Câu hỏi:** Tôm chế biến (HS 1605.29) được sản xuất tại Thái Lan (nước thành viên) từ tôm sống (HS 0306.27) nhập khẩu từ Trung Quốc (không phải nước thành viên) vào Thái Lan. Tiêu chí xuất xứ hàng hóa áp dụng cho phân nhóm 1605.29 là “CC”.

**Trả lời:** Tôm sống từ chương (03) khác với tôm chế biến từ chương (16). Nên đáp ứng quy tắc ‘chuyển đổi chương’, do đó, tôm chế biến là hàng hóa có xuất xứ.

## Chuyển đổi Nhóm (CTH)

Chuyển đổi mã số hàng hóa ở cấp độ CTH quy định tất cả các nguyên liệu không có xuất xứ sử dụng trong quá trình sản xuất ra sản phẩm phải có mã HS khác với mã HS ở cấp độ Nhóm của thành phẩm mà chúng cấu thành nên.

Hai số đầu của mã HS thể hiện Chương và hai số tiếp theo thể hiện sự phân loại hàng hoá trong Chương đó ở cấp độ Nhóm.

Để đáp ứng quy tắc CTH, nguyên liệu không có xuất xứ và thành phẩm nhiều khả năng có thể đến từ cùng một Chương nhưng không thể từ cùng một Nhóm.

### Chuyển đổi Nhóm

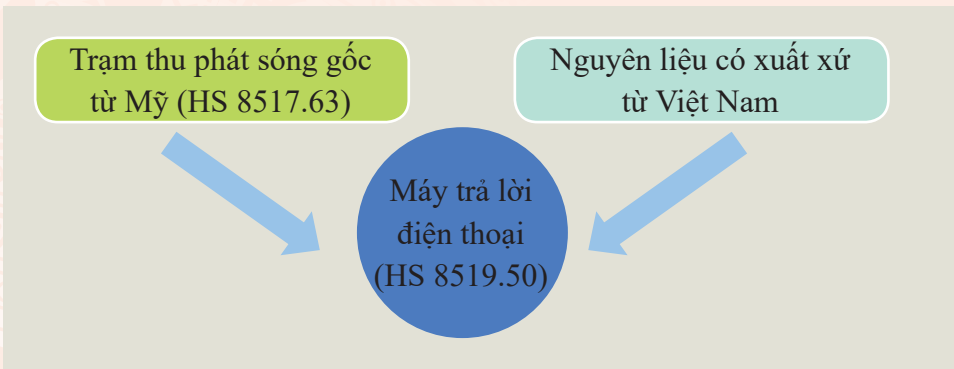
Quy tắc chuyển đổi mã số hàng hoá ở cấp độ Nhóm quy định tất cả các nguyên liệu không có xuất xứ sử dụng trong quá trình sản xuất ra sản phẩm phải có mã HS khác với mã HS ở cấp độ Nhóm của thành phẩm mà chúng cấu thành nên.

### Ví dụ Chuyển đổi Nhóm

**Câu hỏi:** Một chiếc máy trả lời điện thoại (HS 8519.50) được sản xuất tại Việt Nam sử dụng trạm thu phát sóng gốc (telephone base stations) (HS 8517.63) nhập khẩu từ Mỹ (không phải nước thành viên) và nguyên liệu có xuất xứ của Việt Nam (nước thành viên). Tiêu chí xuất xứ mà sản phẩm mã HS 8519.50 cần đáp ứng là “CTH”.

Chiếc điện thoại đó có xuất xứ hay không?

**Trả lời:** So với thành phẩm (HS 8119), các nguyên liệu không có xuất xứ (HS 8117) được phân loại ở một Nhóm khác. Do đó, tiêu chí chuyển đổi Nhóm đã được đáp ứng và chiếc điện thoại đó là hàng hoá có xuất xứ.



CTH được hiểu là nếu một nhà sản xuất tại một nước thành viên sản xuất một loại sản phẩm sử dụng nguyên liệu không có xuất xứ, sản phẩm đó sẽ được coi là có xuất xứ nếu có một sự chuyển đổi mã HS ở cấp độ 4 số của thành phẩm so với nguyên liệu được sử dụng để sản xuất ra nó, có nghĩa là, nếu mã HS Nhóm của thành phẩm khác với mã HS Nhóm của nguyên liệu cấu thành.

### **Chuyển đổi Phân nhóm (CTSH)**

Hai số đầu của mã HS thể hiện Chương và hai số tiếp theo thể hiện sự phân loại hàng hoá trong Chương đó ở cấp độ Nhóm, hai số tiếp theo thể hiện sự phân loại hàng hóa trong Nhóm đó ở cấp độ Phân nhóm. Do Quy tắc xuất xứ này yêu cầu chuyển đổi phân nhóm, nên nguyên vật liệu không có xuất xứ phải đến từ một phân nhóm khác với phân nhóm của sản phẩm cuối cùng. Lúc này, nguyên vật liệu không có xuất xứ có thể ở cùng chương hoặc cùng nhóm với sản phẩm cuối cùng nhưng không được ở cùng phân nhóm.

### **Chuyển đổi Phân nhóm**

Quy tắc chuyển đổi mã số hàng hoá ở cấp độ phân nhóm yêu cầu tất cả những nguyên vật liệu không có xuất xứ được sử dụng để sản xuất ra hàng hóa phải được phân loại ở một phân nhóm khác của hệ thống HS so với phân nhóm của sản phẩm cuối cùng mà những nguyên vật liệu này được kết hợp tạo nên.

**Câu hỏi:** Hạt điều nhân chưa bóc vỏ (HS 0801.31) được nhập khẩu từ Bồ Biên Ngà (không phải nước thành viên) và được bóc vỏ tại Việt Nam thành sản phẩm hạt điều nhân bóc vỏ (HS 0801.32). Tiêu chí xuất xứ áp dụng cho phân nhóm 0801.32 là “CTSH”. Vậy hạt điều nhân bóc vỏ (HS 0801.32) có xuất xứ không?

**Trả lời:** Nguyên liệu không có xuất xứ từ phân nhóm (HS 0801.31) khác với phân nhóm của sản phẩm cuối cùng (HS 0801.32). Do đó, đáp ứng quy tắc chuyển đổi phân nhóm nên hạt điều nhân bóc vỏ là hàng hóa có xuất xứ.

## Hàm lượng giá trị khu vực RVC là gì?

Hàm lượng giá trị khu vực (RVC) là một ngưỡng mà hàng hoá phải đạt được để được coi là có xuất xứ. Ngưỡng tiêu chí này tương ứng với tỷ lệ phần trăm cụ thể so với giá trị FOB của hàng hóa xuất khẩu. Đôi khi hàm lượng giá trị khu vực (RVC) được xem như quy tắc giá trị gia tăng vì nó phản ánh tỷ lệ phần trăm giá trị gia tăng của nước xuất khẩu.

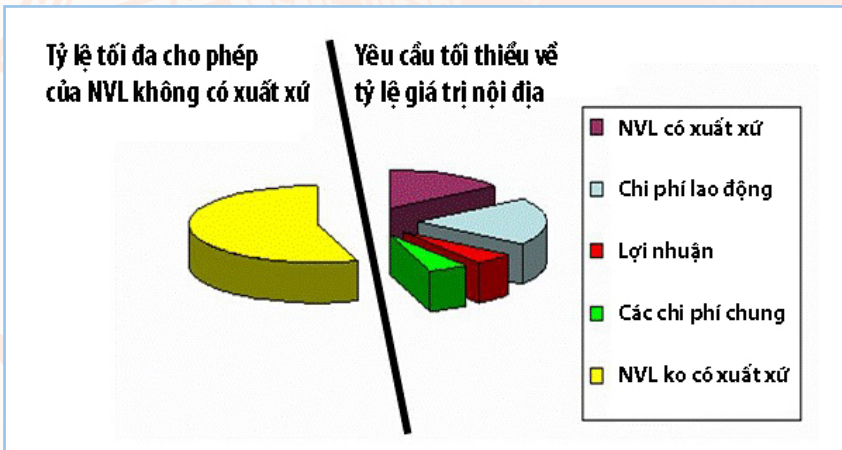
Giá FOB là giá trị hàng hóa được giao qua lan can tàu, đã bao gồm chi phí vận chuyển tới cảng hoặc tại địa điểm cuối cùng để giao hàng lên tàu. Giá trị này bắt nguồn từ những quy định về Trị giá hải quan của Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch (GATT).

Để áp dụng quy tắc này cần phân tích chi phí sản xuất cụ thể. Việc này đòi hỏi quy trình kế toán và lưu trữ hồ sơ hiệu quả và giả định một mức tiêu chuẩn thực hành kế toán để đảm bảo sự khác nhau trong chi phí nguyên liệu được tính toán một cách công bằng tại các quốc gia khác nhau.

Hàm lượng giá trị khu vực (RVC) được sử dụng khi quy tắc xuất xứ (ROO) quy định một tỷ lệ cụ thể dựa trên giá trị cuối cùng của hàng hóa phải được sản xuất tại một nước thành viên. Sử dụng phương pháp này của quy tắc xuất xứ (ROO), một tỷ lệ phần trăm giá trị nhất định phải được thêm vào trong quá trình sản xuất. Bản thân tiêu chí này thường được thể hiện dưới 2 hình thức:

- Kiểm tra hàm lượng không có xuất xứ, yêu cầu một tỷ lệ phần trăm tối đa cho phép những nguyên vật liệu không có xuất xứ được dùng để sản xuất ra hàng hoá; và
- Kiểm tra hàm lượng có xuất xứ, yêu cầu một mức tối thiểu tỷ lệ phần trăm giá trị gia tăng phát sinh tại vùng lãnh thổ nơi hàng hóa được sản xuất;

Khi đã tính hàm lượng giá trị khu vực, có thể đem so sánh với một tỷ lệ phần trăm cụ thể (ví dụ: tiêu chuẩn hàm lượng khu vực theo quy định của Quy tắc xuất xứ). Nếu hàm lượng đo được của hàng hóa đáp ứng tham số này, hàng hóa sẽ được coi là có xuất xứ từ khu vực thương mại tự do (FTA) và vì vậy sẽ được hưởng ưu đãi.



(Chi phí sản xuất chung là chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh).

Trong thực tế, phương pháp tính hàm lượng giá trị khu vực thường yêu cầu so sánh giá trị của nguyên liệu không có xuất xứ được sử dụng để sản xuất ra hàng hoá với giá trị của hàng hóa thành phẩm. Giá trị của nguyên liệu không có xuất xứ nói chung là chi phí để nhập khẩu nguyên liệu đó. Giá trị của hàng hóa xuất khẩu thường được tính bằng giá bán của hàng hóa đó (Giá FOB hoặc giá xuất khẩu).

## Bảng 1: So sánh các tiêu chí xuất xứ quy định về hàm lượng giá trị

Tỷ lệ tối đa cho phép của nguyên vật liệu không có xuất xứ	Yêu cầu tối thiểu về tỷ lệ giá trị nội địa
Việc sử dụng nguyên liệu đầu vào hoặc những thành phần không có xuất xứ trong quá trình sản xuất hoặc gia công tại một nước thành viên bị giới hạn ở một mức tối đa.	Hoạt động sản xuất hoặc gia công tại một nước thành viên phải tương đương hoặc vượt qua một tỷ lệ phần trăm quy định so với giá trị cuối cùng của sản phẩm để hàng hoá cuối cùng được coi là có xuất xứ.
Phương pháp này yêu cầu có sự so sánh giữa giá trị của những nguyên vật liệu đầu vào hoặc thành phần không có xuất xứ với giá trị của sản phẩm cuối cùng.	Phương pháp này yêu cầu có sự so sánh giữa giá trị gia tăng tại một nước thành viên với giá trị của sản phẩm cuối cùng.

*Nguồn: Cục XNK*

Trong các khu vực ký mật dịch tự do FTA có nhiều cách để tính hàm lượng giá trị khu vực. Tiêu chí Hàm lượng giá trị khu vực đưa ra một phương pháp tính toán cụ thể và thống nhất để xác định xuất xứ của hàng hóa và được trình bày một cách dễ hiểu.

Giá trị của nguyên liệu không có xuất xứ có sẵn qua các chứng từ thương mại liên quan đến việc nhập khẩu. Giá FOB của hàng hóa xuất khẩu cũng có thể dễ dàng có được từ hóa đơn xuất khẩu. Vì vậy, nhà sản xuất/xuất khẩu dễ dàng có được những thông tin cần thiết để tính giá trị khu vực và có thể lấy các giá trị này thông qua hóa đơn thương mại và chứng từ thương mại của thương nhân.

Nhà sản xuất/xuất khẩu có thể gặp một số khó khăn khi sử dụng tiêu chí RVC khi tỷ lệ phần trăm hàm lượng giá trị khu vực xác định được rất sát với mức quy định trong tiêu chí xuất xứ, ví dụ: hàm lượng giá trị khu vực RVC = 40%.

Rắc rối có thể xảy ra khi giá nguyên vật liệu có thay đổi nhỏ dẫn

đến giá trị của hàng hóa có xuất xứ sử dụng nguyên liệu nhập khẩu không có xuất xứ trở thành hàng hóa không có xuất xứ trong lần nhập khẩu nguyên liệu không xuất xứ tiếp theo.

Tương tự, xuất xứ của hàng hóa sản xuất ra có thể chịu ảnh hưởng của biến động giá nguyên vật liệu trên thị trường quốc tế cũng như biến động của tỷ giá tiền tệ. Những biến động này có thể xảy ra ở những thời điểm khác nhau sẽ dẫn đến việc áp dụng phương pháp tính hàm lượng giá trị khu vực cho ra những kết quả khác nhau ứng với mỗi lần nhập khẩu nguyên liệu không có xuất xứ.

Một ví dụ cho thấy tầm quan trọng của yếu tố này trong thực tế là tỷ giá đô la Mỹ có biến động rất lớn so với nhiều loại tiền ngoại tệ khác trong thập kỷ qua. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến cạnh tranh quốc tế mà còn ảnh hưởng đến khả năng đạt tỷ lệ phần trăm RVC theo quy định của hàng hoá xuất khẩu. Có nghĩa là hàng hóa đã đạt mức giá trị gia tăng theo quy định tại một thời điểm này có thể không đạt được mức đó trong tương lai cho dù quy trình sản xuất không thay đổi và vẫn sử dụng nguyên liệu đầu vào đầy.

Nhà sản xuất/xuất khẩu cũng có thể gặp bất lợi khi mở rộng sản xuất (có thể nói là để xuất khẩu sang những thị trường khác). Có nghĩa là khi chi phí sản xuất trung bình cho mỗi sản phẩm giảm xuống, giá trị cuối cùng (và tỷ lệ) của hàm lượng khu vực dùng để tính hàm lượng giá trị khu vực cũng giảm theo. Việc mở rộng sản xuất và hạ thấp đơn giá nói chung được nhìn nhận như một bước cải thiện hiệu quả kinh tế nhưng có cũng có tác động ngược khiến một sản phẩm không đạt tiêu chuẩn để được hưởng ưu đãi tại thị trường nước nhập khẩu. Việc này có thể hạn chế hiệu quả sản xuất. Nếu một doanh nghiệp muốn cải thiện hiệu quả sản xuất thì nói chung sẽ cần phải giảm chi phí – nghĩa là họ đã giảm hàm lượng giá trị nội địa mặc dù họ đang cải thiện hiệu suất và tạo ra sản phẩm cạnh tranh hơn.

Một nhà sản xuất/xuất khẩu giá rẻ có thể không thể đạt được tiêu chí hàm lượng giá trị khu vực trong khi đối thủ cạnh tranh có chi phí sản xuất cao hơn (sử dụng nguyên liệu không có xuất xứ như nhau) lại có thể đạt xuất xứ.

## Tiêu chí Công đoạn gia công, chế biến cụ thể

Tiêu chí xuất xứ về công đoạn gia công chế biến cụ thể quy định rằng để hàng hóa được coi là có xuất xứ thì các nguyên liệu không có xuất xứ dùng để sản xuất ra hàng hóa đó phải trải qua quá trình gia công hoặc chế biến cụ thể tại một nước thành viên của Điều ước quốc tế.

Tiêu chí Công đoạn gia công, chế biến cụ thể yêu cầu nguyên liệu không có xuất xứ phải trải qua một quá trình sản xuất hoặc chế biến cụ thể tại một nước thành viên trước khi xuất khẩu và yêu cầu được hưởng ưu đãi thuế quan.

Tiêu chí Công đoạn gia công, chế biến cụ thể ghi rõ những quy trình nào phải được thực hiện trong quá trình sản xuất để hàng hoá được coi là có xuất xứ. Theo đó, có một số ít sản phẩm liên quan yêu cầu phải đáp ứng Tiêu chí Công đoạn gia công, chế biến cụ thể. Tiêu chí Công đoạn gia công, chế biến cụ thể cũng có thể được sử dụng thay hoặc kết hợp với Tiêu chí RVC hoặc CTC.

Thực hiện theo Tiêu chí Công đoạn gia công, chế biến cụ thể khá đơn giản vì các nhà sản xuất đã nắm rõ quy trình sản xuất của mình và có thể chứng minh được nếu quy trình sản xuất của họ đáp ứng được tiêu chí xuất xứ này. Hơn nữa, việc xác minh Công đoạn gia công, chế biến của Tổ chức cấp C/O hoặc Cơ quan Hải quan tương đối dễ do có thể xác định được các bước của quy trình sản xuất.

Tiêu chí Công đoạn gia công, chế biến cụ thể có lợi là không thay đổi, nếu tuân theo cùng một quy trình sản xuất thì hàng hoá đạt tiêu chuẩn sẽ luôn tiếp tục có xuất xứ mà không phụ thuộc vào chi phí nguyên liệu, nhân công và các yếu tố đầu vào khác.

Tiêu chí Công đoạn gia công, chế biến cụ thể không bị ảnh hưởng của biến động tỷ giá và giá nguyên liệu thế giới, là những yếu tố có ảnh hưởng đáng kể tới cơ cấu chi phí cuối cùng của nhà xuất khẩu khi cần tính toán RVC.

Biến động giá dầu và tỷ giá ngoại hối rất nhạy cảm, đặc biệt liên quan đến những mặt hàng hóa chất và sản phẩm nhựa do chúng sử dụng các dẫn xuất của dầu thô làm nguyên liệu. Giá dầu thô luôn biến động



và do đó bất kỳ quy tắc nào sử dụng giá dầu thô khó đạt yêu cầu vào lúc này, nhưng lại có thể đạt vào lúc khác.

Tiêu chí Công đoạn gia công, chế biến cụ thể không bị ảnh hưởng do thay đổi nguồn cung nguyên liệu, là yếu tố có thể tác động tới tiêu chí CTC.

Tiêu chí Công đoạn gia công, chế biến cụ thể nhằm tạo ra kết quả công bằng hơn giữa các ngành công nghiệp và các nước thành viên nhờ căn cứ vào việc xác định có chuyển đổi cơ bản trong quy trình sản xuất chứ không phải căn cứ vào chi phí và nguồn cung nguyên liệu đầu vào của các nhà sản xuất riêng lẻ. Để so sánh, việc sử dụng đơn thuần một định mức hàm lượng giá trị khu vực RVC hoặc tiêu chí CTC cho tất cả các loại hàng hóa sẽ không cho phép tính đến những khác biệt về thành phần nguyên liệu, lao động và vốn được sử dụng cho các ngành công nghiệp khác nhau hoặc cấu trúc của hệ thống HS. Sự khác biệt của các yếu tố này khiến vài loại hàng hóa dễ dàng đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí RVC hoặc CTC đơn thuần.

Do Tiêu chí Công đoạn gia công, chế biến cụ thể được xây dựng để áp dụng cho một loại hàng hóa cụ thể, nên Quy tắc này có vẻ phức tạp nhưng nên nhớ là tiêu chí này được xây dựng có sự tham vấn của nhóm các ngành công nghiệp cụ thể và nhóm các ngành công nghiệp này là những người sẽ sử dụng tiêu chí.

Thông tin được sử dụng để xác định xuất xứ và nguồn gốc thông tin đó cũng tương tự như các phương pháp luận khác. Bài tập nhóm dưới đây so sánh thông tin cần thiết để có thể đưa ra quyết định dựa vào tiêu chí RVC, CTC hoặc Tiêu chí Công đoạn gia công, chế biến cụ thể.

Bảng dưới đây là một số ví dụ minh họa về Tiêu chí Công đoạn gia công, chế biến trong Hiệp định ASEAN - Úc - Niu-di-lân:

**Bảng 2: Tiêu chí công đoạn gia công, chế biến  
tại Hiệp định AANZFTA**

Nhóm	Phân nhóm	Mô tả sản phẩm	Quy tắc cụ thể mặt hàng
1509	1509.10	Dầu ô liu (virgin)	RVC (40) hoặc CC hoặc không thay đổi mã số hàng hóa với điều kiện sản phẩm được sản xuất bằng quy trình tinh chế
2620	2620.11	Xi, tro và cặn chủ yếu chứa kẽm: Kẽm tạp chất cứng	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi sinh ra sản phẩm này từ việc sản xuất hoặc tiêu thụ
3808	3808.92	Thuốc trừ côn trùng, thuốc diệt loài gặm nhấm: Loại khác: thuốc diệt nấm	RVC(40) hoặc CTSH, với điều kiện ít nhất 50% trọng lượng của thành phần hoạt tính hoặc các thành phần có xuất xứ
5407	5407.10	Vải dệt thoi bằng sợi filament tổng hợp – kể cả từ sợi có độ bền cao bằng nylon, v.v...	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
6104	6104.13	Bộ quần áo dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái làm từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Nhóm	Phân nhóm	Mô tả sản phẩm	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6302	6302.31	Ga trải giường bằng vải bông	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên. CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên

Nguồn: Cục XNK

## 4. Các khái niệm khác liên quan đến quy tắc xuất xứ hàng hoá

### 4.1. Tỷ lệ *De Minimis*

Mặc dù CTC là tiêu chí đơn giản, có nghĩa là tất cả các nguyên liệu không có xuất xứ phải trải qua cấp độ chuyển đổi HS yêu cầu, nhưng đôi khi việc sử dụng một lượng nhỏ phần trăm nguyên liệu không có xuất xứ để sản xuất hàng hoá mà không tạo nên được cấp độ chuyển đổi HS yêu cầu có thể gây cản trở hàng hoá trở thành hàng hoá có xuất xứ. Ví dụ: một sản phẩm trị giá \$10,000, trong đó có \$5 nguyên liệu không có xuất xứ không đáp ứng tiêu chí CTC có nghĩa là thành phẩm không được coi là có xuất xứ. Như vậy là không công bằng?

Để giải quyết tình huống này, các Hiệp định thương mại tự do (FTAs) thường đưa vào một điều khoản *De minimis* cho phép một sản phẩm được coi là hàng hoá có xuất xứ với điều kiện tổng trị giá của tất cả nguyên liệu không có xuất xứ không đáp ứng tiêu chí CTC được sử dụng để sản xuất ra sản phẩm đó không được phép vượt quá một tỷ lệ phần trăm quy định của trị giá thành phẩm. Thông thường, điều khoản về tỷ lệ *de minimis* không áp dụng đối với tiêu chí Hàm lượng giá trị khu vực (RVC).

## 4.2. Các yếu tố trung gian

Một số FTA có định nghĩa một yếu tố trung gian như một loại hàng hoá:

- sử dụng trong quá trình sản xuất, thử nghiệm hoặc kiểm chứng một sản phẩm nhưng về mặt tự nhiên không cấu thành nên sản phẩm đó; hoặc
- sử dụng trong quá trình sửa chữa, bảo quản nhà xưởng hoặc vận hành máy móc cùng với việc sản xuất hàng hoá

Các yếu tố trung gian luôn được coi là nguyên liệu có xuất xứ mà không cần xét đến chúng được sản xuất ở đâu. Do đó, các yếu tố trung gian không được tính đến khi xét liệu một sản phẩm có đạt tiêu chí xuất xứ CTC không.

### Hộp 2. Ví dụ về các yếu tố trung gian

Các yếu tố trung gian là hàng hóa sử dụng trong quá trình sản xuất, thử nghiệm hoặc kiểm tra hàng hóa nhưng không còn nằm lại trong hàng hóa đó, hoặc là hàng hóa được sử dụng trong quá trình bảo dưỡng nhà xưởng hay để vận hành thiết bị có liên quan tới việc sản xuất hàng hóa, bao gồm:

- a) Nhiên liệu và năng lượng;
- b) Dụng cụ, khuôn rập và khuôn đúc;
- c) Phụ tùng và nguyên liệu dùng để bảo dưỡng thiết bị và nhà xưởng;
- d) Dầu nhờn, chất bôi trơn, hợp chất và các nguyên liệu khác dùng trong sản xuất hoặc dùng để vận hành thiết bị và nhà xưởng;
- e) Găng tay, kính, giày dép, quần áo, các thiết bị an toàn;
- f) Các thiết bị, dụng cụ và máy móc dùng để thử nghiệm hoặc kiểm tra hàng hoá;
- g) Chất xúc tác và dung môi;
- h) Bất kỳ nguyên liệu nào khác không còn nằm lại trong hàng hoá nhưng việc sử dụng chúng phải chứng minh được là cần thiết trong quá trình sản xuất ra hàng hoá đó.

### 4.3. Cộng gộp

Cộng gộp thúc đẩy việc tạo ra một khu vực thương mại tự do vì nguyên tắc này cho phép các hoạt động sản xuất bên ngoài Nước thành viên diễn ra công đoạn sản xuất cuối cùng, được coi là diễn ra tại nước đó khi xác định xuất xứ. Như vậy, các hoạt động được thực hiện tại các Nước thành viên trong Hiệp định thương mại tự do (FTA) có thể được kết hợp trong khâu sản xuất hàng hóa cuối cùng.

Nguyên tắc Cộng gộp dẫn tới việc hàng hóa cuối cùng sẽ được xác định xuất xứ để xem xét các nguyên liệu và quá trình sản xuất có được thực hiện toàn bộ trong Nước thành viên đó không. Theo nguyên tắc này, hàng hóa đáp ứng các tiêu chí xuất xứ quy định và được sử dụng làm nguyên liệu để sản xuất ra hàng hóa ở một Nước thành viên khác được coi là có xuất xứ của Nước thành viên nơi diễn ra các công đoạn gia công, chế biến hàng hóa đó.

Nguyên tắc Cộng gộp mang đến các lợi ích kinh tế nhờ:

- Tạo ra tính linh hoạt cho các doanh nghiệp trong việc tìm kiếm nguồn cung nguyên liệu thô, linh kiện và phụ tùng từ các nhà cung cấp tối ưu nhất trong các Nước thành viên FTA;
- Cho phép quá trình sản xuất được thực hiện riêng rẽ tại các quốc gia đều được cân nhắc;
- Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ vì nó cho phép mở rộng quy mô kinh tế bằng cách gia tăng kim ngạch xuất khẩu trong thị trường khu vực;
- Khuyến khích các thành viên kém phát triển nhất nhất tham gia vào dây chuyền sản xuất bằng cách gỡ bỏ các rào cản; và
- Thu hút đầu tư giữa các Thành viên FTA.

Nguyên tắc Cộng gộp gia tăng sự linh hoạt trong quá trình sản xuất hàng hóa xuất khẩu trong các nước thành viên, cho dù hàng hóa phải đáp ứng tiêu chí Chuyển đổi mã số hàng hóa (CTC), Hàm lượng giá trị khu vực (RVC) hoặc Quy tắc cụ thể mặt hàng (PSR).

Các hoạt động sản xuất và cung ứng nguyên liệu có xuất xứ có thể

diễn ra giữa tất cả các Thành viên Hiệp định thương mại tự do, cho phép các nhà sản xuất phát huy tối đa tính hiệu quả và năng lực cạnh tranh. Nghĩa là các nhà sản xuất có sự lựa chọn đa dạng hơn liên quan tới chất lượng, phẩm chất và giá cả nhằm tăng tính cạnh tranh trên thị trường cuối cùng.

Sự tăng trưởng của chuỗi sản xuất quốc tế ngày càng trở thành yếu tố phát triển quan trọng trong nền kinh tế thế giới trong những thập kỷ gần đây, đặc biệt là ở châu Á. Chuỗi sản xuất quốc tế đề cập đến các công đoạn sản xuất, do đó quy trình sản xuất được chia thành các công đoạn sản xuất riêng biệt, trong đó nhiều công đoạn có thể được thực hiện tại các quốc gia khác nhau, mỗi công đoạn đều có lợi thế khác nhau đối với hoạt động sản xuất nhất định.

Nguyên tắc Cộng gộp được xây dựng và áp dụng để phản ánh tập quán sản xuất thông qua việc cho phép xóa bỏ rào cản biên giới quốc gia cũng như sự hội nhập của chuỗi cung ứng.

Nguyên tắc Cộng gộp cho phép các doanh nghiệp gia tăng quy mô kinh tế bằng cách tăng kim ngạch xuất khẩu trong khu vực; điều này đặc biệt đem lợi ích cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs). Nó cho phép SMEs phát triển lĩnh vực phù hợp trong chuỗi sản xuất mà các nước này không đủ khả năng đảm nhận toàn bộ các công đoạn sản xuất hoàn chỉnh.

Các nước bổ sung chỉ một hàm lượng giá trị tương đối thấp vào nguyên liệu cũng có thể được hưởng lợi nhất định từ quy định Cộng gộp. Nếu không có Cộng gộp các quốc gia này có thể không có sự đóng góp để được công nhận khi kiểm tra xuất xứ của hàng hóa, và do đó họ không thể là một nguồn cung nguyên liệu đầu vào hấp dẫn hoặc là một địa điểm thực hiện quá trình sản xuất cho nhà sản xuất. Đây là một đặc điểm quan trọng đối với các Nước kém phát triển nhất.

Cộng gộp tạo cho các doanh nghiệp sự linh động lớn hơn khi ra quyết định về nguồn nguyên liệu, địa điểm và quy mô sản xuất trong khi vẫn duy trì khả năng tiếp cận thị trường của các nước thành viên. Chất lượng sẽ làm gia tăng sự thu hút đầu tư trong các nước thành viên.

## **Các phương thức cộng gộp:**

- *Cộng gộp thông thường*: Đây là hình thức cộng gộp phổ biến nhất hiện nay, được áp dụng trong tất cả các FTA. Theo đó, nguyên liệu có xuất xứ từ một nước thành viên sẽ được cộng gộp 100% trị giá của nguyên liệu đó vào công đoạn sản xuất tiếp theo để tính xuất xứ cho thành phẩm tại nước thành viên khác.

Về cơ bản, điều này có nghĩa là nếu một nguyên liệu có xuất xứ từ một nước thành viên và sau đó được xuất khẩu sang một nước thành viên khác, nguyên liệu đó sẽ được coi là có xuất xứ 100% khi được sử dụng vào quá trình sản xuất một hàng hóa khác tại Nước thành viên đó.

Điều này đặc biệt quan trọng khi xem xét Quy tắc RVC vì nó cho phép 100% giá trị của các nguyên liệu được tính trong RVC cuối cùng của hàng hóa, bỏ qua xuất xứ thực tế của các thành phần được sử dụng trong sản xuất của nguyên liệu. Cộng gộp thông thường cho phép hàng hóa trải qua quy trình sản xuất của nhiều nhà sản xuất trong nước thành viên với điều kiện hàng hóa đó đáp ứng các tiêu chí xuất xứ khi xuất khẩu, tức là quá trình sản xuất có thể được chia thành nhiều công đoạn trong cùng một quốc gia.

Tuy nhiên, hoạt động sản xuất được thực hiện tại một hoặc nhiều nước thành viên có thể dẫn đến việc nguyên liệu không có xuất xứ xuất khẩu đến nước thành viên khác không thể được tính để xác định xuất xứ cho hàng hóa sản xuất từ những nguyên liệu không có xuất xứ đó (ví dụ các hoạt động gia công không đủ để nguyên liệu không có xuất xứ qua chuyển đổi cơ bản thành nguyên liệu có xuất xứ nên không được cộng gộp ở những công đoạn tiếp theo).

- *Cộng gộp toàn phần*: Đây là hình thức cộng gộp áp dụng trong các FTA thế hệ mới hoặc áp dụng cho một số nhóm hàng nhất định trong một số trong một số FTA như nhóm hàng dệt may. Quy định này cho phép nguyên liệu không nhất thiết phải đáp ứng đúng quy tắc xuất xứ dành cho nguyên liệu đó. Nguyên liệu có thể đáp ứng một phần của tiêu chí xuất xứ (ví dụ không thể đáp ứng tiêu chí RVC 40% mà chỉ có thể đáp ứng tiêu chí RVC 19% nhưng vẫn được phép cộng gộp vào công đoạn sản xuất tiếp theo để tính xuất xứ cho thành phẩm. Phần được cộng

gộp sẽ chỉ là phần giá trị gia tăng thực tế 19% chứ không phải toàn bộ trị giá của nguyên liệu (100%) như cách tính cộng gộp quy định cộng gộp thông thường;

- *Cộng gộp từng phần*: Hình thức cộng gộp này cho phép nếu nguyên liệu chỉ đáp ứng ngưỡng RVC nhất định (ví dụ: từ 20% - 39%) thì được cộng gộp đúng trị giá thực tế “có xuất xứ” đó vào công đoạn sản xuất tiếp theo để xác định xuất xứ cho hàng hóa, còn nếu nguyên liệu có RVC dưới ngưỡng nhất định (ví dụ dưới 20%) thì không được sử dụng nguyên liệu đó để cộng gộp.





**PHẦN II**

**CƠ CHẾ  
TỰ CHỨNG NHẬN  
XUẤT XỨ HÀNG HOÁ  
TẠI VIỆT NAM**



## 1. Cơ chế TCNXX trong Hiệp định CPTPP

Với mục tiêu tạo thuận lợi tối đa cho hoạt động thương mại giữa các nước thành viên, Hiệp định CPTPP hướng tới cơ chế tự chứng nhận xuất xứ (TCNXX) là cơ chế chứng nhận cốt lõi tại Hiệp định, áp dụng cho ba đối tượng là nhà xuất khẩu, nhà sản xuất và nhà nhập khẩu. Theo đó, Hiệp định quy định bất kỳ nhà xuất khẩu, nhà sản xuất nào cũng được tự chứng nhận xuất xứ. Còn đối với nhà nhập khẩu, Hiệp định CPTPP cho phép các nước thành viên có thể đưa ra các quy định trong nội luật về điều kiện cụ thể để nhà nhập khẩu được tự chứng nhận xuất xứ.

Tuy nhiên, do có sự khác nhau trong nhu cầu cũng như mức độ sẵn sàng để áp dụng cơ chế TCNXX hàng hoá ngay khi Hiệp định có hiệu lực, Hiệp định CPTPP cũng cho phép các nước thành viên được bảo lưu việc áp dụng cơ chế này sau một thời gian chuyển đổi nhất định, cụ thể:

*(i) Đối với TCNXX bởi nhà nhập khẩu:* các nước Bru-nây, Ma-lai-xi-a, Mê-hi-cô, Pê-ru và Việt Nam được bảo lưu việc áp dụng cơ chế nhà nhập khẩu tự chứng nhận xuất xứ sau 5 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực đối với nước thành viên đó.

*(ii) Đối với TNCXX bởi nhà xuất khẩu, nhà sản xuất:* các nước thành viên CPTPP được bảo lưu việc áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ đối với nhà xuất khẩu, nhà sản xuất trong thời gian 5 năm và gia hạn thêm 5 năm (nghĩa là tối đa là 10 năm) kể từ khi Hiệp định có hiệu lực đối với nước thành viên đó.

Trong thời gian bảo lưu, các nước thành viên CPTPP được linh hoạt áp dụng một trong hai cơ chế chứng nhận xuất xứ sau: (a) cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O); và (b) Nhà xuất khẩu đủ điều kiện (approved exporter) được TCNXX.

### ***1.1. Tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đối với hàng xuất khẩu***

Tại nhiều nước thành viên CPTPP, nhà xuất khẩu, nhà sản xuất sẽ tự phát hành chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa mà không có sự tham gia của các cơ quan quản lý trong quá trình phát hành. Cơ chế này cho thấy được những ưu điểm như đơn giản hóa quy trình thủ tục, cắt

giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp, đồng thời giảm rủi ro cho các cơ quan cấp phép và bớt gánh nặng cho hải quan.

Hiệp định CPTPP không quy định một mẫu cụ thể đối với chứng từ tự chứng nhận xuất xứ mà chỉ quy định các thông tin tối thiểu cần thể hiện trên chứng từ này. Nhà xuất khẩu, nhà sản xuất thực hiện tự chứng nhận xuất xứ phải đảm bảo có đủ thông tin về hàng hoá và có khả năng chứng minh được hàng hoá đáp ứng quy tắc xuất xứ theo Hiệp định CPTPP.

Đối với Việt Nam, Trong các nước đã thực thi Hiệp định CPTPP, Việt Nam là nước thành viên áp dụng thời hạn bảo lưu cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá. Kể từ khi Hiệp định CPTPP có hiệu lực đối với Việt Nam vào ngày 14 tháng 01 năm 2019, Việt Nam đã thông báo với các nước CPTPP về việc áp dụng cơ chế cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp C/O, nghĩa là áp dụng thời gian chuyển đổi. Sau khi hết thời gian chuyển đổi tối đa 10 năm (nghĩa là đến ngày 14 tháng 01 năm 2029) thì Việt Nam sẽ chuyển sang áp dụng hoàn toàn cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá đối với nhà xuất khẩu, nhà sản xuất.

## ***1.2. Tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đối với hàng nhập khẩu***

Đối với hàng hoá nhập khẩu từ các nước thành viên CPTPP về Việt Nam thì có khác về cơ chế chứng nhận xuất xứ so với hàng hoá xuất khẩu từ Việt Nam vì các nước thành viên CPTPP khác đã thực thi Hiệp định đều áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa bao gồm: Ca-na-đa, Úc, Niu-di-lân, Mê-hi-cô, Nhật Bản, Pê-ru và Xinh-ga-po.

Hiện nay Việt Nam chưa áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa bởi nhà nhập khẩu (cụ thể là thương nhân nhập khẩu tại Việt Nam) theo Hiệp định CPTPP nên chứng từ chứng nhận xuất xứ để hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định CPTPP là chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa do nhà xuất khẩu, nhà sản xuất của nước xuất khẩu thực hiện. Sau 5 năm kể từ ngày Hiệp định CPTPP có hiệu lực đối với Việt Nam, tức là ngày 14 tháng 01 năm 2024, Việt Nam sẽ áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ đối với nhà nhập khẩu.

Việc hưởng ưu đãi thuế quan đối với hàng nhập khẩu theo Hiệp định CPTPP được quy định tại Thông tư số 62/2019/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Tổng cục Hải quan (Bộ Tài chính) đã có hướng dẫn về chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá trong Hiệp định CPTPP cho hàng hoá nhập khẩu. Theo đó, cơ quan hải quan không yêu cầu người khai hải quan nộp bản giấy chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu CPTPP nếu các chứng từ này đã được người khai hải quan đính kèm trên hệ thống xử lý dữ liệu hải quan. Các chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa điện tử này được gửi cho người nhập khẩu tại Việt Nam thông qua các hệ thống quản lý của các doanh nghiệp hoặc bằng các phương tiện điện tử khác.

Hình thức điện tử của chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa có thể là bản scan PDF hoặc ảnh chụp của chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

Căn cứ vào chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa mà người khai hải quan gửi lên hệ thống xử lý dữ liệu hải quan, cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra để xác định xuất xứ hàng hoá theo quy định.

Nhìn chung, cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa là một cơ chế tiên bộ, giúp giảm thiểu thời gian, chi phí và nhân sự cho doanh nghiệp, đồng thời cũng đòi hỏi khả năng kiểm soát và quản lý hiệu quả từ cơ quan Chính phủ để cơ chế có thể vận hành thuận lợi, tạo điều kiện xuất khẩu và nhập khẩu cho thương nhân Việt Nam và các nước đối tác của Việt Nam trong cộng đồng thương mại quốc tế. Đây là xu thế chung của thương mại quốc tế và cũng phù hợp với tình hình thực thi FTA tại Việt Nam trong thời gian tới.

## **2. Cơ chế TCNXX trong EVFTA và UKVFTA**

### **2.1. EVFTA**

EVFTA là một trong những FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã ký

kết, và yếu tố tiên tiến đặc trưng của Hiệp định chính là cơ chế tự chứng nhận/ tự khai báo xuất xứ.

*Đối với hàng hoá nhập khẩu:* Chứng từ TCNXX được chấp thuận khi được phát hành bởi nhà xuất khẩu đủ điều kiện theo quy định của Liên minh châu Âu (nhà xuất khẩu đăng ký mã số REX) cho lô hàng có giá trị bất kỳ; hoặc được phát hành bởi nhà xuất khẩu bất kỳ cho lô hàng có trị giá không quá 6000 EUR.

*Đối với hàng hoá xuất khẩu:*

Hiện nay, Việt Nam chưa chính thức triển khai cơ chế tự chứng nhận xuất xứ đối với toàn bộ hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam sang EU, tuy nhiên, thương nhận được TCNXX cho các lô hàng xuất khẩu không quá 6000 EUR. Trong thời gian tới, khi có thể chính thức áp dụng cơ chế TCNXX cho toàn bộ hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam sang EU, Việt Nam sẽ ban hành quy định liên quan trong nước và thông báo cho EU trước khi thực hiện. Khi thực hiện cơ chế TCNXX này, các doanh nghiệp được EU cấp mã số (authorisation number) được phép TCNXX cho hàng hóa xuất khẩu. Để được cấp mã số ủy quyền TCNXX doanh nghiệp xuất khẩu phải đáp ứng một số quy định tương đối chặt và cơ quan hải quan thường xuyên kiểm tra việc tuân thủ các điều kiện này. Theo Khoản 2, Điều 19, Thông tư số 11/2020/TT-BCT, Nhà xuất khẩu được TCNXX cho lô hàng trị giá không quá 6.000 EUR.

Nhà xuất khẩu TCNXX trên hóa đơn, phiếu giao hàng hoặc chứng từ thương mại khác có đủ thông tin về hàng hóa, bằng cách đánh máy, đóng dấu hoặc in nội dung lời văn khai báo xuất xứ hàng hóa trên chứng từ. Nhà xuất khẩu sử dụng Mẫu lời văn khai báo xuất xứ bằng một trong các phiên bản ngôn ngữ được quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 11/2020/TT-BCT và phù hợp với quy định pháp luật của Việt Nam. Trường hợp nhà xuất khẩu khai báo bằng cách viết tay, lời văn khai báo được viết bằng mực và chữ cái in hoa.

Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ không phải thể hiện tiêu chí xuất xứ và mã HS hàng hóa nhưng phải có chữ ký của nhà xuất khẩu. Trong trường hợp nhà xuất khẩu đủ điều kiện có đăng ký với cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu về việc chịu hoàn toàn trách nhiệm với chứng

từ tự chứng nhận xuất xứ do họ phát hành thì không phải ký tên trên chứng từ đó.

Nội dung TCNXX không được thực hiện trên một mẫu riêng biệt. Nội dung TCNXX được phép thực hiện trên một trang khác của chứng từ thương mại với điều kiện nhận biết được trang đó là một phần của chứng từ thương mại.

Chứng từ TCNXX có thể phát hành sau khi xuất khẩu hàng hóa với điều kiện được xuất trình tại Nước thành viên nhập khẩu không muộn hơn 2 năm hoặc theo quy định của Nước thành viên nhập khẩu kể từ khi hàng hóa được đưa vào lãnh thổ Nước thành viên nhập khẩu.

Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày phát hành chứng từ TCNXX, nhà xuất khẩu khai báo, đăng tải chứng từ TCNXX và chứng từ liên quan đến lô hàng xuất khẩu theo quy định từ điểm c đến điểm h khoản 1 Điều 15 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP trên Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử tại địa chỉ [www.ecosys.gov.vn](http://www.ecosys.gov.vn) của Bộ Công Thương.

## **Lời văn TCNXX**

Theo quy định của EVFTA, có 24 mẫu lời văn khai báo TCNXX theo các phiên bản ngôn ngữ khác nhau của các nước thành viên Hiệp định. Thương nhân lựa chọn sử dụng mẫu lời văn khai báo TCNXX theo quy định pháp luật của Việt Nam

### **Mẫu tiếng Việt**

Người xuất khẩu hàng hoá được kê khai bằng chứng từ này (mã số tự chứng nhận xuất xứ ....) tuyên bố rằng, trừ trường hợp có chỉ định rõ ràng, những hàng hoá này có xuất xứ ưu đãi của

.....

(Thời gian, địa điểm)

.....

(Chữ ký của nhà xuất khẩu, bên cạnh đó tên của người ký khai báo xuất xứ phải được thể hiện bằng chữ in rõ ràng)

## 2.2. UKVFTA

Bộ Công Thương ban hành Thông tư số 02/2021/TT-BCT quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA), có hiệu lực kể từ ngày 26/7/2021. Về cơ bản, cơ chế TCNXX hàng hoá của UKVFTA và EVFTA là giống nhau:

Đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam có trị giá dưới 6.000 euro, bất kỳ nhà xuất khẩu nào cũng được phép TCNXX. Với lô hàng có trị giá trên 6.000 euro, chỉ có nhà xuất khẩu đủ điều kiện theo quy định của UK mới được TCNXX.

Đối với hàng hoá xuất khẩu từ Việt Nam, với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam có trị giá dưới 6.000 euro, bất kỳ nhà xuất khẩu nào cũng được phép TCNXX. Với lô hàng có trị giá trên 6.000 euro, áp dụng cơ chế C/O do cơ quan, tổ chức được Bộ Công Thương ủy quyền cấp.

### Lời văn TCNXX

UKVFTA quy định về lời văn TCNXX theo 02 phiên bản ngôn ngữ: tiếng Anh và tiếng Việt, là các ngôn ngữ chính thức của nước thành viên Hiệp định.

#### Mẫu tiếng Anh

The exporter of the products covered by this document (customs authorization No ...<sup>(1)</sup>) declares that, except where otherwise clearly indicated, these products are of ...<sup>(2)</sup> preferential origin.

.....<sup>(3)</sup>

(Place and date)

.....<sup>(4)</sup>

(Signature of the exporter; in addition, the name of the person signing the declaration has to be indicated in clear script)

So với CPTPP, cơ chế TCNXX trong EVFTA và UKVFTA có hạn chế hơn về đối tượng được TCNXX. Cụ thể, EVFTA chỉ cho phép nhà



xuất khẩu TCNXX, trong khi CPTPP cho phép nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu, nhà sản xuất được TCNXX. Cơ chế TCNXX trong EVFTA và UKVFTA dựa trên cơ chế TCNXX theo GSP mà EU và UK đang áp dụng.

### **3. Cơ chế TCNXX theo GSP cho hàng hoá xuất khẩu sang châu Âu**

Ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) là cơ chế ưu đãi đơn phương dành cho các nước đang phát triển và chậm phát triển trong quan hệ thương mại với các nền kinh tế lớn. Trong những năm qua, Liên minh châu Âu (EU) đã dành cơ chế này cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam trong đó có da giày, may mặc, đồ nhựa, ... Các doanh nghiệp Việt Nam cũng đã tận dụng tốt cơ chế này để mở rộng thị trường tại EU. Theo Quy định số 2015/2447 của Liên minh châu Âu (EU) ngày 24 tháng 11 năm 2015, Ủy ban châu Âu (EC) áp dụng cơ chế cho phép các nhà xuất khẩu đăng ký được tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa (REX) trong chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP), thay cho hệ thống cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu A.

Nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hưởng ưu đãi GSP, căn cứ Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ và Quy định số 2015/2447 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Liên minh châu Âu, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 38/2018/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2018 quy định thực hiện chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) của Liên minh châu Âu, Na Uy, Thụy Sĩ và Thổ Nhĩ Kỳ. Thông tư số 38/2018/TT-BCT có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 12 năm 2018.

Theo quy định của EU, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019, thương nhân đăng ký mã số REX có thể tự chứng nhận xuất xứ cho hàng hóa xuất khẩu của mình hoặc vẫn sử dụng Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu A để được hưởng chế độ ưu đãi GSP cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2020. Tuy nhiên, 02 năm sau khi EVFTA có hiệu lực, cơ chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu A tại các nước được thụ hưởng GSP của EU sẽ tự động bị dỡ bỏ. Thương nhân sẽ có 02 lựa chọn: tự chứng nhận xuất xứ qua cơ chế REX để hưởng ưu đãi GSP hoặc đề nghị cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi quy định trong EVFTA

để được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt FTA. Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 38/2018/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2018 quy định thực hiện chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập của Liên minh châu Âu, Na Uy, Thụy Sĩ và Thổ Nhĩ Kỳ.

Thương nhân thực hiện TCNXX kể từ ngày mã số REX có hiệu lực và không được sử dụng mã số REX của mình để TCNXX cho hàng hóa xuất khẩu của thương nhân khác trong trường hợp là người đại diện hợp pháp, được ủy thác thực hiện việc xuất khẩu hàng hóa đó.

Đối với lô hàng xuất khẩu có tổng trị giá dưới 6.000 EURO tính theo giá xuất xưởng, thương nhân không phải đăng ký mã số REX và được phép TCNXX cho lô hàng xuất khẩu đó. Đối với lô hàng xuất khẩu có trị giá từ 6.000 Euro trở lên tính theo giá xuất xưởng, nhà xuất khẩu phải đăng ký mã số REX với cơ quan có thẩm quyền trên nền hệ thống dữ liệu theo yêu cầu của EC tại địa chỉ: <https://customs.ec.europa.eu/rex-pa-ui>. Nhà xuất khẩu thực hiện TCNXX trên bất kỳ chứng từ thương mại nào xuất trình cho cơ quan Hải quan nước nhập khẩu. Hiện tại, Bộ Công Thương đã ủy quyền cho VCCI cấp mã số REX cho các doanh nghiệp xuất khẩu.

## **Đăng ký mã số REX**

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ký Quyết định số 4173/QĐ-BCT về việc ủy quyền Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tiếp nhận đăng ký mã số REX cho thương nhân.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 76/QĐ-BCT ngày 21/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương v/v gia hạn thời hạn ủy quyền tiếp nhận đăng ký mã số REX cho VCCI.

Các Quyết định này được đăng tải tại Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử của Bộ Công Thương tại địa chỉ: <http://www.ecosys.gov.vn>.

**Bảng 3. Quy trình đăng ký mã số REX tại VCCI**

Bước	Tên bước	Mô tả	Đối tượng sử dụng
0.	Khai báo hồ sơ thương nhân	Doanh nghiệp khai báo hồ sơ thương nhân trên trang điện tử: <a href="http://comis.covcci.com.vn">comis.covcci.com.vn</a> (COMIS) và sử dụng chữ ký số để xác thực	Doanh nghiệp
1	Khai báo hồ sơ đăng ký mã số REX	Doanh nghiệp khai báo hồ sơ trên COMIS: đăng tải tệp tin PDF của đơn đăng ký mã số REX được in trực tiếp từ trang điện tử của Ủy ban châu Âu (EC): <a href="https://customs.ec.europa.eu/rex-pa-ui/">https://customs.ec.europa.eu/rex-pa-ui/</a> đã đóng dấu ký tên của người đại diện pháp luật, sau đó sử dụng chữ ký số để xác thực	Doanh nghiệp
2.1	Sửa hồ sơ	Doanh nghiệp có thể sửa hồ sơ khi chưa có xác nhận xử lý hồ sơ của VCCI	Doanh nghiệp
2.2	Gửi hồ sơ	Doanh nghiệp sử dụng chữ ký số để xác thực hồ sơ và gửi hồ sơ trực tuyến đến VCCI	Doanh nghiệp
3	Xét duyệt	Cán bộ VCCI kiểm tra hồ sơ	VCCI
4	Từ chối hồ sơ	Cán bộ VCCI chọn Hồ sơ hợp không hợp lệ và phản hồi lý do từ chối	VCCI
4.1	Nhận thông báo từ chối hồ sơ	Doanh nghiệp nhận thông báo lý do từ chối hồ sơ	Doanh nghiệp
4.2	Chỉnh sửa	Doanh nghiệp có thể chỉnh sửa, bổ sung các thông tin trong hồ sơ và làm lại Bước 2.2	Doanh nghiệp
5	Cấp mã số REX	Khi hồ sơ hợp lệ, cán bộ VCCI xét duyệt, cấp mã số REX	VCCI
6	Tạo mã số REX	Hệ thống tự động tạo mã số REX theo cấu trúc được lập trình sẵn	VCCI

Bước	Tên bước	Mô tả	Đối tượng sử dụng
6.1	Nhận thông báo mã số REX	Doanh nghiệp nhận được thông báo mã số REX trên COMIS	Doanh nghiệp
7	Thông báo cho EC	Cán bộ VCCI trích xuất khai báo của doanh nghiệp và thông báo mã số REX trên trang điện tử của EU: <a href="https://customs.ec.europa.eu/rex-bc-ui/">https://customs.ec.europa.eu/rex-bc-ui/</a>	VCCI

*Nguồn: Cục XNK*

## Lời văn TCNXX

Thương nhân khai báo xuất xứ hàng hóa trên bất kỳ chứng từ thương mại có nội dung khai báo xuất xứ bằng một trong ba ngôn ngữ: tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha.

### a) Khai báo xuất xứ bằng tiếng Pháp

L'exportateur ..... des produits couverts par le présent document déclare que, sauf indication claire du contraire, ces produits ont l'origine préférentielle ..... au sens des règles d'origine du Système des préférences tarifaires généralisées de l'Union européenne et que le critère d'origine satisfait est .....

### b) Khai báo xuất xứ bằng tiếng Anh

The exporter .....<sup>1</sup> of the products covered by this document declares that, except where otherwise clearly indicated, these products are of preferential origin .....<sup>2</sup> according to rules of origin of the Generalised System of Preferences of the European Union and that the origin criterion met is .....<sup>3</sup>.

### c) Khai báo xuất xứ bằng tiếng Tây Ban Nha

El exportador .....<sup>1</sup> de los productos incluidos en el presente documento declara que, salvo indicación en sentido contrario, estos productos gozan de un origen preferencial .....<sup>2</sup> en el sentido de las normas de origen del Sistema de preferencias generalizado de la Unión europea y que el criterio de origen satisfecho es .....<sup>3</sup>.

Thương nhân khai báo địa điểm, ngày khai báo xuất xứ hàng hóa và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của thương nhân hoặc người được ủy quyền khai báo xuất xứ hàng hóa.

## **Thu hồi mã số REX**

Việc Liên minh châu Âu, Na Uy, Thụy Sĩ và Thổ Nhĩ Kỳ áp dụng cơ chế REX tạo thuận lợi thương mại cho thương nhân Việt Nam, tiết kiệm chi phí và thời gian. Trong quá trình thực thi, cơ chế REX có khả năng bị lợi dụng khi hàng hóa các nước không được hưởng GSP xuất khẩu sang Việt Nam, giả mạo xuất xứ Việt Nam để hưởng lợi hoặc lẩn tránh các biện pháp phòng vệ thương mại của Liên minh châu Âu, Na Uy, Thụy Sĩ và Thổ Nhĩ Kỳ.

Thông tư 38/2018/TT-BCT bổ sung điều khoản về việc thu hồi, hủy bỏ chứng từ TCNXX phát hành sai quy định hoặc thu hồi mã số REX của thương nhân thuộc một trong các trường hợp sau: đã giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật; không đáp ứng quy định của GSP; thông báo không tiếp tục xuất khẩu hàng hóa theo GSP; khai báo xuất xứ hàng hóa không chính xác; giả mạo chứng từ TCNXX hàng hóa; vi phạm quy định về xuất xứ hàng hóa; không cập nhật thông tin thương nhân, tái phạm việc không khai báo hoặc không đăng tải chứng từ TCNXX hàng hóa theo quy định sau khi được nhắc nhở. Theo quy định số 2015/2447 dẫn trên, tổ chức tiếp nhận đăng ký mã số REX lưu trữ thông tin thu hồi mã số REX trong 10 năm tính từ ngày kết thúc của năm thu hồi mã số REX.

## **Chống gian lận xuất xứ hàng hóa**

Theo quy định của EC, REX chỉ có dữ liệu đăng ký của nhà xuất khẩu, không có thông tin về các lô hàng sử dụng chứng từ TCNXX. Cơ quan thẩm quyền của nước thụ hưởng có trách nhiệm quản lý đăng ký/ thu hồi mã số REX. Trong bối cảnh gian lận xuất xứ ngày càng gia tăng, có thể xảy ra trường hợp doanh nghiệp không được đăng ký mã số REX nhưng làm giả chứng từ TCNXX và sử dụng mã số REX của doanh nghiệp khác làm ăn chân chính. Điều này dẫn đến nguy cơ cả ngành hàng xuất khẩu bị điều tra, không được hưởng GSP và có thể bị áp các biện pháp phòng vệ thương mại.

Để đảm bảo công tác quản lý, Thông tư 38/2018/TT-BCT quy định trách nhiệm của thương nhân, cơ quan, tổ chức liên quan áp dụng một số biện pháp như sau:

- Biện pháp chống gian lận xuất xứ hàng hóa quy định tại Điều 29 Nghị định số 31/NĐ-CP;

- Thu hồi/hủy chứng từ TCNXX phát hành sai quy định hoặc thu hồi mã số REX của thương nhân;

- Yêu cầu thương nhân cập nhật dữ liệu từng lô hàng áp dụng REX nhằm quản lý, hỗ trợ truy xuất dữ liệu và xác minh xuất xứ.

### **Nguyên tắc áp dụng**

Thông tư 38/2018/TT-BCT quy định trong trường hợp Việt Nam không áp dụng GSP (do chuyển sang áp dụng EVFTA) hoặc nước cho hưởng GSP không tiếp tục áp dụng chế độ này (ví dụ Vương quốc Anh rời khỏi EU), cơ chế REX tự động kết thúc.

Ngoài ra, đối với trường hợp nước thành viên Liên minh châu Âu, Na Uy, Thụy Sĩ và Thổ Nhĩ Kỳ không tiếp tục cho hưởng GSP, cơ chế REX tự động không áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu sang nước thành viên đó.

## **4. Cơ chế TCNXX trong Hiệp định RCEP**

Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (Hiệp định RCEP) là Hiệp định thương mại tự do được 10 nước thành viên Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và 5 nước đối tác của ASEAN là Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Úc và Niu Di-lân ký kết vào ngày 15 tháng 11 năm 2020 bên lề Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 37 trong năm Việt Nam làm Chủ tịch ASEAN.

Để triển khai nội dung quy định về Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định RCEP, Bộ Công Thương ban hành Thông tư số 05/2022/TT-BCT ngày 18/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực.

Hiệp định RCEP quy định 03 cơ chế chứng nhận xuất xứ, tương đương với 3 hình thức chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa như sau:

- Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O): C/O được cấp bởi cơ quan, tổ chức cấp của nước thành viên xuất khẩu (còn gọi là cơ chế cấp C/O truyền thống) – hình thức này hiện đang áp dụng ở Việt Nam;

- Tự chứng nhận xuất xứ bởi nhà xuất khẩu đủ điều kiện: Chỉ nhà xuất khẩu đủ điều kiện sẽ được tự chứng nhận xuất xứ trên chứng từ hàng hóa của mình, mỗi nước thành viên RCEP được tự xác định các điều kiện mà nhà xuất khẩu phải tuân thủ để được tự chứng nhận xuất xứ. Trong số các FTA ASEAN và ASEAN+ hiện chỉ có ATIGA (của ASEAN) là áp dụng hình thức này, tuy nhiên việc triển khai trên thực tế không thực sự hiệu quả.

- Tự chứng nhận xuất xứ bởi nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất bất kỳ: hình thức này cho phép nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất bất kỳ có thể tự chứng nhận xuất xứ trên chứng từ hàng hóa. Đây là hình thức chứng nhận xuất xứ mà các FTA thế hệ mới đều hướng tới. Tuy nhiên, tất cả các nước thành viên RCEP đều có bảo lưu về lộ trình thực hiện hình thức tự chứng nhận xuất xứ này:

- Việt Nam bảo lưu chỉ bắt đầu thực hiện cơ chế này trong vòng 10 năm kể từ ngày RCEP có hiệu lực, và có thể gia hạn thêm tối đa không quá 10 năm nữa;

- Australia, Brunei, Trung Quốc, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia, New Zealand, Philippines, Singapore, và Thái Lan cũng có bảo lưu tương tự Việt Nam;

- Campuchia, Lào và Myanmar bảo lưu tối đa 30 năm để thực hiện hình thức chứng nhận này. Như vậy đối với Việt Nam, trong vòng 10 năm kể từ khi RCEP có hiệu lực, thủ tục chứng nhận xuất xứ RCEP có thể thực hiện song song 02 hình thức cấp giấy chứng nhận xuất xứ (bởi cơ quan có thẩm quyền) và tự chứng nhận xuất xứ (đối với nhà xuất khẩu đủ điều kiện).

Việc cho phép nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất bất kỳ tự chứng nhận xuất xứ sẽ chỉ phải xem xét sau 10 năm có hiệu lực của Hiệp định (và có thể gia hạn thêm 10 năm nữa thành 20 năm). Hiệp định RCEP cũng quy định rằng trong tương lai các nước thành viên sẽ rà soát để xem xét việc mở rộng hình thức tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho

nhà nhập khẩu. Riêng đối với Nhật Bản, ngoài 02 hình thức chứng nhận truyền thống và nhà xuất khẩu tự chứng nhận, nước này có thể áp dụng cả cơ chế nhà nhập khẩu tự chứng nhận xuất xứ ngay khi Hiệp định RCEP có hiệu lực.

## **Nhà xuất khẩu đủ điều kiện**

RCEP cho phép các nước thành viên tự quy định trong pháp luật nội địa của nước mình thế nào là nhà xuất khẩu đủ điều kiện. Cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên xuất khẩu có thể cấp chứng nhận “đủ điều kiện” cho nhà xuất khẩu theo bất kỳ tiêu chí nào mà nước này thấy là phù hợp, trong đó có:

- Phải đăng ký theo quy định pháp luật của nước xuất khẩu;
- Có sự hiểu biết về quy tắc xuất xứ hàng hóa tại Hiệp định RCEP;
- Có kinh nghiệm xuất khẩu theo quy định pháp luật của nước thành viên xuất khẩu;
- Phải lưu trữ tài liệu xuất khẩu, có hệ thống quản lý rủi ro;
- Trường hợp nhà xuất khẩu là nhà thương mại thì phải có thông tin khai báo xuất xứ từ nhà sản xuất để đảm bảo rằng hàng hóa có xuất xứ và phải sẵn sàng cung cấp thông tin trong trường hợp kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa theo quy định; và
- Có hệ thống lưu trữ sổ sách tốt và có hệ thống lưu trữ thông tin theo quy định pháp luật của nước thành viên xuất khẩu.

Cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên xuất khẩu phải giám sát nhà xuất khẩu đủ điều kiện trong đó bao gồm kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa của nhà xuất khẩu đủ điều kiện và chấm dứt hiệu lực mã số tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa nếu nhà xuất khẩu không còn đáp ứng các điều kiện đã đăng ký trước đó.

Cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên xuất khẩu cấp văn bản chấp thuận cho nhà xuất khẩu đủ điều kiện bằng văn bản hoặc bằng hình thức điện tử, cung cấp mã số cho nhà xuất khẩu đủ điều kiện và thông báo các thông tin sau của nhà xuất khẩu đủ điều kiện:

- a) Tên và địa chỉ hợp pháp của nhà xuất khẩu đủ điều kiện.
- b) Mã số của nhà xuất khẩu đủ điều kiện.



c) Ngày phát hành, nếu có, ngày hết hạn của mã số.

d) Danh sách các mặt hàng được phép tự chứng nhận xuất xứ, ít nhất ở cấp độ Chương.

Trong trường hợp có thay đổi các nội dung trên hoặc loại bỏ hoặc tạm đình chỉ TCNXX thì cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên xuất khẩu cấp văn bản chấp thuận phải thông báo ngay lập tức cho các nước thành viên khác. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên xuất khẩu có trang điện tử bảo mật và cho phép các nước thành viên khác truy cập thì không phải thông báo theo hình thức trên.

Nhà xuất khẩu đủ điều kiện phải có trách nhiệm thực hiện quy trình kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa của cơ quan hải quan của nước thành viên nhập khẩu, cung cấp các chứng từ liên quan để chứng minh hàng hóa có xuất xứ bao gồm thông tin của nhà cung ứng hoặc nhà sản xuất theo quy định của nước thành viên nhập khẩu.

### **Các thông tin tối thiểu của chứng từ TCNXX**

Nhà xuất khẩu đủ điều kiện được tự phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đối với những mặt hàng được phép tự chứng nhận xuất xứ và cung cấp các chứng từ liên quan đến lô hàng xuất khẩu đó. Nội dung trên chứng từ TCNXX cần có một số thông tin tối thiểu như sau:

- a) Tên và địa chỉ của nhà xuất khẩu.
- b) Tên và địa chỉ của nhà sản xuất (nếu biết).
- c) Tên và địa chỉ của nhà nhập khẩu hoặc người nhận hàng.
- d) Mô tả hàng hóa và mã HS của hàng hóa (ở cấp độ 6 số).
- đ) Trường hợp nhà xuất khẩu đủ điều kiện, ghi mã số hoặc mã số nhận diện của nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất.
- e) Số tham chiếu.
- g) Tiêu chí xuất xứ hàng hóa.
- h) Chứng nhận của người được ủy quyền ký rằng hàng hóa đáp ứng các quy định tại Thông tư này.

i) Nước xuất xứ RCEP.

k) Trị giá FOB nếu áp dụng tiêu chí hàm lượng giá trị khu vực.

l) Số lượng hàng hóa.

m) Trường hợp phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa giáp lưng, ghi số tham chiếu, ngày phát hành, nước xuất xứ RCEP của chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa ban đầu của nước thành viên xuất khẩu ban đầu, và nếu phù hợp, ghi mã số tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa của nhà xuất khẩu đủ điều kiện của nước thành viên xuất khẩu ban đầu.

## 5. Cơ chế TCNXX trong Hiệp định ATIGA

ATIGA được coi là Hiệp định cốt lõi, là cơ sở pháp lý để ASEAN đàm phán các FTA giữa ASEAN và các đối tác thương mại của ASEAN

Trong khu vực ASEAN, thương nhân hoặc nhà xuất khẩu tự khai xuất xứ của sản phẩm trên hóa đơn của mình để thay thế chứng nhận xuất xứ. Tới nay, cả 10 nước ASEAN đã tham gia 2 dự án thí điểm tự chứng nhận xuất xứ như sau:

- Dự án thí điểm thứ nhất: có 6 nước ASEAN đã tham gia dự án là Bru-nây, Cam-pu-chia, Ma-lay-xia, My-an-ma, Xinh-ga-po và Thái Lan. 426 nhà xuất khẩu của 6 nước đã được phép tự chứng nhận xuất xứ đối với hàng hóa xuất khẩu của mình.

- Dự án thí điểm thứ hai: Dự án thứ 2 được triển khai sau, hiện có 5 nước ASEAN tham gia dự án là In-đô-nê-xia, Lào, Phi-líp-pin, Thái Lan và Việt Nam. 113 nhà xuất khẩu đã được phép tự chứng nhận xuất xứ, trong đó Việt Nam có 6 doanh nghiệp được cấp phép tự chứng nhận xuất xứ. Việt Nam tham gia dự án này từ tháng 12 năm 2014 và Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư về thực hiện tự chứng nhận xuất xứ ngày 20 tháng 8 năm 2015.

Cả 02 dự án thí điểm cho tới nay đều đã kết thúc, cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá trong toàn ASEAN chính thức có hiệu lực và đang ngày càng được thúc đẩy mạnh mẽ.

Để thực hiện TCNXX theo cam kết của Hiệp định ATIGA, Bộ Công Thương ban hành Thông tư số 19/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định ATIGA.

## **Điều kiện để thương nhân được TCNXX theo ATIGA**

Thương nhân phải đáp ứng các điều kiện sau để được TCNXX cho các lô hàng xuất khẩu từ Việt Nam sang các nước ASEAN theo Hiệp định ATIGA:

- a) Là nhà xuất khẩu đồng thời là nhà sản xuất.
- b) Không vi phạm quy định về xuất xứ hàng hóa trong 02 năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa.
- c) Có cán bộ được đào tạo về xuất xứ hàng hóa do đơn vị đào tạo đã được Bộ Công Thương hoặc được Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) chỉ định.

Ngoài các quy định này, thương nhân đề nghị được tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo cơ chế AWSC phải đáp ứng thêm các quy định sau:

- a) Đã được cấp C/O ưu đãi đối với hàng hóa cùng nhóm HS (4 số) trong 02 năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Văn bản chấp thuận.
- b) Trong trường hợp nhà xuất khẩu không phải là nhà sản xuất, nhà xuất khẩu phải được nhà sản xuất cam kết bằng văn bản về xuất xứ của hàng hóa xuất khẩu và sẵn sàng hợp tác trong trường hợp kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa và kiểm tra, xác minh tại cơ sở sản xuất.

## **Cấp văn bản chấp thuận thương nhân đủ điều kiện TCNXX**

Thương nhân đáp ứng các điều kiện nêu trên, trong trường hợp có nhu cầu TCNXX cho các lô hàng xuất khẩu của mình theo Hiệp định ATIGA, nộp hồ sơ đề nghị Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) cấp văn bản chấp thuận để thương nhân TCNXX qua Hệ thống Quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử của Bộ Công Thương tại địa chỉ <http://www.ecosys.gov.vn>.

## Lời văn TCNXX

Nhà xuất khẩu đủ điều kiện khi xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ theo cơ chế thí điểm tự khai báo xuất xứ hàng hóa trên hóa đơn thương mại với nội dung như sau:

“The exporter of the product(s) covered by this document (Certified Exporter Authorization Code.....) declares that, except where otherwise clearly indicated, the product(s) (HS Code/s:.....) satisfy the Rules of Origin to be considered as ASEAN Originating Products under ATIGA (ASEAN country of origin: ..... ) with origin criteria: ..... ”  
.....  
.....

(Signature over Printed Name of the Authorized Signatory)

Trên hóa đơn thương mại, hàng hóa phải được ghi đủ thông tin để xác định được xuất xứ của hàng hóa. Hóa đơn thương mại có nội dung khai báo xuất xứ phải được ký bằng tay, phải ghi bằng tiếng Anh và ghi tên người được thương nhân ủy quyền ký đã đăng ký với Bộ Công Thương. Ngày ghi trên hóa đơn thương mại được coi là ngày phát hành hóa đơn thương mại có nội dung khai báo xuất xứ.

### **Bảng 4: Danh mục văn bản quy phạm pháp luật quy định về tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá tại Việt Nam**

FTA	Văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn của Việt Nam
Văn bản quy phạm pháp luật chung về xuất xứ hàng hóa	- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý Ngoại thương về xuất xứ hàng hóa - Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018 quy định kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hoá xuất khẩu

FTA	Văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn của Việt Nam
Tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong toàn khối ASEAN (AWSC)	<p>- Thông tư số 10/2019/TT-BCT ngày 22/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 22/2016/TT-BCT ngày 03 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hoá ASEAN.</p> <p>- Thông tư số 19/2020/TT-BCT ngày 14/08/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hoá ASEAN</p>
CPTPP	Hiện nay chưa thực hiện TCNXX.
EVFTA	Thông tư số 11/2020/TT-BCT ngày 15/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định quy tắc xuất xứ hàng hóa trong EVFTA.
UKVFTA	Thông tư số 02/2021/TT-BCT ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA).
GSP	Thông tư số 38/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện chứng nhận xuất xứ hàng hoá theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập của Liên minh châu Âu, Na Uy, Thụy Sĩ và Thổ Nhĩ Kỳ.
RCEP	Hiện nay chưa thực hiện TCNXX.

*Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu*





**PHẦN III**

**QUY ĐỊNH VỀ  
QUY TẮC XUẤT XỨ  
HÀNG HOÁ TRONG  
HIỆP ĐỊNH CPTPP**





## 1. Quy định chung về quy tắc xuất xứ hàng hoá trong CPTPP

### 1.1. Hàng hoá được coi là có xuất xứ theo CPTPP

Điều 3.2, Chương 3, Hiệp định CPTPP quy định hàng hóa được xem là có xuất xứ khi hàng hóa đó:

- (i) có xuất xứ thuần túy hoặc sản xuất toàn bộ từ nguyên liệu có xuất xứ thuần túy;
- (ii) được sản xuất toàn bộ chỉ từ nguyên liệu có xuất xứ; hoặc
- (iii) được sản xuất từ nguyên liệu không có xuất xứ với điều kiện đáp ứng tất cả các quy định tại Danh mục Quy tắc cụ thể mặt hàng (PSR).

### Xuất xứ thuần túy theo CPTPP

Xuất xứ thuần túy được sử dụng tại Hiệp định CPTPP là “*Wholly obtained or produced entirely*”, được viết tắt là WO.

Đầu tiên, phạm vi hàng hoá có xuất xứ thuần túy trong CPTPP cũng tương tự như trong các Hiệp định thương mại khác mà Việt Nam đang tham gia và thực thi. Theo đó, hàng hoá có xuất xứ thuần túy là hàng hoá được nuôi trồng, săn bắt, hái lượm, thu hoạch, khai thác và chế biến hoàn toàn tại một nước thành viên Hiệp định. *Ví dụ: cá ngừ đánh bắt tại vùng lãnh hải của Việt Nam, sau đó xuất khẩu sang các nước thành viên CPTPP thì cá ngừ được coi là có xuất xứ thuần túy theo CPTPP. Một ví dụ khác, cà phê Arabica được trồng và thu hoạch tại Việt Nam, sau đó chế biến thành cà phê rang xay xuất khẩu sang các nước thành viên CPTPP thì cà phê rang xay được coi là có xuất xứ thuần túy.*

Bên cạnh đó, ngoài quy định về hàng hóa có xuất xứ thuần túy giống như quy định tại các hiệp định thương mại khác, Hiệp định CPTPP còn quy định hàng hóa được sản xuất toàn bộ từ nguyên liệu có xuất xứ thuần túy tại lãnh thổ của MỘT hay NHIỀU Nước thành viên CPTPP cũng được coi là hàng hóa WO (thể hiện tiêu chí xuất xứ là WO trên Chứng từ chứng nhận xuất xứ). Trường hợp này giống quy định về xuất xứ thuần túy nội khối trong AKFTA, tuy nhiên trong Hiệp định AKFTA

được ký hiệu là WO-AK. Ví dụ: nhà sản xuất sử dụng nguyên liệu hạt cà phê Robusta có xuất xứ thuần túy từ Mê-hi-cô, kết hợp với hạt cà phê Arabica được trồng và thu hoạch tại Việt Nam, sau đó chế biến thành cà phê rang xay. Cà phê rang xay trong trường hợp này vẫn được coi là có xuất xứ thuần túy theo Hiệp định CPTPP.

Việc sử dụng bất kỳ bán thành phẩm hoặc nguyên liệu không có xuất xứ thì hàng hóa không đáp ứng tiêu chí xuất xứ thuần túy hoặc sản xuất toàn bộ.

### **Hàng hoá được sản xuất toàn bộ chỉ từ nguyên liệu có xuất xứ**

Hàng hoá được sản xuất toàn bộ chỉ từ nguyên liệu có xuất xứ nghĩa là tất cả các nguyên liệu tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hoá đều phải có xuất xứ tại một hoặc nhiều nước thành viên Hiệp định CPTPP. Cần lưu ý rằng, nguyên liệu có xuất xứ trong trường hợp này không nhất thiết phải là xuất xứ thuần túy.

Nói cách khác, một khi nguyên liệu trở thành nguyên liệu có xuất xứ bằng bất kỳ một phương thức nào được quy định tại Hiệp định (ví dụ “được sản xuất toàn bộ”, chuyển đổi cơ bản/ vượt qua công đoạn gia công chế biến đơn giản hoặc là kết quả của một quy trình cụ thể) thì chúng có thể được sử dụng để sản xuất hàng hóa có xuất xứ.

*Ví dụ: nhà sản xuất nhập khẩu đế giày và mũ giày (HS 6406) có xuất xứ (có chứng từ chứng nhận xuất xứ theo CPTPP) từ Nhật Bản, nhập khẩu da thuộc (HS 4105) có xuất xứ từ Úc về Việt Nam sản xuất sản phẩm giày dép thuộc HS 6403. Quá trình sản xuất không sử dụng nguyên liệu nào khác. Sản phẩm giày dép HS 6403 cuối cùng được coi là có xuất xứ theo tiêu chí sản xuất toàn bộ từ nguyên liệu có xuất xứ theo CPTPP.*

### **Hàng hoá được sản xuất từ nguyên liệu không có xuất xứ với điều kiện đáp ứng tất cả các quy định tại Danh mục PSR**

Trong trường hợp này, Hiệp định CPTPP cho phép sử dụng nguyên

liệu không có xuất xứ từ các nước ngoài khối CPTPP trong quá trình sản xuất, chế biến hàng hoá, với điều kiện quy trình sản xuất, chế biến từ các nguyên liệu không có xuất xứ này đáp ứng tiêu chí xuất xứ tại Danh mục PSR cho từng mặt hàng cụ thể. Quy định về tiêu chí xuất xứ tại Danh mục PSR trong CPTPP sẽ được trình bày cụ thể tại mục 2, Phần II.

***Ví dụ:***

- Mã HS 0901.11 - 0901.12 (cà phê chưa rang – Chưa khử chất caffeine và đã khử chất caffeine)

→ Tiêu chí xuất xứ tại PSR: Chuyển đổi mã số hàng hóa của phân nhóm 0901.11 đến 0901.12 từ bất kỳ chương nào khác (CC).

- Mã HS 0901.21 - 0901.90 (cà phê đã rang – Chưa khử chất caffeine và đã khử chất caffeine)

→ Tiêu chí xuất xứ tại PSR: Chuyển đổi mã số hàng hóa của phân nhóm 0901.21 đến 0901.90 từ bất kỳ phân nhóm nào khác (CTSH), với điều kiện trọng lượng chất khô của nguyên liệu không có xuất xứ thuộc phân nhóm 0901.11 và 0901.12 không vượt quá 60% trọng lượng chất khô của nguyên liệu thuộc phân nhóm 0901.11 và 0901.12 dùng để chế biến ra hàng hóa.

## ***1.2. Quy định khác về quy tắc xuất xứ hàng hoá tại CPTPP***

### ***Nguyên tắc cộng gộp xuất xứ***

Hiệp định CPTPP có quy định cho phép cộng gộp xuất xứ đối với nguyên liệu và cộng gộp xuất xứ đối với quy trình sản xuất. Cụ thể:

- *Cộng gộp xuất xứ nguyên liệu:* hàng hoá hoặc nguyên liệu có xuất xứ của một hay nhiều nước thành viên CPTPP được sử dụng trong quá trình sản xuất hàng hoá tại một nước thành viên CPTPP khác thì được coi là có xuất xứ tại nước thành viên đó. Ví dụ: gỗ ván ép có xuất xứ từ Mê-hi-cô được nhập khẩu về Việt Nam để sản xuất bàn gỗ xuất khẩu đi thị trường Ca-na-đa. Việc sử dụng gỗ ván ép có xuất xứ trong trường hợp này là cộng gộp xuất xứ nguyên liệu theo quy định của CPTPP (nguyên liệu ván gỗ ép cũng được coi là có xuất xứ Việt Nam).

- *Cộng gộp xuất xứ quy trình sản xuất*: quy trình sản xuất nguyên liệu diễn ra tại một hoặc nhiều nước thành viên CPTPP không đáp ứng quy tắc xuất xứ theo Hiệp định CPTPP, trị giá gia tăng của quy trình sản xuất nguyên liệu đó vẫn được tính vào xuất xứ của hàng hoá sản xuất cuối cùng tại một nước thành viên CPTPP khác. Quy tắc cộng gộp này còn được biết đến là cộng gộp toàn phần. Quy tắc cộng gộp này thường được sử dụng với các mặt hàng có tiêu chí xuất xứ phức tạp chẳng hạn như hàng dệt may. Đối với gỗ và sản phẩm liên quan đến gỗ, quy tắc cộng gộp xuất xứ nguyên liệu được sử dụng phổ biến hơn.

### **Tỷ lệ De Minimis**

Tỷ lệ De Minimis là quy định về tỷ lệ linh hoạt nhất định áp dụng cho nguyên liệu không có xuất xứ được sử dụng trong quá trình sản xuất mà không đáp ứng quy định về quy tắc xuất xứ hàng hoá của mặt hàng đang được sản xuất. Về cơ bản, tỷ lệ De Minimis chỉ áp dụng trong trường hợp hàng hoá tương ứng sử dụng tiêu chí xuất xứ chuyển đổi mã số hàng hoá (CTC), không áp dụng cho tiêu chí Hàm lượng giá trị khu vực (RVC) hay công đoạn, gia công chế biến cụ thể.

Quy định cụ thể về Tỷ lệ De Minimis tại Hiệp định CPTPP như sau:

- Đối với hàng hoá không phải là hàng dệt may theo quy định của CPTPP, hàng hóa có chứa nguyên liệu không có xuất xứ không đáp ứng được quy tắc chuyển đổi mã số hàng hóa theo quy định tại danh mục PSR, vẫn được coi là hàng hóa có xuất xứ nếu trị giá của tất cả các nguyên liệu nói trên không vượt quá 10% trị giá hàng hóa, và hàng hóa đáp ứng các quy định về quy tắc xuất xứ khác tại Hiệp định.

- Đối với hàng dệt may không thuộc từ Chương 61, 62, 63 của Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa sử dụng nguyên liệu không có xuất xứ, không đáp ứng quy tắc chuyển đổi mã số hàng hóa quy định tại danh mục PSR, vẫn được coi là hàng hóa có xuất xứ nếu tổng trọng lượng của các nguyên liệu không có xuất xứ đó không vượt quá 10% tổng trọng lượng của hàng hóa và hàng hóa đáp ứng các quy định về quy tắc xuất xứ khác tại Hiệp định.

- Đối với hàng dệt may thuộc các Chương 61, 62, 63 của Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa sử dụng xơ hoặc sợi không có xuất xứ trong quá trình sản xuất ra thành phần quyết định đến phân loại mã số hàng hóa đó không đáp ứng quy tắc chuyển đổi mã số hàng hóa quy định tại danh mục PSR, vẫn được coi là có xuất xứ nếu tổng trọng lượng của xơ hoặc sợi đó không vượt quá 10% tổng trọng lượng của thành phần đó và hàng hóa đáp ứng tất cả các quy định về quy tắc xuất xứ khác tại Hiệp định.

Trường hợp hàng hóa áp dụng tiêu chí RVC, trị giá nguyên liệu không có xuất xứ đó được tính vào trị giá nguyên liệu không có xuất xứ khi tính hàm lượng giá trị khu vực.

## **Hàng hóa hoặc nguyên liệu giống nhau và có thể thay thế lẫn nhau**

Theo định nghĩa tại Hiệp định CPTPP, hàng hoá hoặc nguyên liệu giống nhau và có thể dùng thay thế lẫn nhau là hàng hóa hoặc nguyên liệu có thể dùng thay thế lẫn nhau vì mục đích thương mại và có đặc tính cơ bản giống nhau. Như vậy, “Nguyên liệu giống nhau và có thể thay thế được cho nhau” được hiểu là nguyên liệu có thể thay thế cho nhau, là các loại tương tự về hình dáng và chất lượng thương mại, có đặc điểm kỹ thuật và vật lý giống nhau, và nguyên liệu đã từng được sử dụng kết hợp với hàng hóa thành phẩm không thể phân biệt với loại khác về xuất xứ bằng bất kỳ dấu hiệu hoặc kiểm tra trực quan nào.

Điều 3.12, Hiệp định CPTPP quy định về Hàng hoá hoặc nguyên liệu giống nhau và có thể dùng thay thế lẫn nhau như sau:

*Mỗi nước thành viên sẽ quy định rằng hàng hoá hoặc nguyên liệu giống nhau và có thể dùng thay thế lẫn nhau có xuất xứ trên cơ sở:*

- (a) Chia tách thực tế từng hàng hóa hoặc nguyên liệu giống nhau và có thể thay thế lẫn nhau; hoặc*
- (b) Áp dụng các nguyên tắc kế toán về quản lý kho được thừa nhận trong các nguyên tắc kế toán được chấp nhận rộng rãi nếu hàng hóa hoặc nguyên liệu giống nhau và có thể thay thế lẫn nhau được trộn lẫn, với điều kiện nguyên tắc kế toán về quản*

*lý kho được lựa chọn sử dụng phải áp dụng trong suốt năm tài khóa đó.*

Để giải quyết các khó khăn về tài chính và truy xuất nguyên liệu, rất nhiều các thoả thuận ưu đãi bây giờ cho phép phân tách kế toán như trái ngược với phân tách vật lý.

Nhìn chung, các nguyên tắc phân tách kế toán được sử dụng là những phương pháp được nêu bên dưới. Vấn đề quan trọng cần ghi nhớ đó là một khi phương pháp nào được lựa chọn thì phải được sử dụng thống nhất.

- Phương pháp tính trung bình là phương pháp mà nguyên liệu có thể thay thế được lấy từ kho nguyên liệu dựa trên tỷ lệ của nguyên liệu có xuất xứ và nguyên liệu không có xuất xứ trong kho nguyên liệu.

- Phương pháp FIFO (First in first out) là phương pháp mà xuất xứ của nguyên liệu có thể thay thế được đầu tiên nhập vào kho nguyên liệu được xem là xuất xứ của nguyên liệu có thể thay thế được đầu tiên lấy ra từ kho nguyên liệu.

- Phương pháp LIFO (Last in first out) là phương pháp mà xuất xứ của nguyên liệu có thể thay thế được cuối cùng nhập vào kho nguyên liệu được xem là xuất xứ của nguyên liệu có thể thay thế được đầu tiên lấy ra từ kho nguyên liệu.

## **Nguyên liệu gián tiếp**

Có nhiều loại hàng hoá được cung cấp từ các nguồn trong nước hoặc nhập khẩu để sản xuất hàng hoá xuất khẩu cho một Nước thành viên Hiệp định mà bản thân nó không kết hợp thực tế với hàng hoá được sản xuất đó. Ví dụ bao gồm máy móc, nhiên liệu, dầu mỡ và gang tay như được nêu trong CPTPP dưới đây:

*“Nguyên liệu gián tiếp là nguyên liệu được sử dụng trong quá trình sản xuất, thử nghiệm hoặc kiểm tra hàng hóa nhưng không còn nằm lại trong hàng hóa đó; hoặc nguyên liệu được sử dụng trong quá trình bảo dưỡng nhà xưởng hay để vận hành thiết bị có liên quan đến việc sản xuất hàng hóa, bao gồm:*

*(a) Nhiên liệu, năng lượng, chất xúc tác và dung môi;*

- (b) Thiết bị, dụng cụ và máy móc được sử dụng để kiểm tra hoặc thử nghiệm hàng hóa;
- (c) Găng tay, kính, giày dép, quần áo, thiết bị an toàn và máy móc;
- (d) Dụng cụ, khuôn rập và khuôn đúc;
- (e) Phụ tùng và nguyên liệu được dùng để bảo dưỡng thiết bị và nhà xưởng;
- (f) Dầu nhờn, chất bôi trơn, hợp chất và các nguyên liệu khác dùng trong sản xuất hoặc dùng để vận hành thiết bị và nhà xưởng;
- (g) Bất kỳ nguyên liệu nào khác không còn nằm lại trong hàng hoá nhưng việc sử dụng chúng phải chứng minh được là cần thiết trong quá trình sản xuất ra hàng hóa đó.”

Trong một số Hiệp định thương mại tự do, hàng hóa này còn được gọi là “các yếu tố trung gian” nhưng cả hai cách nói đều đề cập đến cùng một loại hàng hóa: nguyên liệu không được kết hợp trong sản phẩm cuối cùng. Hàng hóa gián tiếp hoặc các yếu tố trung gian được xem xét theo những cách hơi khác nhau trong các Hiệp định thương mại tự do khác nhau nhưng vì tất cả các mục đích thực tế, chúng đều có tác dụng tạo thuận lợi như nhau.

Khi xác định xuất xứ của một hàng hoá được sản xuất ra, nguyên liệu gián tiếp sẽ được loại trừ khỏi danh mục nguyên liệu sản xuất ra hàng hoá đó. Điều này có nghĩa là, nguyên liệu gián tiếp không cần đáp ứng các quy định về quy tắc xuất xứ liên quan để hàng hoá được coi là có xuất xứ theo Hiệp định CPTPP.

## **Bộ hàng hóa**

Hãy tưởng tượng những bộ dụng cụ sử dụng cá nhân hoặc những bộ hàng hóa đi qua biên giới hải quan: chúng thường bao gồm các vật dụng khác nhau nhưng không giới hạn như lược, bàn chải, bấm móng tay, giữa móng tay và một chiếc gương nhỏ.

Chúng ta biết trực quan rằng bộ hàng hóa, mặc dù chúng để sử dụng cho một mục đích duy nhất, được tạo thành từ nhiều hàng hóa khác nhau. Bộ hàng hóa, là một các hàng hóa hỗn hợp, được phân loại theo nhiều nhóm, có thể khó phân loại theo Hệ thống hài hòa (HS) và

đây là một lý do tại sao những hàng hóa như thế này có Quy tắc diễn giải chung:

Điều 3.17, Hiệp định CPTPP quy định về Bộ hàng hóa như sau:

- Đối với bộ hàng hóa được phân loại theo quy tắc 3a hoặc 3b của Quy tắc tổng quát của Hệ thống hài hòa về mô tả và mã hóa hàng hóa, xuất xứ của bộ hàng hóa được xác định theo Quy tắc cụ thể mặt hàng áp dụng cho bộ hàng hóa đó.

- Đối với bộ hàng hóa được phân loại theo quy tắc 3c của Quy tắc tổng quát của Hệ thống hài hòa về mô tả và mã hóa hàng hóa, bộ hàng hóa đó chỉ được coi là có xuất xứ nếu từng hàng hóa trong bộ hàng hóa có xuất xứ. Bộ hàng hóa và các hàng hóa trong bộ hàng hóa đó phải đáp ứng các quy định về quy tắc xuất xứ khác tại Hiệp định.

- Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, đối với một bộ hàng hóa được phân loại theo quy tắc 3c của Quy tắc tổng quát của Hệ thống hài hòa về mô tả và mã hóa hàng hóa, bộ hàng hóa đó được coi là có xuất xứ nếu trị giá hàng hóa không có xuất xứ trong bộ hàng hóa không vượt quá 10% trị giá của bộ hàng hóa đó.

- Trị giá hàng hóa không có xuất xứ trong bộ hàng hóa và trị giá bộ hàng hóa được tính như cách tính giá nguyên liệu không có xuất xứ và trị giá hàng hóa.

## **Phụ kiện, phụ tùng - Vật liệu, bao bì đóng gói**

### ***Phụ kiện + Phụ tùng + Dụng cụ***

Theo các điều khoản về xuất xứ tại Công ước Kyoto, các phụ kiện, phụ tùng và dụng cụ để sử dụng cho máy móc, thiết bị, dụng cụ hoặc phương tiện phải được coi là có cùng xuất xứ với máy móc, thiết bị hoặc phương tiện, với điều kiện là chúng được nhập khẩu và thường được bán kèm theo hàng hóa theo đúng số lượng.

Theo Hiệp định CPTPP, phụ kiện, phụ tùng, dụng cụ, tài liệu về sản phẩm hoặc hướng dẫn sử dụng được tính đến xuất xứ khi:

- Phụ kiện, phụ tùng, dụng cụ, tài liệu về sản phẩm hoặc hướng dẫn sử dụng được phân loại, đi kèm và cùng hóa đơn với hàng hóa đó;



- Chung loại, số lượng và trị giá của phụ kiện, phụ tùng, dụng cụ, tài liệu về sản phẩm hoặc hướng dẫn sử dụng phù hợp với hàng hóa theo thông lệ.

Theo Điều 3.13, Hiệp định CPTPP, quy định về quy tắc xuất xứ đối với phụ kiện, phụ tùng, dụng cụ, tài liệu về sản phẩm hoặc hướng dẫn sử dụng như sau:

- Trường hợp xác định xuất xứ hàng hóa theo tiêu chí xuất xứ thuần túy hay đáp ứng quy trình sản xuất hoặc chuyển đổi mã số hàng hóa được quy định tại Danh mục PSR, xuất xứ của phụ kiện, phụ tùng, dụng cụ tài liệu về sản phẩm hoặc hướng dẫn sử dụng không được tính đến khi xác định xuất xứ hàng hóa.

- Trường hợp xác định xuất xứ hàng hóa theo tiêu chí hàm lượng giá trị khu vực, trị giá của phụ kiện, phụ tùng, dụng cụ, tài liệu về sản phẩm hoặc hướng dẫn sử dụng được tính là trị giá nguyên liệu có xuất xứ hoặc không có xuất xứ, xét theo từng trường hợp.

- Phụ kiện, phụ tùng, dụng cụ, tài liệu về sản phẩm hoặc hướng dẫn sử dụng của hàng hóa theo quy định được coi là có xuất xứ cùng với hàng hóa mà chúng đi kèm.

### ***Bao bì + Vật liệu đóng gói + Container***

Theo định nghĩa tại Hiệp định CPTPP, vật liệu đóng gói và bao bì đóng gói để vận chuyển là hàng hoá được sử dụng để bảo vệ một sản phẩm trong suốt quá trình vận chuyển sản phẩm đó mà không phải là vật liệu đóng gói và bao gói chứa đựng hàng hóa dùng để bán lẻ.

- Đối với vật liệu đóng gói và bao bì đóng gói để bán lẻ:

• Trường hợp hàng hóa áp dụng tiêu chí chuyển đổi mã số hàng hóa theo quy định tại danh mục PSR, hay hàng hóa có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ, vật liệu đóng gói và bao bì đóng gói hàng hóa để bán lẻ phân loại cùng hàng hóa được coi là có xuất xứ;

• Trường hợp hàng hóa áp dụng tiêu chí hàm lượng giá trị khu vực, trị giá vật liệu, bao bì đóng gói hàng hóa để bán lẻ được phân loại cùng hàng hóa được tính là trị giá nguyên liệu có xuất xứ hoặc không có xuất xứ, xét theo từng trường hợp.

- Đối với vật liệu đóng gói và bao bì đóng gói để vận chuyển: vật liệu, bao bì đóng gói hàng hóa để vận chuyển không được tính khi xác định xuất xứ của hàng hóa.

## **Quá cảnh và chuyển tải**

Để đảm bảo hàng hóa xuất khẩu có xuất xứ giống với hàng hóa khai báo tại thời điểm nhập khẩu - và đảm bảo hàng hóa có xuất xứ tại nước xuất khẩu không bị tác động hoặc trộn lẫn với hàng hóa không có xuất xứ (trong lãnh thổ của một bên không phải là thành viên của Hiệp định thương mại tự do hiện hành) trong quá trình vận chuyển - hầu hết các Hiệp định thương mại tự do đều có quy định về vận chuyển trực tiếp.

Các quy định về vận chuyển trực tiếp thường yêu cầu hàng hóa có xuất xứ phải được vận chuyển trực tiếp giữa các đối tác thương mại tự do. Đây là một điều kiện rất nghiêm ngặt và thường khó, nếu không muốn nói là không thể đáp ứng được vì vậy không có gì đáng ngạc nhiên khi có một vài trường hợp ngoại lệ lớn đối với yêu cầu này. Tuy nhiên, bất chấp những trường hợp ngoại lệ nêu dưới đây, về cơ bản trong mọi trường hợp, bản thân hàng hóa vẫn phải chịu sự kiểm soát của cơ quan hải quan trong quá trình vận chuyển.

Theo quy định tại Điều 3.18, Hiệp định CPTPP, hàng hóa được vận chuyển tới Nước thành viên nhập khẩu vẫn được giữ nguyên xuất xứ nếu không quá cảnh, chuyển tải qua lãnh thổ của Nước không phải thành viên.

Bên cạnh đó, CPTPP cũng quy định trường hợp ngoại lệ khi hàng hóa vận chuyển qua lãnh thổ của một hay nhiều Nước không phải thành viên. Trong trường hợp này, hàng hóa đó được giữ nguyên xuất xứ nếu đáp ứng các điều kiện sau:

- Không trải qua bất kỳ công đoạn sản xuất, gia công nào bên ngoài lãnh thổ các Nước thành viên, trừ trường hợp bóc, dỡ hàng, chia tách lô hàng, lưu kho, dán nhãn hoặc đánh dấu theo yêu cầu của Nước thành viên nhập khẩu; hoặc các hoạt động cần thiết khác để bảo quản tốt hàng hóa hoặc để vận chuyển hàng hóa tới lãnh thổ của Nước thành viên nhập khẩu.

- Dưới sự giám sát của cơ quan hải quan trong lãnh thổ của Nước không phải thành viên.

Trường hợp cần chứng minh việc đáp ứng quy định của Hiệp định CPTPP về vận chuyển trực tiếp và quá cảnh, nước thành viên nhập khẩu có thể yêu cầu người nhập khẩu cung cấp các chứng từ liên quan đến việc vận chuyển lô hàng, ví dụ như chứng từ vận tải, và chứng từ lưu kho hoặc chứng từ hải quan trong trường hợp hàng hoá được lưu kho.

### ***1.3. Xác minh xuất xứ hàng hoá và lưu trữ chứng từ***

Không giống như các FTA khác mà Việt Nam là thành viên, ngoài đề nghị xác minh với cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu, CPTPP còn cho phép cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu trực tiếp xác minh xuất xứ hàng hoá với nhà xuất khẩu, nhà sản xuất và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu. CPTPP quy định cụ thể các thủ tục, thời hạn, phương thức phối hợp xác minh xuất xứ, lưu giữ chứng từ chứng minh, bảo mật thông tin.

#### ***(i) Đối tượng và hình thức xác minh***

Xác minh xuất xứ hàng hoá trong Hiệp định CPTPP có thể được tiến hành dưới một trong các hình thức và đối với các đối tượng sau:

- Yêu cầu nhà nhập khẩu cung cấp thông tin về hàng hoá (xác minh hồ sơ);
- Yêu cầu nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất cung cấp thông tin về hàng hoá (xác minh hồ sơ);
- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá cung cấp thông tin về hàng hoá (xác minh hồ sơ);
- Kiểm tra, xác minh thực tế cơ sở sản xuất của nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất hàng hoá (xác minh tại cơ sở sản xuất);
- Các hình thức khác được thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Nước thành viên nhập khẩu và Nước thành viên có trụ sở của nhà sản xuất hoặc nhà xuất khẩu.

#### ***(ii) Quy trình xác minh xuất xứ hàng hoá***

- Cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu gửi yêu cầu xác

minh xuất xứ cho đối tượng liên quan (nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, nhà sản xuất hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá);

- Đối với trường hợp xác minh hồ sơ, đối tượng được yêu cầu xác minh trả lời yêu cầu xác minh của cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu trong thời gian ít nhất 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu xác minh;

- Đối với trường hợp xác minh tại cơ sở sản xuất, nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất đưa ra câu trả lời đồng ý hoặc từ chối yêu cầu xác minh tại cơ sở sản xuất của cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu xác minh tại cơ sở sản xuất;

- Cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu đưa ra quyết định đối với hàng hoá trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được thông tin từ đối tượng được yêu cầu xác minh (bao gồm cả thông tin được gửi bổ sung) và không muộn hơn 365 ngày sau ngày đầu tiên gửi yêu cầu xác minh. Trong một số trường hợp đặc biệt như thông tin, kỹ thuật có liên quan rất phức tạp, nước nhập khẩu có thể kéo dài thời hạn 365 ngày theo quy định pháp luật của nước đó.

- Trước khi đưa ra quyết định đối với hàng hoá, cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu phải thông báo cho đối tượng được yêu cầu xác minh kết quả xác minh xuất xứ.

- Trường hợp nước nhập khẩu từ chối cho hưởng ưu đãi đối với lô hàng được yêu cầu xác minh, nước nhập khẩu sẽ cho phép đối tượng được yêu cầu xác minh có ít nhất 30 ngày để bổ sung thông tin liên quan đến xuất xứ lô hàng trước khi từ chối cho hưởng ưu đãi thuế quan.

## **Lưu trữ hồ sơ**

Cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu CPTPP và thương nhân phải lưu trữ hồ sơ, chứng từ chứng minh xuất xứ hàng hóa, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong thời hạn ít nhất 5 năm kể từ ngày cấp dưới bất kỳ hình thức nào để truy xuất nhanh chóng, bao gồm điện tử, quang học, từ tính, hoặc bằng văn bản theo quy định của nước nhập khẩu để phục vụ công tác kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa.

Quy định về thời hạn lưu trữ chứng từ của CPTPP dài hơn so với các FTA khác mà Việt Nam tham gia (thông thường ít nhất 03 năm), tuy nhiên, CPTPP lại linh hoạt cho phép được lưu trữ chứng từ dưới nhiều hình thức khác nhau giúp giảm bớt gánh nặng lưu trữ hồ sơ của doanh nghiệp và cơ quan, tổ chức cấp.

## **2. Hướng dẫn cách đọc hiểu danh mục PSR trong Hiệp định CPTPP**

Danh mục Quy tắc cụ thể mặt hàng (Product Specific Rules - PSR) là danh mục quy định cụ thể tiêu chí xuất xứ cho từng mặt hàng từ Chương 1 đến Chương 97 của Hệ thống hài hoà mô tả và mã hoá hàng hoá (Hệ thống HS). Danh mục PSR được quy định tại Hiệp định CPTPP như sau:

- Hàng hoá từ Chương 1 đến Chương 97 (ngoại trừ hàng dệt may): Phụ lục 3-D, Chương 3 (Quy tắc xuất xứ hàng hoá và thủ tục chứng nhận xuất xứ), Hiệp định CPTPP;

- Hàng dệt may: Phụ lục 4-A, Chương 4 (Hàng dệt may), Hiệp định CPTPP.

### ***2.1. Cấu trúc danh mục PSR trong Hiệp định CPTPP***

Danh mục PSR tại Hiệp định CPTPP gồm 2 cột:

- Cột 1: Thể hiện mã số hàng hoá ở cấp độ Chương (2 số), Nhóm (4 số) hoặc Phân nhóm (6 số).

Danh mục PSR tại Hiệp định CPTPP áp dụng Hệ thống mã HS phiên bản 2012. Như vậy, mặc dù hàng hoá xuất khẩu kê khai trên Tờ khai hải quan xuất khẩu theo phiên bản mã HS hiện hành (HS 2017 và sắp tới là HS 2022), nhưng khi xét xuất xứ hàng hoá theo CPTPP và thể hiện mã HS trên Chứng từ chứng nhận xuất xứ thì nhà xuất khẩu vẫn cần áp dụng mã HS theo danh mục PSR là HS 2012. Chỉ khi các nước thành viên CPTPP hoàn tất việc chuyển đổi phiên bản mã HS cho danh mục PSR và chính thức áp dụng thì việc xét xuất xứ hàng hoá được áp dụng theo mã HS mới được chuyển đổi.

- Cột 2: Thể hiện quy tắc cụ thể mặt hàng (tiêu chí xuất xứ) áp dụng đối với mã HS tương ứng tại cột 1.

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
<b>PHẦN I</b>	
<b>ĐỘNG VẬT SỐNG; CÁC SẢN PHẨM TỪ ĐỘNG VẬT</b>	
<b>Chương 1. Động vật sống</b>	
01.01 - 01.06	CC
<b>Chương 2. Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ</b>	
02.01 - 02.10	CC
<b>Chương 3. Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác</b>	
<u>Chú giải Chương:</u>	
Cá, động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác thu được tại lãnh thổ của một Nước thành viên có xuất xứ ngay cả khi thu được từ trứng, ấu trùng, cá bột, cá giống, cá hồi con, hoặc cá chưa trưởng thành khác ở giai đoạn hậu ấu trùng được nhập khẩu từ một Nước không phải thành viên.	
03.01 - 03.03	CC
0304.31 - 0304.39	CTH
0304.41	CC
0304.42 - 0304.43	CTH
0304.44	Đối với cá tuyết thuộc loài angustimanus (Panama hake) hoặc productus (North Pacific hake) thuộc phân nhóm 0304.44: CC; Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 0304.44: CTH.

Để diễn giải Quy tắc cụ thể mặt hàng trong Danh mục PSR của Hiệp định CPTPP, một số thuật ngữ được hiểu như sau:

“*Phần*” là một phần của Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa;

“*Chương*” là một chương của Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa;

“*Nhóm*” là bốn chữ số đầu tiên của mã số hàng hóa trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa; và

“*Phân nhóm*” là sáu chữ số đầu tiên của mã số hàng hóa trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa.

Hàng hóa có xuất xứ là hàng hóa được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều Nước thành viên bởi một hoặc nhiều nhà sản xuất và

có sử dụng nguyên liệu không có xuất xứ, với điều kiện mỗi nguyên liệu không có xuất xứ được sử dụng để sản xuất ra hàng hóa đáp ứng quy tắc chuyển đổi mã số hàng hóa (CC, CTH hoặc CTSH), quy tắc quy trình sản xuất cụ thể, quy tắc hàm lượng giá trị khu vực (RVC), hoặc các quy tắc khác được nêu tại Danh mục PSR; và hàng hóa đáp ứng tất cả các quy định liên quan khác tại Hiệp định CPTPP.

Một số lưu ý khi diễn giải tiêu chí xuất xứ hàng hoá quy định tại Danh mục PSR như sau:

- Quy tắc cụ thể mặt hàng hoặc bộ quy tắc cụ thể mặt hàng, áp dụng cho một nhóm, phân nhóm hoặc tập hợp gồm nhiều nhóm hoặc nhiều phân nhóm được ghi ở cột bên cạnh nhóm, phân nhóm hoặc tập hợp gồm nhiều nhóm hoặc nhiều phân nhóm đó;

- Các chú giải Phần, Chương hoặc Nhóm, nếu áp dụng, được ghi ở đầu mỗi Phần hoặc Chương và được áp dụng cùng Quy tắc cụ thể mặt hàng và có thể bổ sung các điều kiện hoặc đưa ra quy tắc thay thế cho Quy tắc cụ thể mặt hàng;

- Quy tắc chuyển đổi mã số hàng hóa (CC, CTH hoặc CTSH) chỉ áp dụng cho nguyên liệu không có xuất xứ;

- Trường hợp Quy tắc cụ thể mặt hàng quy định loại trừ một số nguyên liệu trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa, nguyên liệu bị loại trừ phải có xuất xứ để hàng hóa được coi là có xuất xứ.

- Trường hợp Quy tắc cụ thể mặt hàng có nhiều quy tắc xuất xứ để lựa chọn, hàng hóa có xuất xứ khi đáp ứng một trong các quy tắc xuất xứ đó;

- Trường hợp Quy tắc cụ thể mặt hàng quy định áp dụng kết hợp nhiều quy tắc xuất xứ, hàng hóa có xuất xứ khi đáp ứng tất cả các quy tắc xuất xứ kết hợp đó;

## ***2.2. Các tiêu chí xuất xứ hàng hoá tại danh mục PSR trong Hiệp định CPTPP***

Tại danh mục PSR của Hiệp định CPTPP, có ba loại tiêu chí xuất xứ hàng hoá chính được sử dụng, bao gồm: Chuyển đổi mã số hàng hoá, Hàm lượng giá trị khu vực và công đoạn gia công, chế biến cụ thể. Các

tiêu chí xuất xứ hàng hoá này được quy định sử dụng riêng biệt hoặc kết hợp với nhau, tùy từng mặt hàng cụ thể.

### *2.2.1. Tiêu chí Chuyển đổi mã số hàng hoá (CTC)*

Chuyển đổi mã số hàng hoá (Change in Tariff Classification - CTC) là sự thay đổi về mã số HS (trong Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu) của hàng hoá được tạo ra ở một nước, nhóm nước, hoặc vùng lãnh thổ trong quá trình sản xuất từ nguyên liệu không có xuất xứ của nước, nhóm nước, hoặc vùng lãnh thổ này.

Chuyển đổi mã số hàng hoá CTC được chia làm ba cấp. Thứ nhất, chuyển đổi mã số hàng hoá ở cấp độ Chương - 2 số (Change in Tariff Chapter - CC). Đây được coi là cấp độ chuyển đổi khó nhất trong chuyển đổi CTC. Tiếp đến là chuyển đổi mã số hàng hoá ở cấp độ Nhóm - 4 số (Change in Tariff Heading - CTH), là cấp độ chuyển đổi CTC khá phổ biến trong các Hiệp định thương mại. Cuối cùng là chuyển đổi mã số hàng hoá ở cấp độ Phân nhóm - 6 số (Change in Tariff Subheading - CTSH), là cấp độ chuyển đổi CTC linh hoạt nhất.

#### ***Ví dụ:***

HS 44.01 - 44.21 - Gỗ và các sản phẩm gỗ thuộc có tiêu chí xuất xứ tại PSR là: *Chuyển đổi sang hàng hoá của Nhóm 44.01 đến 44.21 từ bất kỳ nhóm nào khác (CTH).*

Bên cạnh đó, tiêu chí CTC ngoại trừ cũng được sử dụng khá phổ biến tại danh mục PSR của Hiệp định CPTPP. Trong trường hợp này, nguyên liệu bị ngoại trừ trong việc chuyển đổi mã số hàng hoá bắt buộc là nguyên liệu có xuất xứ trong quá trình sản xuất ra hàng hoá.

#### ***Ví dụ:***

HS 72.09 - Sản phẩm sắt thép không hợp kim, cán phẳng có tiêu chí xuất xứ tại PSR là: *Chuyển đổi sang hàng hoá của Nhóm 72.09 từ bất kỳ nhóm nào khác (CTH), ngoại trừ từ Nhóm 72.08 hoặc 72.11.*

Như vậy, trong trường hợp này, nếu sử dụng nguyên liệu từ chính Nhóm 72.09 và các Nhóm 72.08 hoặc 72.11 thì những nguyên liệu này phải là nguyên liệu có xuất xứ theo quy định tại Hiệp định CPTPP.

Trường hợp sử dụng một lượng nhỏ nguyên liệu không có xuất



xứ mà không đáp ứng tiêu chí CTC theo quy định tại PSR, hàng hoá sản xuất cuối cùng vẫn có thể được coi là đáp ứng tiêu chí xuất xứ nếu lượng nhỏ nguyên liệu không có xuất xứ đó nằm trong giới hạn tỷ lệ De Minimis được quy định.

### 2.2.2. Tiêu chí Hàm lượng giá trị khu vực (RVC)

Hàm lượng giá trị khu vực (Regional Value Content - RVC) là hàm lượng giá trị đạt được đủ để coi là có xuất xứ tại một nước, nhóm nước, hoặc vùng lãnh thổ nơi diễn ra công đoạn sản xuất, gia công, chế biến cuối cùng.

Theo quy định tại Hiệp định CPTPP, có bốn công thức tính RVC như sau:

- Công thức tính giá trị tập trung: Dựa trên trị giá nguyên liệu không có xuất xứ xác định:

$$RVC = \frac{\text{Trị giá hàng hóa} - FVNM}{\text{Trị giá hàng hóa}} \times 100$$

- Công thức tính gián tiếp: Dựa trên trị giá nguyên liệu không có xuất xứ:

$$RVC = \frac{VOM}{\text{Trị giá hàng hóa}} \times 100$$

- Công thức tính trực tiếp: Dựa trên trị giá của nguyên liệu có xuất xứ:

$$RVC = \frac{\text{Trị giá hàng hóa} - VNM}{\text{Trị giá hàng hóa}} \times 100$$

- Công thức tính chi phí tịnh (chỉ áp dụng đối với ô tô):

$$RVC = \frac{NC - VNM}{NC} \times 100$$

Trong đó:

**RVC** là hàm lượng giá trị khu vực của hàng hóa, được thể hiện bằng tỷ lệ phần trăm.

**VNM** là trị giá của nguyên liệu không có xuất xứ, kể cả nguyên

liệu không xác định được xuất xứ, được sử dụng trong quá trình sản xuất hàng hóa.

*NC* là chi phí tịnh của hàng hóa được xác định theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

*FVNM* là trị giá của nguyên liệu không có xuất xứ, kể cả nguyên liệu không xác định được xuất xứ quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và được sử dụng trong quá trình sản xuất hàng hóa. Nguyên liệu không có xuất xứ không quy định tại Phụ lục I không được tính vào việc xác định *FVNM*.

*VOM* là trị giá của nguyên liệu có xuất xứ được sử dụng trong quá trình sản xuất hàng hóa tại lãnh thổ của một hay nhiều Nước thành viên.

*Ví dụ:*

HS 87.06 - Khung gầm đã lắp động cơ, dùng cho xe có động cơ có tiêu chí xuất xứ tại PSR là:

*Không yêu cầu thay đổi mã số hàng hóa đối với Nhóm 87.06, với điều kiện hàm lượng giá trị khu vực không thấp hơn:*

- a) 45% theo công thức tính trực tiếp; hoặc*
- b) 45% theo công thức tính chi phí tịnh; hoặc*
- c) 55% theo công thức tính gián tiếp.*

### *2.2.3. Tiêu chí công đoạn gia công, chế biến cụ thể*

Tiêu chí Công đoạn gia công, chế biến cụ thể quy định công đoạn gia công, chế biến hoặc quy trình sản xuất cụ thể mà hàng hoá cần phải trải qua để được coi là có xuất xứ. Trong nhiều Hiệp định thương mại tự do các tiêu chí công đoạn gia công, chế biến cụ thể được áp dụng cho các ngành dệt may và hóa chất. Quy tắc này tương đối dễ giải thích và thực hiện vì chúng chỉ đơn giản là xác định hoặc mô tả các hoạt động cần thiết phải thực hiện để đạt được trạng thái có xuất xứ. Ví dụ: cắt, may, dệt hoặc cán nóng thép (trái ngược với thép cán nguội về kích thước hoặc hình dạng).

Tại danh mục PSR của Hiệp định CPTPP, một số tiêu chí công đoạn gia công, chế biến cụ thể như:

- Tiêu chí hun khói áp dụng cho mặt hàng thủy sản và thủy sản chế biến;
- Tiêu chí nghiền áp dụng cho một số chế phẩm rau củ;
- Tiêu chí quy trình hoá học áp dụng cho sản phẩm hoá học;
- Tiêu chí cắt may áp dụng cho sản phẩm dệt may.

### **3. Quy định về Tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá trong Hiệp định CPTPP**

#### ***3.1. Đối tượng thực hiện TCNXX***

Như đã trình bày tại mục 1, Phần II của tài liệu, các đối tượng có thể thực hiện tự chứng nhận xuất xứ theo Hiệp định CPTPP bao gồm:

- (i) người xuất khẩu;
- (ii) người sản xuất; hoặc
- (iii) người nhập khẩu.

Như vậy, so với một số FTA khác mà Việt Nam tham gia cũng có quy định về cơ chế TCNXX, đối tượng thực hiện tự chứng nhận xuất xứ tại Hiệp định CPTPP có phạm vi rộng hơn khi cho phép bất kỳ người xuất khẩu, người sản xuất nào cũng có thể thực hiện tự chứng nhận xuất xứ. Tuy nhiên, tại Phụ lục 3-A (Các quy định về cơ chế chứng nhận xuất xứ khác - Other arrangements), Chương 3 Hiệp định CPTPP cũng cho phép các nước thành viên trong thời gian chuyển đổi có thể áp dụng cơ chế TCNXX bởi nhà xuất khẩu đủ điều kiện (approved exporters). Nhưng việc áp dụng này cũng chỉ có thể được thực hiện trong vòng 5 năm và gia hạn thêm 5 năm (tối đa 10 năm) kể từ ngày Hiệp định CPTPP có hiệu lực với nước thành viên đó hoặc tối đa 12 năm kể từ ngày Hiệp định CPTPP có hiệu lực thực thi. Sau thời gian đó, các nước thành viên sẽ thống nhất áp dụng TCNXX bởi bất kỳ người sản xuất, người xuất khẩu nào. Cho đến nay, trong số các nước đã phê chuẩn và thực thi Hiệp định CPTPP, ngoại trừ Việt Nam, các nước còn lại (Ca-na-đa, Mê-hi-cô, Pê-ru, Úc, Niu Di-lân, Nhật Bản và Xinh-ga-po) đều áp dụng cơ chế TCNXX bởi bất kỳ người sản xuất, người xuất khẩu nào.

***TCNXX thực hiện bởi người sản xuất:***

Theo Hiệp định CPTPP, các nước thành viên sẽ quy định trong nội luật rằng trường hợp người sản xuất TCNXX cho hàng hoá, việc TCNXX phải được thực hiện trên cơ sở người sản xuất có các thông tin để chứng minh hàng hoá là có xuất xứ theo CPTPP.

***TCNXX thực hiện bởi người xuất khẩu:***

Theo Hiệp định CPTPP, trường hợp người xuất khẩu không phải là người sản xuất, các nước thành viên sẽ quy định rằng người xuất khẩu có thể thực hiện TCNXX đối với hàng hoá trên cơ sở sau:

- Người xuất khẩu có các thông tin để chứng minh hàng hoá là có xuất xứ theo CPTPP; hoặc
- Có thể tin cậy một cách hợp lý vào thông tin được cung cấp bởi người sản xuất về việc hàng hoá là có xuất xứ theo CPTPP.

***TCNXX thực hiện bởi người nhập khẩu:***

Đối với TCNXX bởi người nhập khẩu, Hiệp định CPTPP quy định các nước chấp nhận chứng từ chứng nhận xuất xứ được thực hiện và phát hành bởi nhà nhập khẩu. Đồng thời, các nước thành viên nhập khẩu có thể quy định trong nội luật của nước này như sau:

- Nhà nhập khẩu thực hiện TCNXX phải cung cấp thông tin và các chứng từ cần thiết để hỗ trợ việc chứng nhận xuất xứ của mình: trong tất cả các trường hợp, người sản xuất, người xuất khẩu mới là những người hiểu rõ nhất về hàng hoá được xuất khẩu, có khả năng hiểu rõ quy trình và sở hữu các thông tin về quá trình sản xuất, nguyên liệu tham gia vào quá trình sản xuất để có thể chứng minh được hàng hoá có đáp ứng tiêu chí xuất xứ theo Hiệp định CPTPP hay không chứ không phải là người nhập khẩu hàng hoá. Do vậy, trường hợp người nhập khẩu muốn tự thực hiện việc chứng nhận xuất xứ đối với hàng hoá nhập khẩu từ các nước thành viên CPTPP, nước thành viên nhập khẩu có thể yêu cầu người nhập khẩu chứng minh việc đáp ứng quy tắc xuất xứ hàng hoá của lô hàng liên quan.

- Các điều kiện mà nhà nhập khẩu cần phải đáp ứng để có thể thực hiện TCNXX. Trường hợp người nhập khẩu không đáp ứng các điều kiện theo quy định của nước thành viên nhập khẩu.

- Trường hợp nhà nhập khẩu đã khai báo để được hưởng ưu đãi thuế quan dựa trên chứng từ TCNXX thực hiện bởi người nhập khẩu, thì người nhập khẩu đó không được phép khai báo tiếp theo để hưởng ưu đãi thuế quan cho cùng lô hàng đó mà đã được TCNXX bởi người sản xuất hoặc người xuất khẩu.

Khi thực hiện TCNXX đối với hàng hoá của mình, người nhập khẩu phải thực hiện dựa trên cơ sở sau:

- Người nhập khẩu có các chứng từ để chứng minh hàng hoá là có xuất xứ theo CPTPP; hoặc

- Có thể tin cậy một cách hợp lý vào các chứng từ được cung cấp bởi người sản xuất hoặc người xuất khẩu về việc hàng hoá là có xuất xứ theo CPTPP.

### ***3.2. Danh mục thông tin tối thiểu***

Hiệp định CPTPP không quy định một mẫu cụ thể mà chỉ quy định các thông tin tối thiểu cần thể hiện trên chứng từ này, bao gồm:

- (1) Người thực hiện chứng nhận xuất xứ: nêu rõ người thực hiện chứng nhận xuất xứ là người nhập khẩu, hay người xuất khẩu hay người sản xuất);
- (2) Thông tin của người chứng nhận xuất xứ: Tên, địa chỉ (bao gồm quốc gia), số điện thoại và địa chỉ email của người chứng nhận;
- (3) Thông tin người xuất khẩu: Tên, địa chỉ (bao gồm quốc gia), số điện thoại và địa chỉ email của người xuất khẩu nếu người xuất khẩu không phải người chứng nhận;

Thông tin này là không bắt buộc trong trường hợp người sản xuất thực hiện tự chứng nhận xuất xứ và không biết thông tin về người xuất khẩu. Địa chỉ của người xuất khẩu phải là nơi xuất khẩu hàng hoá thuộc nước thành viên Hiệp định CPTPP;

- (4) Thông tin nhà sản xuất: Tên, địa chỉ (bao gồm quốc gia), số điện thoại và địa chỉ email của người sản xuất nếu người sản xuất không phải người chứng nhận hay người xuất khẩu hoặc nếu có nhiều hơn một người sản xuất thì ghi “Various” (“Nhiều

người sản xuất”) hoặc cung cấp một danh sách người sản xuất. Nếu thông tin cần phải giữ bí mật có thể ghi “Available upon request by the importing authorities” (“Cung cấp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên nhập khẩu”). Địa chỉ của người sản xuất là nơi sản xuất của hàng hóa thuộc nước thành viên Hiệp định CPTPP;

- (5) Thông tin nhà nhập khẩu: Tên, địa chỉ, địa chỉ email và số điện thoại của người nhập khẩu (nếu có thông tin về người nhập khẩu). Địa chỉ của người nhập khẩu phải thuộc nước thành viên Hiệp định CPTPP;
- (6) Mô tả và mã HS của hàng hóa: Ghi rõ mô tả hàng hóa và mã số HS ở cấp độ 6 chữ số của hàng hóa. Mô tả phải phù hợp với hàng hóa được chứng nhận xuất xứ. Trường hợp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa sử dụng cho một lô hàng nhập khẩu thì phải nêu rõ số hóa đơn liên quan đến việc xuất khẩu (nếu biết);
- (7) Tiêu chí xuất xứ mà hàng hoá đáp ứng;
- (8) Khoảng thời gian của chứng nhận xuất xứ - Blank Period: Trong trường hợp sử dụng một chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho nhiều lô hàng giống hệt thì trên chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa thể hiện thời gian áp dụng nhưng không quá 12 tháng;
- (9) Ngày tháng năm chứng nhận và chữ ký của người chứng nhận, kèm theo lời văn chứng nhận xuất xứ

*I certify that the goods described in this document qualify as originating and the information contained in this document is true and accurate. I assume responsibility for proving such representations and agree to maintain and present upon request or to make available during a verification visit, documentation necessary to support this certification.*

Như vậy, khi thực hiện tự chứng nhận xuất xứ trên một số loại chứng từ như chứng từ thương mại hay chứng từ vận chuyển, một số thông tin tối thiểu nêu trên đã được thể hiện sẵn trên chứng từ đó. Trong

trường hợp này, người thực hiện chứng nhận xuất xứ có thể sử dụng thông tin sẵn có trên chứng từ đó và chỉ cần bổ sung những thông tin tại danh mục thông tin tối thiểu mà chưa được thể hiện. Trường hợp người thực hiện TCNXX trên một mẫu riêng biệt thì cần thể hiện đầy đủ các thông tin tối thiểu như quy định tại Hiệp định CPTPP.

### ***3.3. Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ***

#### ***Hình thức của chứng từ TCNXX***

Thương nhân có thể tự chứng nhận xuất xứ trên các chứng từ thương mại, chứng từ vận tải hoặc thậm chí tự tạo mẫu riêng, miễn là các thông tin tối thiểu theo yêu cầu đều phải được thể hiện đầy đủ.

Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ có thể ở dạng bản giấy hoặc điện tử và có thể chứng nhận cho một lô hàng hoặc nhiều lô hàng giống nhau nhưng không vượt quá 12 tháng. Hình thức điện tử của chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa có thể là bản scan PDF hoặc ảnh chụp của chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

Mẫu Chứng từ TCNXX (khi được thể hiện trên mẫu riêng biệt) của một số nước thành viên CPTPP được thể hiện tại Phụ lục của Tài liệu này. Xin lưu ý rằng, những mẫu chứng từ TCNXX này đều mang tính chất tham khảo cho doanh nghiệp do Hiệp định CPTPP không quy định cụ thể một mẫu Chứng từ chứng nhận xuất xứ nào.

#### ***Ngôn ngữ của chứng từ TCNXX***

Chứng từ TCNXX thể hiện bằng tiếng Anh. Trường hợp thể hiện bằng ngôn ngữ khác, người khai hải quan phải dịch sang tiếng Anh hoặc sang ngôn ngữ của nước thành viên nhập khẩu. Ví dụ, hàng hoá nhập khẩu từ các nước thành viên CPTPP vào Việt Nam thì chứng từ tự chứng nhận xuất xứ phải bằng tiếng Anh hoặc phải dịch sang tiếng Việt nếu bản gốc phải là tiếng Anh và người khai hải quan chịu trách nhiệm với bản dịch đó.

#### ***Thời hạn hiệu lực của chứng từ TCNXX***

Thời hạn hiệu lực của chứng từ tự chứng nhận xuất xứ là 01 năm sau ngày phát hành hoặc lâu hơn theo quy định nội luật của nước thành viên nhập khẩu. Để được hưởng ưu đãi thuế quan tại nước thành viên

nhập khẩu, người nhập khẩu bắt buộc phải nộp hoặc xuất trình (tùy theo quy định của nước thành viên nhập khẩu) chứng từ tự chứng nhận xuất xứ còn giá trị hiệu lực.

### ***Thời điểm phát hành chứng từ TCNXX***

Trong khi các FTA khác mà Việt Nam đang tham gia thực hiện (chủ yếu áp dụng cơ chế cấp C/O bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền) đều quy định thời điểm cấp C/O là tại thời điểm xuất khẩu hoặc không quá một số ngày nhất định (như ba ngày) kể từ ngày xuất khẩu, Hiệp định CPTPP không có điều khoản quy định cụ thể về thời điểm thực hiện chứng nhận xuất xứ. Tuy nhiên, một cách hiểu phổ biến đó là thời điểm phát hành chứng từ TCNXX là thời điểm người chứng nhận thực hiện việc chứng nhận xuất xứ bằng cách thể hiện đầy đủ các thông tin tối thiểu theo quy định tại Hiệp định CPTPP, trong đó có lời văn cam kết về chứng nhận xuất xứ hàng hoá. Thời điểm phát hành chứng từ TCNXX có thể khác so với thời điểm phát hành chứng từ được sử dụng để thể hiện thông tin TCNXX. Ví dụ, trường hợp người xuất khẩu sử dụng hoá đơn thương mại để thực hiện TCNXX, ngày phát hành hoá đơn thương mại đó có thể trùng hoặc khác so với ngày người xuất khẩu thực hiện nội dung TCNXX trên chứng từ này. Và tất nhiên, thời điểm phát hành chứng từ TCNXX cũng có thể trùng hoặc khác với thời điểm hàng hoá được xuất khẩu đi. Như vậy, thời điểm chứng nhận xuất xứ trong Hiệp định CPTPP tương đối linh hoạt cho thương nhân, các lô hàng đã xuất khẩu đi vẫn có thể thực hiện TCNXX khi người nhập khẩu có nhu cầu hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định CPTPP.

### ***Miễn chứng từ TCNXX***

Theo quy định tại Hiệp định CPTPP, cơ quan hải quan của nước thành viên nhập khẩu không yêu cầu chứng từ TCNXX để được hưởng ưu đãi cho lô hàng nhập khẩu trong trường hợp sau đây:

(a) Trị giá hải quan của lô hàng nhập khẩu không vượt quá 1.000 đô la Mỹ hoặc trị giá tương đương theo đơn vị tiền tệ của nước thành viên nhập khẩu hoặc trị giá cao hơn theo quy định của nước thành viên nhập khẩu; hoặc

(b) Hàng hóa đã được nước thành viên nhập khẩu miễn nộp hoặc không yêu cầu người nhập khẩu xuất trình chứng từ chứng nhận xuất xứ,



Người nhập khẩu không được miễn chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong trường hợp việc nhập khẩu là một phần thuộc một chuỗi các hoạt động nhập khẩu được tiến hành hoặc đã lên kế hoạch nhằm trốn tránh quy định nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa của Nước thành viên nhập khẩu để hưởng ưu đãi thuế quan theo quy định của Hiệp định CPTPP.

### ***Chứng từ TCNXX hàng hoá trong trường hợp mua bán nhiều bên***

Nước thành viên nhập khẩu không được từ chối việc hưởng ưu đãi thuế quan với lý do hoá đơn thương mại được phát hành tại một nước không phải là thành viên Hiệp định CPTPP. Trong trường hợp này, nước thành viên nhập khẩu có thể yêu cầu việc chứng nhận xuất xứ phải được thực hiện trên một chứng từ không phải là hoá đơn thương mại được phát hành tại một nước không phải là thành viên Hiệp định CPTPP. Như vậy, Hiệp định CPTPP không ngăn cản việc thực hiện TCNXX hàng hoá trong trường hợp mua bán nhiều bên. Nhưng cần phải ghi nhớ rằng, trong trường hợp này, người thực hiện TCNXX vẫn phải là người xuất khẩu, người sản xuất hoặc người nhập khẩu từ nước thành viên Hiệp định CPTPP.

### ***Chứng từ TCNXX hàng hoá giúp lưng***

Hiệp định CPTPP không có quy định về chứng từ chứng nhận xuất xứ giúp lưng. Điều này là do cơ chế chứng nhận xuất xứ cốt lõi trong CPTPP là TCNXX, khác với các FTA khác mà Việt Nam đang tham gia thực hiện có cơ chế chứng nhận xuất xứ cốt lõi là Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) được cấp bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Cơ chế TCNXX cho phép người xuất khẩu, người sản xuất hoặc người nhập khẩu có thể linh hoạt thực hiện việc chứng nhận xuất xứ hàng hoá của mình với điều kiện họ có đủ các thông tin, chứng từ để chứng minh rằng hàng hoá được chứng nhận là có xuất xứ theo quy định của Hiệp định CPTPP.

### ***3.4. Nghĩa vụ của người xuất khẩu, người sản xuất***

Hiệp định CPTPP quy định về nghĩa vụ đối với người sản xuất, người xuất khẩu như sau:

- Người xuất khẩu hoặc người nhập khẩu tại lãnh thổ của nước thành viên CPTPP mà thực hiện TCNXX sẽ nộp một bản sao của chứng từ TCNXX cho nước thành viên xuất khẩu khi được yêu cầu.

- Trường hợp người xuất khẩu hoặc người sản xuất cung cấp chứng từ TCNXX sai lệch hoặc cung cấp thông tin sai lệch để hỗ trợ việc chứng minh hàng hoá được xuất khẩu đến lãnh thổ của một nước thành viên Hiệp định là có xuất xứ theo Hiệp định CPTPP thì sẽ chịu những hậu quả pháp lý tương tự, với sự sửa đổi phù hợp, như những hậu quả pháp lý mà có thể áp dụng cho người nhập khẩu tại lãnh thổ của nước thành viên đó mà đã đưa ra tuyên bố/khai báo sai hoặc cung cấp thông tin sai lệch liên quan đến lô hàng nhập khẩu.

- Trường hợp người xuất khẩu hoặc người sản xuất đã thực hiện TCNXX và có cơ sở hợp lý để tin rằng chứng từ TCNXX có chứa các thông tin hoặc được dựa trên các thông tin sai lệch, người xuất khẩu hoặc người sản xuất phải thông báo ngay, bằng văn bản, cho tất cả những người và những nước thành viên Hiệp định mà người xuất khẩu hoặc người sản xuất đã cung cấp chứng từ TCNXX về bất kỳ thay đổi nào có thể ảnh hưởng đến sự chính xác hoặc hiệu lực của chứng từ TCNXX đó.

### ***3.5. Nghĩa vụ của người nhập khẩu***

Theo quy định tại Hiệp định CPTPP, nhằm mục đích cho hưởng ưu đãi thuế quan đối với hàng hoá nhập khẩu, nước thành viên Hiệp định CPTPP quy định nghĩa vụ đối với người nhập khẩu như sau:

- Khai báo về việc hàng hoá đáp ứng các quy định tại Hiệp định CPTPP để được coi là hàng hoá có xuất xứ;

- Có chứng từ chứng nhận xuất xứ còn hiệu lực tại thời điểm khai báo hàng hoá là hàng hoá có xuất xứ theo Hiệp định CPTPP;

- Cung cấp chứng từ chứng nhận xuất xứ khi được cơ quan nước thành viên nhập khẩu yêu cầu;

- Chứng minh hàng hoá đáp ứng quy định về vận chuyển và quá cảnh theo Hiệp định CPTPP khi nước thành viên nhập khẩu yêu cầu bằng việc cung cấp các chứng từ liên quan, chẳng hạn như chứng từ vận tải, và chứng từ lưu kho hoặc chứng từ hải quan trong trường hợp hàng hoá được lưu kho.

- Trường hợp người nhập khẩu có cơ sở hợp lý để tin rằng việc chứng nhận xuất xứ hàng hoá được dựa trên thông tin sai lệch mà có thể ảnh hưởng đến tính chính xác hoặc hiệu lực của chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hoá, người nhập khẩu sẽ sửa lại chứng từ nhập khẩu và thanh toán bất kỳ khoản thuế nào phát sinh và, nếu có, khoản phạt đang nợ.

Hiệp định CPTPP cũng quy định rằng, các nước thành viên không được áp dụng khoản phạt cho người nhập khẩu trong trường hợp người nhập khẩu yêu cầu hưởng ưu đãi thuế quan không hợp lệ nếu người nhập khẩu nhận thức được rằng yêu cầu đó là không có giá trị và tự nguyện sửa lại yêu cầu cho hưởng ưu đãi thuế quan và trả các khoản thuế liên quan theo quy định nội luật của nước thành viên trước khi nước thành viên đó phát hiện ra lỗi sai.

Bên cạnh đó, người xuất khẩu, người sản xuất và người nhập khẩu mà thực hiện TCNXX còn có nghĩa vụ phối hợp với cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên CPTPP trong việc thực hiện xác minh xuất xứ và lưu trữ chứng từ. Nội dung này được thể hiện cụ thể hơn tại mục 3, Phần IV của tài liệu này.





**PHẦN IV**

**QUY TRÌNH, THỦ TỤC  
TỰ CHỨNG NHẬN  
XUẤT XỨ HÀNG HOÁ**



## 1. Tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá của các nước thành viên CPTPP

Như đã thông tin ở trên, trong các nước thành viên CPTPP đã phê chuẩn và thực thi Hiệp định, ngoại trừ Việt Nam thực hiện cơ chế cấp giấy chứng nhận xuất xứ thì các nước còn lại đều áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ cho hàng hoá xuất khẩu, bao gồm: Ca-na-đa, Úc, Niu Di-lân, Nhật Bản, Mê-hi-cô, Xinh-ga-po và Pê-ru. Theo đó, bất kỳ người sản xuất, người xuất khẩu hoặc người nhập khẩu nào của các nước này đều có thể thực hiện tự chứng nhận xuất xứ cho hàng hoá của mình nhằm mục đích hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định CPTPP. Mỗi nước thành viên này có hướng dẫn cụ thể về tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá đối với hàng hoá xuất khẩu căn cứ trên quy định tại Hiệp định CPTPP. Quy định cụ thể của từng nước thành viên CPTPP đối với chứng nhận xuất xứ cho hàng hoá xuất khẩu như sau:

### 1.1. Úc

Mặc dù Hiệp định CPTPP không quy định loại chứng từ hoặc hình thức cụ thể của chứng từ tự chứng nhận xuất xứ, nhà xuất khẩu có thể thực hiện trên Hoá đơn thương mại hoặc Thư có tiêu đề của công ty. Trong trường hợp này, phần lớn thông tin tối thiểu được yêu cầu thường sẽ có trong chứng từ này. Điều quan trọng là phải cung cấp Mã HS, mô tả về hàng hóa và tiêu chí xuất xứ cũng như tên, địa chỉ, số điện thoại và địa chỉ email. CPTPP không ngăn cản nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất thực hiện Chứng nhận xuất xứ trên hóa đơn không có thông tin nhà nhập khẩu, miễn là chứng từ đó chứa đủ các thông tin tối thiểu theo quy định. Vì vậy, nhà xuất khẩu cần kiểm tra xem Chứng nhận xuất xứ đã hoàn thành trên hóa đơn hoặc tiêu đề thư của công ty có chứa tất cả các Yêu cầu thông tin tối thiểu hay không.

Đối với mỗi mẫu Chứng nhận xuất xứ dưới đây, nhà xuất khẩu cần kiểm tra xem các thông tin sau cũng xuất hiện trên hóa đơn hoặc thư có tiêu đề của công ty:

- Thông tin chi tiết về nhà nhập khẩu, xuất khẩu và nhà sản xuất theo như Yêu cầu thông tin tối thiểu tại Hiệp định CPTPP;

- Mã HS của hàng hóa (cấp 6 chữ số);
- Mô tả hàng hóa;
- Tiêu chí xuất xứ của hàng hóa (WO, PE hoặc PSR);
- Nếu đó là Chứng nhận xuất xứ bao gồm khoảng thời gian cho nhiều lô hàng giống hệt nhau, nêu rõ khoảng thời gian được chứng nhận (tối đa 12 tháng kể từ ngày chứng nhận)
- Nếu Chứng nhận xuất xứ bao gồm một lô hàng duy nhất, hãy cho biết số hóa đơn liên quan đến việc xuất khẩu (nếu biết).

Nếu những thông tin này chưa được thể hiện trên hóa đơn hoặc thư có tiêu đề của công ty, nhà xuất khẩu cần phải bổ sung những thông tin này.

**Tự chứng nhận xuất xứ bởi người xuất khẩu đồng thời là người sản xuất:**

I certify that the goods described in this document qualify as originating and the information contained in this document is true and accurate. I assume responsibility for proving such representations and agree to maintain and present upon request or to make available during a verification visit, documentation necessary to support this certification

<b>Authorised Signature of Certifier</b>	<b>Date of Signature</b>
<b>(Producer and Exporter)</b>	

**Certifier Name:** \_\_\_\_\_

**Certifier Address (including country):** \_\_\_\_\_

**Certifier Telephone Number:** \_\_\_\_\_

**Certifier E-mail Address:** \_\_\_\_\_



**Tự chứng nhận xuất xứ bởi người xuất khẩu không phải là người sản xuất và thông tin người sản xuất chưa xác định**

I certify that the goods described in this document qualify as originating and the information contained in this document is true and accurate. I assume responsibility for proving such representations and agree to maintain and present upon request or to make available during a verification visit, documentation necessary to support this certification

**Authorised Signature of Certifier  
(Exporter)**

**Date of Signature**

**Certifier Name:** \_\_\_\_\_

**Certifier Address (including country):** \_\_\_\_\_

**Certifier Telephone Number:** \_\_\_\_\_

**Certifier E-mail Address:** \_\_\_\_\_

**Producer's details available upon request by the importing authorities.**

**Tự chứng nhận xuất xứ bởi người xuất khẩu không phải là người sản xuất và thông tin người sản xuất đã xác định**

I certify that the goods described in this document qualify as originating and the information contained in this document is true and accurate. I assume responsibility for proving such representations and agree to maintain and present upon request or to make available during a verification visit, documentation necessary to support this certification

**Authorised Signature of Certifier  
(Exporter)**

**Date of Signature**

**Certifier Name:** \_\_\_\_\_

**Certifier Address (including country):** \_\_\_\_\_

**Certifier Telephone Number:** \_\_\_\_\_

**Certifier E-mail Address:** \_\_\_\_\_

**Producer Name:** \_\_\_\_\_

**Producer Address (including country):** \_\_\_\_\_

**Producer Telephone Number:** \_\_\_\_\_

**Producer E-mail Address:** \_\_\_\_\_

### **Tự chứng nhận xuất xứ bởi người sản xuất:**

I certify that the goods described in this document qualify as originating and the information contained in this document is true and accurate. I assume responsibility for proving such representations and agree to maintain and present upon request or to make available during a verification visit, documentation necessary to support this certification

**Signature of Certifier (Producer)**

**Date of Signature**

**Certifier Name:** \_\_\_\_\_

**Certifier Address (including country):** \_\_\_\_\_

**Certifier Telephone Number:** \_\_\_\_\_

**Certifier E-mail Address:** \_\_\_\_\_

## Tự chứng nhận xuất xứ bởi người nhập khẩu:

I certify that the goods described in this document qualify as originating and the information contained in this document is true and accurate. I assume responsibility for proving such representations and agree to maintain and present upon request or to make available during a verification visit, documentation necessary to support this certification

**Signature of Certifier (Importer)**

**Date of Signature**

**Certifier Name:** \_\_\_\_\_

**Certifier Address (including country):** \_\_\_\_\_

**Certifier Telephone Number:** \_\_\_\_\_

**Certifier E-mail Address:** \_\_\_\_\_

### *1.2. Xinh-ga-po*

Cơ chế chứng nhận xuất xứ đối với hàng hoá xuất khẩu theo Hiệp định CPTPP của Xinh-ga-po được hướng dẫn tại Thông báo số 13/2018 ngày 12/12/2018 của Cơ quan hải quan Xinh-ga-po. Theo đó, đối với hàng hoá xuất khẩu từ Xinh-ga-po muốn được hưởng ưu đãi thuế quan theo CPTPP tại nước thành viên khác, nhà xuất khẩu, nhà sản xuất hoặc nhà nhập khẩu sẽ hoàn thiện chứng từ tự chứng nhận xuất xứ theo quy định tại Điều 3.20, Chương 3 Hiệp định CPTPP. Mặc dù chứng từ chứng nhận xuất xứ không cần tuân thủ theo một hình thức cụ thể, chứng từ đó cần phải thể hiện đầy đủ các thông tin tối thiểu được quy định tại Phụ lục 3-A của Chương 3 Hiệp định CPTPP và phải cung cấp đủ thông tin về hàng hoá để cơ quan hải quan nước nhập khẩu có thể xác định được. Đồng thời, phải đảm bảo mã số HS xác định đúng với hàng hoá tương ứng. Doanh nghiệp có thể xin ý kiến của cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên nhập khẩu về mã HS của hàng hoá.

Nhà xuất khẩu của Xinh-ga-po mà phát hành chứng từ tự chứng

nhận xuất xứ theo CPTPP và nhà sản xuất hàng hoá phải làm quen với các tiêu chí xuất xứ đủ điều kiện của hàng hóa của họ. Có nhiều tiêu chí xuất xứ PSR được bao gồm trong CPTPP như các quy tắc quy trình mở rộng cho lĩnh vực hóa dầu và công thức tính RVC cụ thể cho lĩnh vực ô tô. Do đó, Xinh-ga-po khuyến khích doanh nghiệp xuất khẩu cần làm quen với các tiêu chí xuất xứ tại Chương 3 ROO và phụ lục PSR để bạn có thể tận dụng các lợi ích của thỏa thuận khi xuất khẩu sang một quốc gia CPTPP.

Đối với kiểm tra, xác minh xuất xứ theo Điều 3.27 (Xác minh xuất xứ) Hiệp định CPTPP, các tài liệu liên quan đến lô hàng sản xuất, xuất khẩu kèm theo chứng nhận xuất xứ phải được lưu giữ ít nhất 5 năm kể từ ngày được cấp chứng nhận xuất xứ. Thời gian lưu giữ các hồ sơ khác được yêu cầu theo luật pháp Xinh-ga-po hiện hành. Cơ quan liên quan của nước thành viên nhập khẩu có thể tiến hành xác minh xuất xứ bằng văn bản và yêu cầu cung cấp thông tin từ nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất hàng hóa đối với bất kỳ lô hàng nào đề nghị được hưởng ưu đãi thuế quan. Nếu không nhận được sự hỗ trợ hoặc thông tin đầy đủ để chứng minh xuất xứ hàng hóa của lô hàng đề nghị cho hưởng ưu đãi thuế quan, nước thành viên nhập khẩu có thể từ chối yêu cầu hưởng ưu đãi thuế quan.

### ***1.3. Niu Di-lân***

Theo hướng dẫn của Bộ Ngoại giao và thương mại của Niu Di-lân, không có quy định về chứng từ chứng nhận xuất xứ bên thứ ba tại Hiệp định CPTPP. Do vậy, nhà xuất khẩu của Niu Di-lân chỉ cần tự chứng nhận rằng hàng hóa xuất khẩu đáp ứng quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa tại Hiệp định CPTPP để được hưởng thuế quan ưu đãi. Chứng từ chứng nhận xuất xứ được thực hiện bởi nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất có thể ở dạng bản giấy hoặc điện tử, và cần thuộc quyền sở hữu của nhà nhập khẩu khi tiến hành thủ tục hưởng ưu đãi thuế quan.

Việc khai báo hoặc chứng nhận xuất xứ hàng hóa không nhất thiết phải tuân theo một định dạng quy định và không yêu cầu giấy chứng nhận xuất xứ do bên thứ ba cấp để hỗ trợ yêu cầu của nhà nhập khẩu về

thuế quan ưu đãi. Không có quy định cụ thể về hình thức của chứng từ tự chứng nhận xuất xứ nhưng phải đảm bảo thể hiện đủ các thông tin tối thiểu theo yêu cầu của Hiệp định.

Hóa đơn có thể được phát hành tại một nước thứ ba ngoài Hiệp định. Tuy nhiên, nếu hóa đơn được phát hành tại một nước thứ ba ngoài Hiệp định thì việc khai báo/chứng nhận xuất xứ phải được cung cấp trên một tài liệu riêng.

#### ***1.4. Nhật Bản***

Theo Tài liệu hướng dẫn về Hệ thống Tự chứng nhận xuất xứ Hiệp định CPTPP của Cơ quan hải quan Nhật Bản phát hành vào tháng 6 năm 2021, nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất tại Nhật Bản có thể hoàn thành Chứng từ chứng nhận xuất xứ (Declaration of Origin hay Certification of Origin) căn cứ trên thông tin của họ và xác nhận rằng hàng hoá được xuất khẩu là có xuất xứ theo Hiệp định CPTPP. Khi nhà xuất khẩu không phải là nhà sản xuất mà thực hiện tự chứng nhận xuất xứ, nhà xuất khẩu có thể làm vậy dựa trên các thông tin đáng tin cậy được cung cấp bởi nhà sản xuất để xác nhận hàng hoá có xuất xứ. Trong mọi trường hợp, người khai báo chứng nhận xuất xứ (nhà sản xuất hoặc nhà xuất khẩu) phải đặt tại Nhật Bản.

Tương tự như các nước thành viên CPTPP khác, Nhật Bản cũng quy định chứng từ tự chứng nhận xuất xứ cho hàng hoá xuất khẩu phải bao gồm các thông tin sau: tên, địa chỉ, số điện thoại và địa chỉ thư điện tử của người khai báo xuất xứ, của nhà xuất khẩu, nhà sản xuất và nhà nhập khẩu; mô tả hàng hoá và mã số HS (cấp độ 6 số) của hàng hoá xuất khẩu; tiêu chí xuất xứ hàng hoá; và chữ ký được uỷ quyền của người khai báo và ngay khai báo, đồng thời kèm theo lời văn xác nhận xuất xứ “I certify that the goods described in this document qualify as originating and the information contained in this document is true and accurate. I assume responsibility for proving such representations and agree to maintain and present upon request or to make available during a verification visit, documentation necessary to support this certification”.

Về nguyên tắc, chứng từ tự chứng nhận xuất xứ phải được hoàn thiện bằng tiếng Anh trên bất cứ hình thức nào phù hợp (ví dụ: trên giấy

có tiêu đề của công ty, hoá đơn hoặc chứng từ độc lập) có chứa các thông tin tối thiểu theo quy định của Hiệp định. Nếu Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ không được thể hiện bằng tiếng Anh, nước thành viên nhập khẩu có thể yêu cầu nhà nhập khẩu nộp bản dịch sang ngôn ngữ của nước thành viên nhập khẩu.

Trả lời xác minh xuất xứ của nước thành viên nhập khẩu

Theo quy định tại Hiệp định CPTPP, cơ quan hải quan của nước thành viên nhập khẩu có thể yêu cầu nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất Nhật Bản cung cấp thông tin cụ thể để chứng minh hàng hoá có xuất xứ theo Hiệp định. Trong trường hợp đó, nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất Nhật Bản cần chứng minh rằng hàng hoá là có xuất xứ căn cứ trên bất kỳ chứng từ lưu trữ nào mà Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hoá đã được hoàn thiện dựa trên đó.

Khi nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất không trả lời được các thông tin theo yêu cầu của cơ quan hải quan nước nhập khẩu, hoặc thông tin cung cấp cho cơ quan hải quan không đủ để chứng minh hàng hoá có xuất xứ, việc hưởng ưu đãi thuế quan của nhà nhập khẩu có thể bị từ chối. Cần lưu ý rằng kết luận về việc hàng hoá có xuất xứ và đủ điều kiện để hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định CPTPP là chỉ do cơ quan hải quan của nước nhập khẩu thực hiện dựa trên các thông tin do nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất cung cấp.

Vì chính phủ Nhật Bản muốn hỗ trợ nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất tại Nhật Bản, Cơ quan hải quan Nhật Bản và các cơ quan chính phủ khác sẵn sàng tư vấn cho cộng đồng doanh nghiệp trong các trường hợp doanh nghiệp cần tư vấn về cách trả lời câu hỏi xác minh, doanh nghiệp không chắc chắn về cách giải thích/ thông tin cung cấp của mình có đủ để chứng minh hàng hoá có xuất xứ hoặc khi doanh nghiệp nhận được yêu cầu xác minh của cơ quan hải quan nước nhập khẩu.

### ***1.5. Ca-na-đa***

Quy định về Quy tắc xuất xứ hàng hoá trong Hiệp định CPTPP được Ca-na-đa hướng dẫn tại Quy định số SOR/2018-221 ngày 30/10/2018 (được sửa đổi ngày 30/12/2018) thuộc Luật Thuế hải quan (Customs

Tariff). Theo đó, các điều khoản sau tại Hiệp định CPTPP có hiệu lực pháp lý tại Ca-na-đa:

- Điều 3.1 đến 3.18;
- Phụ lục 3-C;
- Phụ lục 3-D, bao gồm Tiêu phụ lục 1;
- Khoản 1 đến khoản 9 của Điều 4.2; và
- Phụ lục 4-A, bao gồm Tiêu phụ lục 1.

Như vậy, đối với hàng hoá xuất khẩu của Ca-na-đa sang các nước thành viên CPTPP, nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất Ca-na-đa có thể tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá theo quy định tại Hiệp định CPTPP.

Theo CPTPP, nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất tự chứng nhận xuất xứ với bộ thông tin tối thiểu theo yêu cầu tại Hiệp định. Chứng nhận xuất xứ có thể được thực hiện bằng hình thức điện tử hoặc trên bất kỳ tài liệu thương mại nào. Nếu một hóa đơn được phát hành tại một nước không phải là thành viên CPTPP, việc chứng nhận xuất xứ phải được thực hiện riêng biệt so với hóa đơn được phát hành. Cơ quan quản lý hải quan của nước nhập khẩu thực hiện xác minh bằng cách liên lạc với nhà nhập khẩu, xuất khẩu hoặc nhà sản xuất hàng hóa.

### ***1.6. Mê-hi-cô***

Kể từ khi Hiệp định CPTPP có hiệu lực với Mê-hi-cô, nước này áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ đối với nhà xuất khẩu, nhà sản xuất và nhà nhập khẩu. Như vậy, đối với hàng hoá xuất khẩu từ Mê-hi-cô đi các nước thành viên khác của CPTPP, nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất thực hiện tự chứng nhận xuất xứ đối với hàng hoá xuất khẩu của mình. Cũng tương tự các nước thành viên CPTPP khác khi áp dụng cơ chế chứng nhận này, các quy định tại Hiệp định CPTPP được áp dụng trực tiếp tại Mê-hi-cô.

### ***1.7. Pê-ru***

Theo quy định của Pê-ru, để được hưởng ưu đãi thuế quan theo một Hiệp định thương mại mà Pê-ru là thành viên, nhà xuất khẩu chứng nhận xuất xứ và sử dụng chứng từ xuất xứ theo quy định tại Hiệp định thương mại tương ứng. Như vậy, đối với hàng hoá xuất khẩu từ Pê-ru đi các nước

thành viên CPTPP, nhà xuất khẩu, nhà sản xuất được tự chứng nhận xuất xứ và chứng minh hàng hoá xuất khẩu của mình đáp ứng các quy định về xuất xứ hàng hoá tại Hiệp định CPTPP. Đáp ứng quy định về xuất xứ hàng hoá tại Hiệp định là yêu cầu quan trọng nhất để hàng hoá xuất khẩu của Pê-ru được hưởng ưu đãi thuế quan. Vì vậy, nhà xuất khẩu Pê-ru cần phải hiểu rõ hàng hoá mà họ xuất khẩu sang các nước thành viên CPTPP khác và phải có đầy đủ thông tin để chứng minh xuất xứ của hàng hoá.

## **2. So sánh giữa quy trình cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá và Tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá tại Việt Nam**

Tại phần này, tác giả so sánh quy trình cấp C/O và quy trình TCNXX theo cơ chế nhà xuất khẩu đủ điều kiện.

### **Bước 1: Đăng ký hồ sơ thương nhân**

Đây là bước đầu tiên trong quy trình đề nghị cấp C/O và TCNXX.

Đối với **cấp C/O**, việc đăng ký hồ sơ thương nhân để đề nghị cấp C/O được quy định tại Điều 13 Chương IV Nghị định số 31/2008/NĐ-CP như sau:

Thương nhân đề nghị cấp C/O lần đầu tiên phải đăng ký hồ sơ thương nhân với cơ quan, tổ chức cấp C/O và chỉ được xem xét cấp C/O khi đã đăng ký hồ sơ thương nhân đầy đủ và hợp lệ qua hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử tại địa chỉ [www.ecosys.gov.vn](http://www.ecosys.gov.vn) hoặc trang điện tử khác của các cơ quan, tổ chức cấp C/O được Bộ Công Thương ủy quyền. Hồ sơ thương nhân bao gồm:

a) Đăng ký mẫu chữ ký của người đại diện theo pháp luật của thương nhân hoặc người được ủy quyền ký đơn đề nghị cấp C/O, ký C/O và mẫu con dấu của thương nhân theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (có dấu sao y bản chính của thương nhân);

c) Danh mục cơ sở sản xuất ra hàng hóa đề nghị cấp C/O (nếu có) theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP.



Trong trường hợp không thể đăng ký hồ sơ thương nhân điện tử, thương nhân được phép lựa chọn nộp bộ hồ sơ tại trụ sở của cơ quan, tổ chức cấp C/O.

Đối với **TCNXX**, thương nhân đáp ứng các điều kiện theo quy định, có thể đề nghị cấp Văn bản chấp thuận và đính kèm hồ sơ qua Hệ thống Quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử của Bộ Công Thương tại địa chỉ <http://www.ecosys.gov.vn>, cụ thể:

- a) Đơn đề nghị cấp Văn bản chấp thuận (VBCT).
- b) Danh sách kèm theo mẫu chữ ký của người có thẩm quyền ký nội dung khai báo xuất xứ hàng hóa: 01 bản sao.
- c) Báo cáo năng lực sản xuất, cơ sở sản xuất đối với từng mặt hàng đăng ký tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa: 01 bản sao.

Trong trường hợp đăng ký hồ sơ cấp VBCT để TCNXX, cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành kiểm tra thực tế năng lực sản xuất của thương nhân trước khi quyết định cấp VBCT. Đây là điểm khác biệt so với việc đăng ký hồ sơ thương nhân để đề nghị cấp C/O, thương nhân không bị kiểm tra cơ sở sản xuất hay cần văn bản chấp thuận nào từ cơ quan có thẩm quyền.

### **Bước 2: Chuẩn bị hồ sơ**

Đối với **đề nghị cấp C/O**, thương nhân cần phải chuẩn bị hồ sơ gồm các chứng từ được quy định tại Điều 15 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP như sau:

- a) Đơn đề nghị cấp C/O được kê khai hoàn chỉnh và hợp lệ;
- b) Mẫu C/O tương ứng đã được khai hoàn chỉnh;
- c) Bản in tờ khai hải quan xuất khẩu. Trường hợp hàng hóa xuất khẩu không phải khai báo hải quan theo quy định của pháp luật không cần nộp bản sao tờ khai hải quan;
- d) Bản sao hóa đơn thương mại (đóng dấu sao y bản chính của thương nhân);
- đ) Bản sao vận tải đơn hoặc bản sao chứng từ vận tải tương đương (đóng dấu sao y bản chính của thương nhân);
- e) Bảng kê khai chi tiết hàng hóa xuất khẩu đạt tiêu chí xuất xứ ưu

đãi hoặc tiêu chí xuất xứ không ưu đãi theo mẫu do Bộ Công Thương quy định;

g) Bản khai báo xuất xứ của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp nguyên liệu có xuất xứ hoặc hàng hóa có xuất xứ được sản xuất trong nước theo mẫu do Bộ Công Thương quy định trong trường hợp nguyên liệu đó được sử dụng cho một công đoạn tiếp theo để sản xuất ra một hàng hóa khác;

h) Bản sao Quy trình sản xuất hàng hóa (đóng dấu sao y bản chính của thương nhân).

Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết, cơ quan, tổ chức cấp C/O kiểm tra thực tế tại cơ sở sản xuất của thương nhân theo quy định tại Điều 28 Nghị định 31/2018/NĐ-CP; hoặc yêu cầu thương nhân đề nghị cấp C/O nộp bổ sung các chứng từ dưới dạng bản sao (đóng dấu sao y bản chính của thương nhân) như: Tờ khai hải quan nhập khẩu nguyên liệu, phụ liệu dùng để sản xuất ra hàng hóa xuất khẩu (trong trường hợp có sử dụng nguyên liệu, phụ liệu nhập khẩu trong quá trình sản xuất); hợp đồng mua bán hoặc hóa đơn giá trị gia tăng mua bán nguyên liệu, phụ liệu trong nước (trong trường hợp có sử dụng nguyên liệu, phụ liệu mua trong nước trong quá trình sản xuất); giấy phép xuất khẩu (nếu có); chứng từ, tài liệu cần thiết khác.

Đối với TCNXX, thương nhân không phải xuất trình, nộp các chứng từ chứng minh xuất xứ hàng hóa tại thời điểm phát hành TCNXX mà chỉ cần đăng tải trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày phát hành các chứng từ từ điểm c đến điểm h khoản 1 Điều 15 Nghị định 31/2018/NĐ-CP lên hệ thống ecosys.

### **Bước 3: Khai báo hồ sơ**

Bước này áp dụng đối với thương nhân đề nghị cấp C/O. Thương nhân khai báo hồ sơ đề nghị cấp C/O theo biểu mẫu điện tử sẵn có trên Hệ thống ecosys hoặc trang điện tử khác của các cơ quan, tổ chức cấp C/O được Bộ Công Thương ủy quyền. Mã HS của hàng hóa khai báo trên C/O là mã HS của nước xuất khẩu. Trường hợp mã HS của nước xuất khẩu khác với mã HS của nước nhập khẩu đối với cùng một mặt hàng, thương nhân được phép sử dụng mã HS của nước nhập khẩu và tự chịu

trách nhiệm về tính chính xác của mã HS nước nhập khẩu do thương nhân khai báo.

#### **Bước 4: Nộp hồ sơ**

Bước này chỉ áp dụng đối với thương nhân đề nghị cấp C/O. Quy trình như sau:

1. Trường hợp thương nhân đính kèm hồ sơ đề nghị cấp C/O tại Hệ thống ecosys của Bộ Công Thương hoặc trang điện tử khác của các cơ quan, tổ chức cấp C/O được Bộ Công Thương ủy quyền, quy trình cấp C/O được thực hiện theo các bước sau đây:

a) Thương nhân đính kèm các chứng từ của hồ sơ đề nghị cấp C/O dưới dạng điện tử. Các chứng từ này phải được thương nhân xác thực bằng chữ ký số do cơ quan có thẩm quyền cấp. Bản giấy của các chứng từ này không cần phải nộp lại cho cơ quan, tổ chức cấp C/O;

b) Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dưới dạng điện tử, cơ quan, tổ chức cấp C/O thông báo trên hệ thống kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O cho thương nhân;

c) Trong thời hạn 2 giờ làm việc kể từ khi nhận được đơn đề nghị cấp C/O và C/O đã được khai hoàn chỉnh và hợp lệ dưới dạng bản giấy nêu tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP, cơ quan, tổ chức cấp C/O trả kết quả cấp C/O dưới dạng bản giấy.

2. Trường hợp thương nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp C/O trực tiếp tại trụ sở của cơ quan, tổ chức cấp C/O, quy trình cấp C/O được thực hiện theo các bước sau đây:

a) Thương nhân nộp các chứng từ của hồ sơ đề nghị cấp C/O dưới dạng bản giấy;

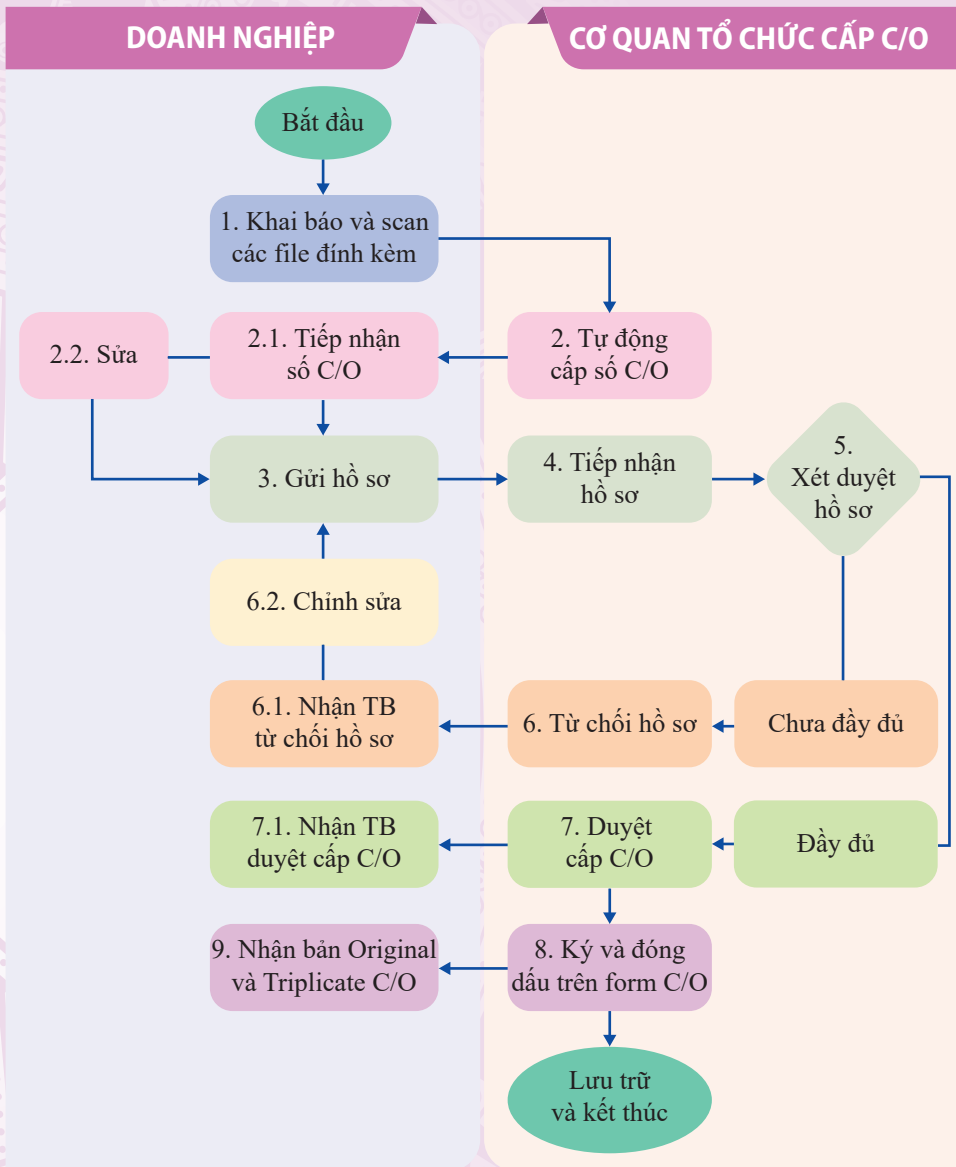
b) Cơ quan, tổ chức cấp C/O trả kết quả cấp C/O trong thời hạn 8 giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O đầy đủ và hợp lệ.

3. Trường hợp thương nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp C/O qua bưu điện, thời gian trả kết quả cấp C/O là 24 giờ làm việc kể từ khi cơ quan, tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O đầy đủ và hợp lệ theo ngày ghi trên bì thư.

4. Trong trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O không rõ ràng, không chứng minh được hàng hóa đáp ứng tiêu chí xuất xứ, có dấu hiệu gian lận về chuyên tải, hoặc phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật đối với C/O đã cấp trước đó, cơ quan, tổ chức cấp C/O tiến hành kiểm tra tại cơ sở sản xuất theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP.

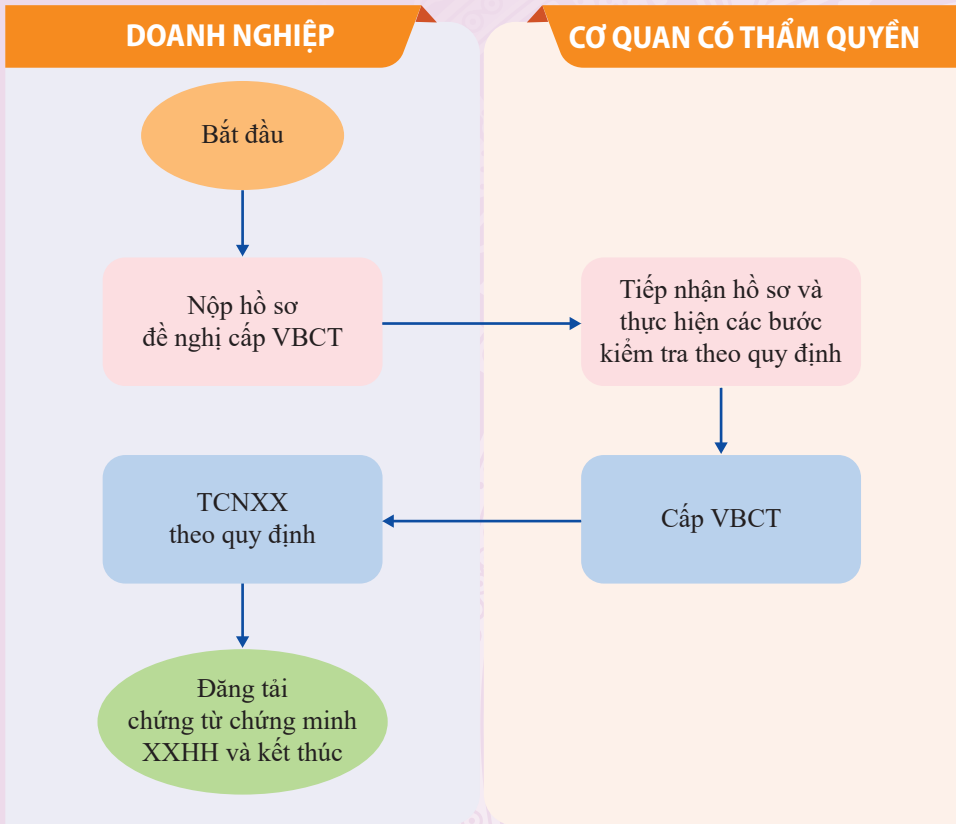
Đối với **TCNXX**, thương nhân chủ động TCNXX trên hóa đơn thương mại, thể hiện đầy đủ nội dung khai báo xuất xứ theo quy định và các thông tin cần thiết khác (mặt hàng, mã HS, tiêu chí xuất xứ...) mà không cần phải nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền trước khi TCNXX. Có thể thấy, quy trình TCNXX tiết kiệm thời gian và chi phí hơn rất nhiều cho doanh nghiệp với các bước thực hiện đơn giản, rút gọn.

**Hình 2. Sơ đồ Quy trình cấp C/O CPTPP**



Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu

Hình 3. Sơ đồ quy trình TCNXX



*Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu*

### 3. Xác minh xuất xứ hàng hoá và lưu trữ chứng từ trong cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá

#### 3.1. Xác minh xuất xứ hàng hóa trong cơ chế TCNXX

Về cơ bản, đối tượng, hình thức và quy trình xác minh xuất xứ hàng hoá trong cơ chế TCNXX được thực hiện theo quy định về xác minh xuất xứ hàng hoá nói chung tại Hiệp định CPTPP. Nội dung này đã được thể hiện tại mục 1.3, Phần III của Tài liệu. Điều cần lưu ý đó là, nếu như trong cơ chế cấp C/O bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thì việc xác minh thường được tiến hành giữa cơ quan chính phủ với cơ quan chính phủ (G2G). Theo đó, cơ quan hải quan hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên nhập khẩu gửi yêu cầu xác minh trực tiếp

đến cơ quan, tổ chức cấp C/O tại nước thành viên xuất khẩu. Sau đó, căn cứ theo yêu cầu của cơ quan hải quan nước thành viên nhập khẩu, cơ quan, tổ chức cấp C/O của nước thành viên xuất khẩu sẽ yêu cầu người xuất khẩu hoặc người nhập khẩu cung cấp các thông tin, chứng từ tài liệu liên quan để chứng minh hàng hoá đáp ứng tiêu chí xuất xứ. Sau đó, cơ quan, tổ chức cấp C/O sẽ trả lời yêu cầu xác minh xuất xứ của cơ quan hải quan nước thành viên nhập khẩu dựa trên các thông tin, chứng từ được cung cấp đó. Tuy nhiên, trong cơ chế TCNXX, cơ quan hải quan hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên nhập khẩu thực hiện việc xác minh xuất xứ hàng hoá trực tiếp với người xuất khẩu, người sản xuất hoặc người nhập khẩu, và có thể chỉ thông báo với cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên xuất khẩu được biết và phối hợp (nếu cần thiết). Như vậy, trong cơ chế TCNXX, trách nhiệm chứng minh hàng hoá đáp ứng quy định về quy tắc xuất xứ theo Hiệp định CPTPP thuộc hoàn toàn về người chứng nhận xuất xứ (người xuất khẩu, người sản xuất hoặc người nhập khẩu). Trường hợp người thực hiện chứng nhận xuất xứ không có đủ cơ sở thông tin và chứng từ để chứng minh hàng hoá đang được yêu cầu hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định CPTPP là hàng hoá có xuất xứ, cơ quan hải quan của nước thành viên nhập khẩu có quyền từ chối cho hưởng ưu đãi thuế quan đối với lô hàng liên quan.

**Khi áp dụng cơ chế TCNXX theo Hiệp định CPTPP, hình thức và đối tượng xác minh xuất xứ được thực hiện như sau:**

- (i) Xác minh hồ sơ: nước thành viên nhập khẩu yêu cầu bằng văn bản đối với các thông tin từ người nhập khẩu, người sản xuất hoặc người xuất khẩu hàng hoá;
- (ii) Xác minh tại cơ sở sản xuất: nước thành viên nhập khẩu thực hiện kiểm tra, xác minh thực tế cơ sở sản xuất của nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất hàng hoá;
- (iii) Các hình thức khác được thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Nước thành viên nhập khẩu và Nước thành viên có trụ sở của nhà sản xuất hoặc nhà xuất khẩu.

## **Trả lời xác minh xuất xứ trong trường hợp người nhập khẩu TCNXX**

Sau khi hàng hoá được thông quan nhập khẩu, cơ quan hải quan của nước nhập khẩu có thể yêu cầu bằng văn bản đối với người nhập khẩu để cung cấp các thông tin chứng minh hàng hoá được nhập khẩu là hàng hoá có xuất xứ theo CPTPP.

- Trường hợp người nhập khẩu thực hiện TCNXX: người nhập khẩu có thể được yêu cầu chứng minh tại sao hàng hoá được coi là hàng hoá có xuất xứ dựa trên các thông tin và chứng từ mà người nhập khẩu đang nắm giữ. Trong trường hợp người nhập khẩu không trả lời được yêu cầu xác minh của cơ quan hải quan, và những thông tin cung cấp không đủ để chứng minh hàng hoá có xuất xứ, cơ quan hải quan có thể từ chối cho hưởng ưu đãi thuế đối với hàng hoá nhập khẩu.

- Trường hợp người nhập khẩu sử dụng chứng từ TCNXX phát hành bởi người xuất khẩu hoặc người sản xuất: Người nhập khẩu cần thu thập thông tin cần thiết từ người sản xuất hoặc người xuất khẩu để trả lời xác minh của cơ quan hải quan nước nhập khẩu. Trong một số trường hợp, người nhập khẩu gặp khó khăn trong việc thu thập thông tin từ người xuất khẩu hoặc người nhập khẩu vì lý do bảo mật kinh doanh hoặc bất kỳ lý do nào, người nhập khẩu có thể nói rõ trong câu trả lời. Nếu thông tin do người nhập khẩu cung cấp không đủ cơ sở để cơ quan hải quan nước nhập khẩu ra quyết định, cơ quan hải quan nước nhập khẩu có thể thực hiện xác minh trực tiếp đối với người xuất khẩu hoặc người sản xuất của nước thành viên xuất khẩu. Trong trường hợp này, nếu thông tin do người sản xuất hoặc người xuất khẩu cung cấp không đủ để chứng minh hàng hoá có xuất xứ, cơ quan hải quan có thể từ chối cho hưởng ưu đãi thuế đối với hàng hoá nhập khẩu.

## **Trả lời xác minh xuất xứ trong trường hợp người xuất khẩu, người sản xuất TCNXX**

Theo quy định tại Hiệp định CPTPP, cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên nhập khẩu có thể yêu cầu người xuất khẩu, người sản xuất cung cấp thông tin cụ thể để xác minh hàng hoá có xuất xứ theo quy



định của CPTPP. Trong trường hợp này, người sản xuất, người xuất khẩu nên phối hợp với cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu và cần chứng minh rằng hàng hoá là hàng hoá có xuất xứ dựa trên các chứng từ, thông tin mà từ đó người xuất khẩu, người sản xuất đã hoàn thành và phát hành chứng từ TCNXX.

Khi người xuất khẩu hoặc người sản xuất không trả lời yêu cầu xác minh của cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên nhập khẩu, hoặc thông tin cung cấp không đủ cơ sở để chứng minh hàng hoá liên quan là có xuất xứ theo Hiệp định CPTPP, hàng hoá đó có thể bị từ chối cho hưởng ưu đãi thuế quan. Cần lưu ý rằng, chỉ có cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên nhập khẩu mới có quyền ra quyết định về việc hàng hoá có đúng là hàng hoá có xuất xứ theo CPTPP và được hưởng ưu đãi thuế quan hay không dựa trên các thông tin, chứng từ mà người xuất khẩu, người sản xuất cung cấp.

### **Lưu ý đối với doanh nghiệp thực hiện TCNXX:**

Để đảm bảo tận dụng một cách hiệu quả lợi ích và ưu đãi thuế quan từ Hiệp định CPTPP mang lại, giúp tiết kiệm thời gian cũng như chi phí trong quá trình thực hiện TCNXX, doanh nghiệp khi tham gia TCNXX cần lưu ý một số điểm sau về xác minh xuất xứ hàng hoá:

- Hiểu rõ và hiểu đúng quy định về cơ chế xác minh xuất xứ, đặc biệt là quy định về thời gian trả lời xác minh xuất xứ. Trong nhiều trường hợp, việc trả lời chậm trễ yêu cầu xác minh xuất xứ hàng hoá của cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên nhập khẩu dẫn tới lô hàng hoá xuất khẩu không được hưởng ưu đãi thuế quan, ảnh hưởng đến lợi ích của cả người xuất khẩu và người nhập khẩu.

- Tích cực phối hợp với cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên nhập khẩu trong việc xác minh xuất xứ hàng hoá;

- Xây dựng hệ thống lưu trữ chứng từ hợp lý, khoa học để có thể tìm kiếm và chiết xuất trong trường hợp được yêu cầu.

- Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong nước để được hỗ trợ trong trường hợp cần thiết.

### ***3.2. Lưu trữ hồ sơ, chứng từ trong cơ chế TCNXX***

Lưu trữ hồ sơ, chứng từ là một trong những nội dung quan trọng, cần được các doanh nghiệp lưu tâm và thực hiện một cách khoa học, bài bản. Đặc biệt, khi cơ chế chứng nhận xuất xứ hàng hoá tại Hiệp định CPTPP sẽ dần chuyển sang áp dụng hoàn toàn cơ chế tự chứng nhận xuất xứ thì việc lưu trữ hồ sơ, chứng từ là cấu phần không thể bỏ qua khi áp dụng quy tắc xuất xứ hàng hoá.

Nếu không có hồ sơ và tài liệu để chứng minh hàng hoá đáp ứng quy tắc xuất xứ theo quy định và đủ điều kiện được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi, thương nhân có thể phải nộp thuế nhiều hơn và phải chịu các hình phạt đến từ khách hàng, những người sẽ hoặc đã nhập khẩu hàng hóa của thương nhân và khai báo chúng là có xuất xứ. Tương tự như vậy, nếu thương nhân thực hiện các bước để đảm bảo rằng các nhà cung cấp không giữ lại tài liệu để hỗ trợ cho các yêu cầu ưu tiên của họ nhằm để hỗ trợ quá trình chứng minh xuất xứ của hàng hoá, thương nhân có thể phải tăng nghĩa vụ đối với thuế hoặc phải chịu hình phạt.

Trong bối cảnh này, chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá không thực sự là bằng chứng mà giống như một cam kết báo hiệu cho cơ quan hải quan rằng “Tôi khai báo rằng những hàng hóa này có xuất xứ và tôi có bằng chứng để hỗ trợ cho yêu cầu này trở lại văn phòng”. Đây là lý do tại sao việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hoá ngày càng được xác minh trên cơ sở sau khi nhập khẩu, đặc biệt khi thế giới đang chuyển sang xu hướng tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá.

Thương nhân thực hiện TCNXX phải lưu trữ hồ sơ, chứng từ chứng minh xuất xứ hàng hóa, chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định tại Hiệp định CPTPP, đó là trong thời hạn ít nhất 5 năm kể từ ngày cấp dưới bất kỳ hình thức nào để truy xuất nhanh chóng, bao gồm điện tử, quang học, từ tính, hoặc bằng văn bản theo quy định của nước nhập khẩu để phục vụ công tác kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa.

Quy định về thời hạn lưu trữ chứng từ của CPTPP dài hơn so với các FTA khác mà Việt Nam tham gia (thông thường ít nhất 03 năm), tuy nhiên, CPTPP lại linh hoạt cho phép được lưu trữ chứng từ dưới nhiều hình thức khác nhau giúp giảm bớt gánh nặng lưu trữ hồ sơ cho doanh nghiệp.

## **Đối với người nhập khẩu**

Người nhập khẩu cần lưu trữ tất cả các chứng từ chứng minh hàng hoá là có xuất xứ theo quy định của CPTPP và đủ điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế quan. Các chứng từ này có thể là: bản sao của Chứng từ chứng nhận xuất xứ (nếu bản gốc đã được nộp cho cơ quan hải quan), tất cả các chứng từ liên quan (hợp đồng mua bán, hoá đơn, hoá đơn mua nguyên liệu, sơ đồ sản xuất, tờ khai nhập khẩu nguyên liệu,...) mà người nhập khẩu có thể sử dụng để yêu cầu hưởng ưu đãi thuế quan cho hàng hoá nhập khẩu. Cơ quan hải quan có thể đề nghị người nhập khẩu cung cấp các chứng từ chứng minh trong trường hợp cần thiết.

## **Đối với người xuất khẩu, người sản xuất**

Người xuất khẩu hoặc người sản xuất phát hành chứng từ TCNXX phải lưu trữ các chứng từ liên quan trong thời gian 5 năm kể từ ngày phát hành chứng từ TCNXX. Những chứng từ cần lưu trữ có thể bao gồm: bản sao của Chứng từ TCNXX, tất cả các chứng từ liên quan (như hợp đồng mua bán, hoá đơn, hoá đơn mua nguyên liệu, tờ khai nhập khẩu nguyên liệu, quy trình sản xuất, các tài liệu kỹ thuật...) mà người xuất khẩu, người sản xuất có thể sử dụng để tuyên bố hàng hoá có xuất xứ theo Hiệp định CPTPP và phát hành chứng từ TCNXX. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan hải quan của nước nhập khẩu có thể yêu cầu xác minh xuất xứ ngay cả sau khi hàng hoá đã được thông quan.





PHẦN V

KHUYẾN NGHỊ CHO  
CƠ QUAN QUẢN LÝ  
NHÀ NƯỚC VÀ DOANH NGHIỆP  
ĐỂ CHUẨN BỊ CHO  
CƠ CẤU TCNXX



## 1. Khuyến nghị cho cơ quan quản lý nhà nước

### *1.1. Xây dựng và ban hành các tài liệu, văn bản quy định và hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chứng nhận xuất xứ dành cho các doanh nghiệp*

Người xuất khẩu và người nhập khẩu thuộc các doanh nghiệp tham gia thương mại quốc tế đều mong muốn các bước khai báo trong quá trình tự chứng nhận xuất xứ diễn ra thuận lợi với sự rõ ràng. Chính vì vậy, các tài liệu quy định và hướng dẫn thi hành cơ chế tự chứng nhận xuất xứ là cần thiết để tạo điều kiện cho quá trình tự chứng nhận của mỗi doanh nghiệp diễn ra suôn sẻ. Trong quá trình nghiên cứu thực tiễn tự chứng nhận xuất xứ tại một số quốc gia trên thế giới, Liên minh châu Âu (EU) và Nhật Bản được đánh giá là hai chính phủ đã thành công trong việc xây dựng những tài liệu vừa quy định chi tiết điều kiện để tham gia cơ chế tự chứng nhận xuất xứ với tư cách nhà xuất khẩu đăng ký hoặc nhà xuất khẩu đủ điều kiện; vừa hướng dẫn cụ thể cách khai báo thông tin, chuẩn bị hồ sơ doanh nghiệp kèm những ví dụ minh họa. Các tài liệu này là một nguồn cung cấp thông tin chính thống, mang tính chất giải thích cao, giúp mọi doanh nghiệp bớt lúng túng khi triển khai tự chứng nhận xuất xứ lần đầu tiên. Bên cạnh đó, các tài liệu quy định và hướng dẫn có chức năng như một công cụ quản lý và điều hành dành cho chính phủ, đảm bảo các doanh nghiệp tự chứng nhận khai báo chính xác từng nội dung với đúng định dạng và đồng nhất từng cách thức trình bày. Đáng chú ý, chính phủ Liên minh châu Âu và Nhật Bản còn ban hành các tài liệu này một cách rộng rãi và nhanh chóng trên các phương tiện truyền thông, hỗ trợ các doanh nghiệp trong và ngoài nước, đặc biệt khi họ chưa thể tham gia các khóa tập huấn, được tiếp cận thông tin càng sớm càng tốt và tận dụng thời gian học hỏi. Những điều này là rất quan trọng trong giai đoạn đầu triển khai chương trình tự chứng nhận xuất xứ trên diện rộng, tạo tiền đề vững chắc cho những kế hoạch phát triển cơ chế tự chứng nhận xuất xứ trong tương lai, tăng cường sự hiệu quả trong công tác đảm bảo tính

chính xác trong cách khai báo thông tin của doanh nghiệp khi họ đã quen thuộc với các bước khai báo cơ bản.

Hiện nay, Việt Nam đã xây dựng và ban hành một số văn bản quy định về cơ chế tự chứng nhận xuất xứ kèm những điều kiện mà doanh nghiệp phải đáp ứng trong khuôn khổ một số hiệp định thương mại tự do như Thông tư số 19/2020/TT-BCT Thông tư số 28/2015/TT-BCT (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 19/2020/TT-BCT). Bên cạnh đó, các tài liệu hướng dẫn khai báo thông tin doanh nghiệp, chuẩn bị hồ sơ đăng ký tham gia cơ chế tự chứng nhận xuất xứ và khai báo xuất xứ kèm ví dụ cụ thể đã được công bố công khai, bao gồm văn bản “Hướng dẫn doanh nghiệp khai báo Đơn đề nghị cấp mã số REX và Lô hàng tự chứng nhận xuất xứ trực tuyến” phát hành bởi VCCI ngày 01/01/2019, Phụ lục IV thuộc Thông tư số 19/2020/TT-BCT ngày 14/8/2020 và phần Phụ lục thuộc Thông tư 38/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018. Có thể thấy, Việt Nam đang thực hiện tương đối tốt hoạt động xây dựng và ban hành tài liệu, văn bản quy định và hướng dẫn. Tuy nhiên, chính phủ Việt Nam vẫn có thể học hỏi Liên minh châu Âu và Nhật Bản trong cách xây dựng nội dung các văn bản, tài liệu này sao cho dễ hiểu, chi tiết đối với doanh nghiệp.

Chính vì vậy, khi tiến hành mở rộng triển khai cơ chế tự chứng nhận xuất xứ, một bài học kinh nghiệm dành cho Chính phủ Việt Nam là *liên tục xây dựng và ban hành các tài liệu, văn bản quy định và hướng dẫn thi hành cơ chế tự chứng nhận xuất xứ dành cho doanh nghiệp*. Nhằm ứng dụng bài học hiệu quả, sự phối hợp giữa cơ quan chuyên trách và cơ quan địa phương là rất quan trọng. Cụ thể, trong quá trình xây dựng các văn bản quy định và hướng dẫn, cơ quan chuyên trách cần đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu nội dung về tự chứng nhận xuất xứ sao cho phù hợp và dễ hiểu đối với các doanh nghiệp. Cách thức trình bày ví dụ minh họa hay việc sử dụng ngôn ngữ giải thích cần thể hiện chính xác và gần gũi với tập quán trong cộng đồng doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam. Đồng thời, cơ quan địa phương cần hỗ trợ cơ quan chuyên trách trong việc ban hành nhanh chóng và phổ biến rộng rãi các văn bản quy định và hướng dẫn đến các doanh nghiệp.



## ***1.2. Đẩy mạnh hoạt động nâng cao kiến thức và năng lực về cơ chế tự chứng nhận xuất xứ cho các doanh nghiệp và đội ngũ cán bộ của cơ quan có thẩm quyền***

Hoạt động tự chứng nhận xuất xứ được tiến hành trực tiếp bởi những người nhập khẩu và những người xuất khẩu làm việc cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Để có thể tận dụng tốt những ưu đãi các quốc gia đối tác dành cho Việt Nam và tránh những lỗi sai đáng tiếc, họ cần nắm vững những kiến thức không chỉ về quy tắc xuất xứ mà còn về cách vận hành của cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Tuy nhiên, không chỉ các doanh nghiệp, cán bộ thuộc các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến xuất xứ hàng hóa cũng cần được chuẩn bị để thích ứng với các yêu cầu mới trong nghiệp vụ về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Một số quốc gia trên thế giới đã chú trọng đến vấn đề này và triển khai các hoạt động phổ biến kiến thức theo nhiều cách khác nhau. Ví dụ, khi áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ, Trung tâm Điều tra và Quản lý Xuất xứ thuộc Chính phủ Nhật Bản luôn tổ chức các buổi hội thảo, khóa đào tạo về quy tắc xuất xứ và các hiệp định thương mại mới được ký kết để phổ biến kiến thức cho hai đối tượng là doanh nghiệp và cán bộ Hải quan. Điểm đặc biệt là Trung tâm này đã thực hiện việc phân cấp trình độ từ trung bình đến nâng cao cho học viên tham gia từng khóa học, giúp họ hiểu rõ thực lực của mình và chú trọng hơn vào vấn đề liên tục học hỏi.

Hiện nay, Việt Nam đang thực hiện nhiều hoạt động tập huấn doanh nghiệp về quy tắc xuất xứ nói chung và tự chứng nhận xuất xứ nói riêng. Các khóa đào tạo được tổ chức một cách chuyên nghiệp và linh hoạt, tạo điều kiện tốt nhất cho các đại diện doanh nghiệp học hỏi. Dưới sự giảng dạy của các chuyên gia đến từ Cục Xuất nhập khẩu thuộc Bộ Công Thương, doanh nghiệp xuất nhập khẩu được cung cấp kiến thức về quy tắc xuất xứ trong các FTA có Việt Nam là thành viên, được hướng dẫn cụ thể tự chứng nhận xuất xứ theo một số thông tư được ban hành; được trang bị nền tảng kiến thức đầy đủ để các doanh nghiệp và các cơ quan liên quan có khả năng vận dụng hiệu quả cơ chế tự chứng nhận xuất xứ

hàng hóa; được hướng dẫn khai báo, chuẩn bị hồ sơ và xác minh chứng từ tự chứng nhận xuất xứ. Tuy nhiên, các buổi tập huấn này chưa có sự phân cấp trình độ và học viên nào đạt số điểm yêu cầu trong bài kiểm tra cuối khóa sẽ được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành, một điều kiện để trở thành doanh nghiệp tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo Thông tư 19/2020/TT-BCT Thông tư 28/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương. Bên cạnh đó, nguồn nhân lực chuyên môn tham gia giảng dạy đang thiếu hụt, ảnh hưởng đến số lượng khóa tập huấn dành cho các doanh nghiệp.

Vì vậy, từ kinh nghiệm của Chính phủ Nhật Bản, Chính phủ Việt Nam cần đẩy mạnh hoạt động nâng cao kiến thức và năng lực về cơ chế tự chứng nhận xuất xứ cho các doanh nghiệp và đội ngũ cán bộ của cơ quan có thẩm quyền, có thể nghiên cứu và triển khai một cách hợp lý về việc phân chia trình độ trong các khóa tập huấn. Điều này có thể cải thiện thực trạng trong công tác quản lý của lực lượng chức năng về hoạt động tự chứng nhận xuất xứ khi các doanh nghiệp có năng lực và sự hiểu biết ở mức độ thấp, trung bình sẽ được kiểm soát chặt chẽ hơn và nhận được sự chú ý nhiều hơn về nguy cơ xảy ra sai phạm, nhằm giảm thiểu rủi ro bị khiếu nại bởi cơ quan hải quan nước nhập khẩu. Vai trò của cơ quan chuyên trách trong việc ứng dụng hiệu quả bài học này là xây dựng nội dung giảng dạy phù hợp cho từng đối tượng (doanh nghiệp và cán bộ), tổ chức thường xuyên các khóa tập huấn cho các doanh nghiệp chưa có cơ hội học hỏi hoặc cải thiện cấp độ chuyên môn và cập nhật các kỹ năng cần thiết như nhận biết và xác định những hồ sơ, giấy tờ, tài liệu tự chứng nhận xuất xứ có sự giả mạo, sai lệch vào giáo trình đào tạo đội ngũ cán bộ thuộc cơ quan có thẩm quyền trong cơ chế tự chứng nhận xuất xứ. Đối với cơ quan địa phương, những điều cần thực hiện là thông báo về các khóa tập huấn về tự chứng nhận xuất xứ đến cộng đồng doanh nghiệp trong khu vực, phối hợp với cơ quan chuyên trách trong việc theo dõi tình trạng tham gia khóa tập huấn của doanh nghiệp và trở thành cầu nối giữa hai bên để lên phương án tổ chức giảng dạy tại địa phương cũng như trao đổi các nội dung tập huấn phù hợp với những vấn đề doanh nghiệp đang quan tâm.

### ***1.3. Tăng cường chế tài xử phạt và hoàn thiện hành lang pháp lý chặt chẽ chống hành vi gian lận xuất xứ hàng hóa***

Cơ chế tự chứng nhận xuất xứ luôn tiềm ẩn nguy cơ cao về gian lận xuất xứ hàng hóa nhằm tìm kiếm lợi ích từ ưu đãi thuế quan do các doanh nghiệp được cho phép tự khai báo thông tin về hàng hóa xuất khẩu. Hành vi gian lận thương mại này luôn đem đến những hậu quả và hệ lụy khôn lường. Hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh chân chính bị tổn hại nặng nề do sự cạnh tranh không lành mạnh từ hàng hóa giả mạo xuất xứ, uy tín quốc gia bị suy giảm trước con mắt của cộng đồng quốc tế và niềm tin của người tiêu dùng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Chính vì vậy, chính phủ các quốc gia trên thế giới đã áp dụng chế tài xử phạt rất nặng đối với các cá nhân, tổ chức thực hiện các hành vi gian lận xuất xứ hàng hóa, đặc biệt trong bối cảnh cơ chế tự chứng nhận xuất xứ ngày càng trở nên phổ biến và rủi ro xảy ra gian lận luôn thường trực. Cụ thể, Điều 45 Đạo luật Quy định về Xuất nhập khẩu của chính phủ Singapore quy định, đối với lần vi phạm thứ nhất, doanh nghiệp sẽ bị phạt tiền không quá 100.000 USD hoặc gấp 3 lần giá trị của hàng hóa giả mạo xuất xứ hoặc bị phạt tù không quá 2 năm hoặc áp dụng đồng thời cả hai hình thức xử phạt; đối với lần vi phạm thứ hai, hoặc lần tiếp theo, doanh nghiệp sẽ bị phạt tiền không quá 200.000 USD hoặc gấp 4 lần giá trị hàng hóa giả mạo xuất xứ hoặc bị phạt tù không quá 3 năm hoặc áp dụng đồng thời cả hai hình thức xử phạt. Việc áp dụng biện pháp xử phạt hình sự, kết hợp với xử phạt hành chính, ngay từ lần vi phạm đầu tiên là một biện pháp răn đe rất cứng rắn trong công tác quản lý và phòng ngừa các hành vi khai báo gian dối về xuất xứ hàng hóa khi doanh nghiệp tự chứng nhận xuất xứ, không có sự giám sát.

Trong khuôn khổ pháp lý của Chính phủ Việt Nam hiện nay, một số biện pháp xử phạt đối với hành vi gian lận, tự chứng nhận sai xuất xứ hàng hóa khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận cho tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã được triển khai. Biện pháp thu hồi mã số REX của doanh nghiệp theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) của Liên minh châu Âu, Na Uy, Thụy Sĩ và Thổ Nhĩ Kỳ được quy định

tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 38/2018/TT-BCT. Biện pháp thu hồi Văn bản chấp thuận cho phép tham gia cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN của doanh nghiệp được quy định tại Khoản 1 Điều 10 Thông tư 19/2020/TT-BCT. Biện pháp xử phạt hành chính với mức phạt tiền từ 30 đến 50 triệu đồng cho hành vi tự chứng nhận sai xuất xứ hàng hóa được quy định tại Khoản 3 Điều 44 Nghị định 98/2020/NĐ-CP và từ 10 đến 100 triệu đồng cho hành vi xuất nhập khẩu hàng hóa giả mạo xuất xứ Việt Nam được quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định 128/2020/NĐ-CP. Tuy các hình thức xử phạt này đạt một mức độ răn đe nhất định, thực tế rằng cá nhân hoặc doanh nghiệp vi phạm không bị truy cứu trách nhiệm hình sự khiến tình trạng gian lận xuất xứ vẫn diễn biến phức tạp, có dấu hiệu gia tăng khi cơ chế tự chứng nhận xuất xứ trở nên phổ biến trong tương lai và quy định về tự chứng nhận xuất xứ mới chỉ đưa ra khái niệm tại Nghị định 31/2018/NĐ-CP Luật quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa nhưng không có hướng dẫn cụ thể, khiến lực lượng chức năng gặp khó khăn trong việc xác định và kết luận vi phạm về hành vi tự chứng nhận xuất xứ. Có thể nói, những kẽ hở trong cơ chế chính sách là một trong những nguyên nhân chủ yếu khiến công tác quản lý và ngăn chặn các hành vi gian lận xuất xứ hàng hóa gặp nhiều khó khăn và thách thức, không chỉ trong cơ chế cấp giấy chứng nhận xuất xứ C/O truyền thống mà còn trong cơ chế tự chứng nhận xuất xứ.

Chính vì vậy, trước khi mở rộng triển khai hoạt động tự chứng nhận xuất xứ trên diện rộng, Chính phủ Việt Nam cần *tăng cường chế tài xử phạt và hoàn thiện hành lang pháp lý chặt chẽ chống hành vi gian lận xuất xứ hàng hóa* xảy ra trong cộng đồng các doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Kinh nghiệm của Chính phủ Singapore trong việc áp dụng biện pháp xử phạt hình sự là một bài học quý giá, xứng đáng để tham khảo trong nỗ lực gia tăng sức răn đe, quản lý và ngăn chặn sớm ý định gian lận nguồn gốc hàng hóa của các doanh nghiệp tự chứng nhận xuất xứ. Để ứng dụng bài học này một cách hiệu quả, cơ quan chuyên trách cần nghiên cứu và xây dựng chi tiết các chế tài xử phạt phù hợp và nghiêm khắc, kết hợp lấp đầy các lỗ hổng pháp lý một cách nhanh chóng sao cho việc thực thi các biện pháp xử phạt trên diễn ra thuận lợi trong thực tế. Đồng thời, cơ quan địa phương có trách nhiệm đẩy mạnh tuyên truyền

trên các phương tiện truyền thông đại chúng về nguy cơ, tác hại của việc gian lận về xuất xứ hàng hóa, đặc biệt khi doanh nghiệp tự chứng nhận xuất xứ; thông báo rộng rãi về các vụ việc vi phạm và chế tài xử phạt đã áp dụng để răn đe các doanh nghiệp có ý định gian lận xuất xứ. Chỉ có như vậy, công tác quản lý và đảm bảo tính chính xác, trung thực trong hoạt động tự khai báo thông tin về xuất xứ hàng hóa trở nên dễ dàng hơn một phần, giảm bớt gánh nặng và rủi ro trong hậu kiểm đối với lực lượng chức năng khi tiếp nhận khiếu nại từ quốc gia nhập khẩu.

#### ***1.4. Thúc đẩy công tác trao đổi thông tin giữa các cơ quan chính phủ tại nước xuất khẩu và nước nhập khẩu trong việc rà soát và phối hợp xác minh hoạt động tự chứng nhận xuất xứ***

Một yếu tố góp phần tạo nên sự thành công của cơ chế tự chứng nhận xuất xứ tại một quốc gia chính là sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có thẩm quyền tại nước xuất khẩu và nước nhập khẩu trong công tác rà soát và xác minh xuất xứ hàng hóa, kịp thời ngăn chặn hành vi gian lận của doanh nghiệp. Để đạt được điều đó, hoạt động trao đổi thông tin giữa hai bên cần được chú trọng và cải thiện. Dù phương pháp xác minh là kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa hay kiểm tra thực tế tại cơ sở sản xuất, giữa chính phủ và chính phủ hay giữa chính phủ và doanh nghiệp, thông tin chính là chìa khóa để quá trình phối hợp xác minh diễn ra hài hòa, tạo dựng niềm tin. Hiện nay, các quốc gia thuộc ASEAN đã tham gia một hệ thống có tên gọi Cơ chế Một cửa ASEAN (ASEAN Single Window - ASW) để thuận lợi cho việc trao đổi, tra cứu và quản lý thông tin về chứng nhận xuất xứ với các đối tác hải quan. Mạng lưới thông tin này đã được áp dụng bởi Thái Lan trong việc xác minh hoạt động tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa của doanh nghiệp trên hóa đơn thương mại. Có thể nói, ASW đã hỗ trợ cơ quan hải quan Thái Lan kết nối thông tin trong xác minh tự chứng nhận xuất xứ với cơ quan hải quan nước nhập khẩu một cách hiệu quả và chia sẻ dữ liệu nhanh chóng về các trường hợp gian lận xuất xứ hàng hóa tới cơ quan hải quan nước xuất khẩu. Khi AWSC chính thức được áp dụng, bằng cách công khai cơ sở dữ liệu trên ASW, các quốc gia thành

viên dễ dàng tiếp cận những bộ hồ sơ doanh nghiệp tự chứng nhận xuất xứ để phục vụ công tác nghiệp vụ như xác minh, điều tra và đánh giá, góp phần xây dựng một cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hiệu quả trong khu vực.

Là một quốc gia thành viên của ASEAN, Việt Nam đã tích cực tham gia ASW bằng cách triển khai Cơ chế Một cửa Quốc gia (National Single Window - NSW), kết nối và hội nhập với NSW của các nước ASEAN khác để củng cố và mở rộng phạm vi của ASW. Đây sẽ là một công cụ hỗ trợ Chính phủ Việt Nam ứng dụng hiệu quả bài học *thúc đẩy công tác trao đổi thông tin giữa các cơ quan chính phủ tại nước xuất khẩu và nước nhập khẩu trong việc rà soát và phối hợp xác minh hoạt động tự chứng nhận xuất xứ* rút ra từ kinh nghiệm của Chính phủ Thái Lan; từ đó mở rộng mối quan hệ hợp tác giữa cơ quan hải quan các nước. Cơ quan chuyên trách về chứng nhận xuất xứ hàng hóa thuộc Bộ Công Thương cần trao đổi với Bộ Tài chính về việc thống nhất yêu cầu kỹ thuật và phát triển các tính năng chia sẻ dữ liệu trên NSW, góp phần cải thiện dòng chảy thông tin về hồ sơ tự chứng nhận xuất xứ trên ASW, phục vụ công tác phối hợp xác minh với nước nhập khẩu trước khi cơ chế tự chứng nhận xuất xứ trở nên phổ biến hơn với cộng đồng doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam và số lượng cá nhân, tổ chức đăng ký tham gia cơ chế này gia tăng trong tương lai. Đối với cơ quan địa phương, trách nhiệm của họ trong bài học này là khuyến khích các doanh nghiệp tham gia tự chứng nhận xuất xứ trong khu vực tận dụng ASW để công khai đầy đủ dữ liệu, tích cực hợp tác với cơ quan chuyên trách trong cung cấp thông tin cần thiết để quá trình xác minh tiến hành thuận lợi, đặc biệt khi cơ quan hải quan nước nhập khẩu yêu cầu làm việc trực tiếp với doanh nghiệp trong CPTPP.

## **2. Khuyến nghị cho doanh nghiệp Việt Nam khi thực hiện TCNXX**

Như đã phân tích ở phần đầu của tài liệu, trong cơ chế TCNXX, trách nhiệm xác định, chứng minh hàng hoá đáp ứng quy định về quy tắc xuất xứ hàng hoá hay được coi là hàng hoá có xuất xứ theo Hiệp định CPTPP sẽ chuyển hoàn toàn sang doanh nghiệp - là những người

trực tiếp chứng nhận xuất xứ cho hàng hoá của mình. Do vậy, để có thể thực hiện tốt cơ chế TCNXX, doanh nghiệp cần trả lời tốt các câu hỏi sau đây:

- Hàng hoá mà tôi đang xuất khẩu hoặc nhập khẩu là hàng hoá gì?
- Những quy định liên quan đến hàng hoá đó tại Hiệp định CPTPP là gì?
- Hàng hoá của tôi được sản xuất ở đâu (hàng hoá đó có phải là hàng hoá có xuất xứ để được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định CPTPP hay không)?
- Chứng nhận xuất xứ cho hàng hoá của tôi được thực hiện như thế nào?

Phần này nhóm tác giả đề xuất một quy trình thực hiện tự chứng nhận xuất xứ để doanh nghiệp có thể tham khảo khi tham gia vào cơ chế TCNXX theo Hiệp định CPTPP.

### ***BUỚC 1: Xác định phân loại thuế quan cho hàng hoá***

Để có thể xác định hàng hoá đang được xuất khẩu hoặc nhập khẩu sẽ được hưởng ưu đãi như thế nào hoặc có quy định nào liên quan tại Hiệp định CPTPP, việc xác định mã số phân loại thuế quan cho hàng hoá đó một cách chính xác là rất quan trọng.

Trong Hiệp định CPTPP, hàng hoá được xác định dựa trên hệ thống phân loại hàng hoá được thừa nhận toàn cầu, đó chính là Hệ thống hài hoà mô tả và mã hoá hàng hoá, hay còn được gọi là Hệ thống hài hoà (HS), được xây dựng bởi Tổ chức Hải quan thế giới (WCO). Hệ thống HS là hệ thống phân loại mã số hàng hoá thông dụng bao gồm hơn 5.200 mã phân loại hàng hoá ở cấp độ 6 số.

Thông thường, các quốc gia tiếp tục chia nhỏ các danh mục sản phẩm HS gồm sáu chữ số thành các dòng thuế tám chữ số trở lên tùy theo từng mục tiêu quản lý nhà nước. Các nước thành viên CPTPP sử dụng mã số thuế quan 08 hoặc 09 chữ số để quy định thuế hải quan. Mã số thuế quan vượt quá mức 06 chữ số HS thường không thể so sánh giữa các quốc gia.

Hiện nay, Bộ Công Thương đã chủ trì xây dựng, vận hành Cổng thông tin điện tử về Hiệp định thương mại tự do của Việt Nam (FTAP) tại

địa chỉ: [fta.moit.gov.vn](http://fta.moit.gov.vn). Công thông tin này với giao diện thân thiện, khoa học, tạo sự thuận lợi và tiện ích cho người sử dụng, là địa chỉ cung cấp công cụ tra cứu trực tuyến thông minh cho cộng đồng doanh nghiệp và các đối tượng quan tâm đối với cam kết của tất cả các FTA mà Việt Nam tham gia, bao gồm các cam kết về thuế, quy tắc xuất xứ, dịch vụ và đầu tư, cũng như các thông tin thiết yếu khác cho quá trình giao thương của doanh nghiệp như tình hình thị trường, các quy định về xuất nhập khẩu, phát triển bền vững v.v. Công cụ tra cứu được thiết kế cho FTAP cho phép bất cứ cá nhân hay doanh nghiệp nào quan tâm đến các cam kết FTA, trong đó có Hiệp định CPTPP, có thể ngồi một chỗ tiếp cận và được hướng dẫn trực tuyến một cách chi tiết, rõ ràng và đơn giản nhất có thể, thay vì phải tự tìm tòi hoặc liên hệ nhiều cơ quan, đơn vị khác nhau để có được thông tin mình cần. Việc này sẽ giảm thiểu tối đa thời gian, chi phí, giúp cho các doanh nghiệp tận dụng được một cách hiệu quả nhất các cơ hội mang về từ các FTA mà Việt Nam tham gia.

Đối với người xuất khẩu từ Việt Nam, để chắc chắn rằng bạn xác định đúng mã số HS cho hàng hoá xuất khẩu, bạn có thể tham vấn bằng các cách sau:

- Tham vấn cơ quan hải quan nước thành viên nhập khẩu. Nên nhớ rằng, có thể có sự khác nhau trong phân loại mã HS của hàng hoá giữa cơ quan hải quan nước thành viên nhập khẩu và cơ quan hải quan nước thành viên xuất khẩu. Tuy nhiên, việc xác định mã số phân loại của hàng hoá nhằm mục đích cuối cùng là người nhập khẩu hàng hoá đó tại nước thành viên nhập khẩu có thể đáp ứng quy định nội luật của nước đó và được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định CPTPP. Do vậy, mã số HS của hàng hoá dùng để xét xuất xứ hàng hoá nên là phân loại mã số HS theo quy định của hải quan nước nhập khẩu. Trong nhiều trường hợp, mã HS này có thể khác với mã HS trên tờ khai xuất khẩu tại nước thành viên xuất khẩu. Điều này không ngăn cản việc thực hiện TCNXX theo mã HS của nước thành viên nhập khẩu.

- Sử dụng dịch vụ khai thuê hải quan hoặc đơn vị thực hiện thủ tục giao nhận hàng hoá chuyên nghiệp. Những đơn vị này đã có kinh nghiệm thực hiện và xác định mã số HS nên việc sử dụng những dịch vụ



này có thể tiết kiệm chi phí, thời gian cũng như nhân lực trong việc tìm kiếm những quy định liên quan để xác định mã HS của hàng hoá.

- Yêu cầu xác định trước xuất xứ (Advance Ruling) từ Nước thành viên nhập khẩu. Theo quy định, nhà xuất khẩu, nhà sản xuất hoặc nhà nhập khẩu có thể yêu cầu Nước thành viên CPTPP có liên quan cung cấp xác định trước xuất xứ bằng văn bản. Xác định trước xuất xứ này có thể bao gồm: phân loại mã số HS của hàng hoá; việc áp dụng trị giá hải quan cho trường hợp đặc biệt và xác định xem hàng hoá có phải là hàng hoá có xuất xứ theo Hiệp định CPTPP.

## **BUỚC 2: Hiểu rõ quy định tại Hiệp định CPTPP đối với hàng hoá của mình.**

Sau khi xác định một cách chính xác mã số HS của hàng hoá được xuất khẩu hoặc nhập khẩu, doanh nghiệp có thể xác định các quy định liên quan đến hàng hoá của mình tại Hiệp định CPTPP. Các nước thành viên CPTPP đều cam kết cắt giảm thuế quan đối với hàng hoá nhập khẩu từ các nước thành viên CPTPP khác. Mức thuế quan được cam kết cắt giảm của nước thành viên CPTPP có thể được tra cứu và tìm thấy tại Cổng thông tin điện tử về Hiệp định thương mại tự do của Việt Nam (FTAP) tại địa chỉ [fta.moit.gov.vn](http://fta.moit.gov.vn). Cổng thông tin FTAP cho phép tra cứu bằng từ khoá (key word) hoặc mã số HS và bao gồm mức thuế suất được cam kết cắt giảm tại thời điểm hiện tại và trong tương lai đối với cả hàng hoá xuất khẩu và nhập khẩu. Cổng thông tin FTAP cũng bao gồm và cung cấp các thông tin để xác định liệu rằng hàng hoá đang được tìm kiếm có đáp ứng quy định về quy tắc xuất xứ hàng hoá CPTPP hay không.

Nếu doanh nghiệp là người xuất khẩu hàng hoá từ Việt Nam sang các nước thành viên CPTPP, doanh nghiệp cần tra cứu và xác định được mức thuế suất ưu đãi của nước thành viên mà doanh nghiệp đang dự định xuất khẩu đến. Doanh nghiệp cũng cần kiểm tra phần Ghi chú chung đối với Danh mục lộ trình cắt giảm thuế quan của từng nước thành viên CPTPP về giải thích đối với từng loại lộ trình cắt giảm cụ thể cũng như những quy định có thể ảnh hưởng đến việc xuất khẩu hàng hoá sang nước thành viên CPTPP đó.

Nhìn chung, các loại lộ trình cắt giảm bao gồm từ EIF (thuế quan được xoá bỏ ngay lập tức từ ngày Hiệp định CPTPP có hiệu lực đối với nước thành viên đó), đến một số năm cụ thể (cắt giảm dần theo thời gian). Một số mặt hàng sẽ vẫn giữ nguyên thuế MFN theo như cam kết của nước thành viên đó với WTO.

Một số nước thành viên CPTPP cũng cam kết Hạn ngạch thuế quan và Biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số mặt hàng cụ thể và được quy định tại Phụ lục của Danh mục Lộ trình cắt giảm thuế quan của nước thành viên đó. Cổng thông tin FTAP của Việt Nam cũng cho phép tra cứu một mặt hàng có thuộc diện Hạn ngạch thuế quan hay không.

Nếu doanh nghiệp là người nhập khẩu hàng hoá từ các nước thành viên CPTPP vào Việt Nam, doanh nghiệp cần kiểm tra Danh mục lộ trình cắt giảm thuế quan của Việt Nam. Việt Nam cam kết một biểu thuế chung cho tất cả các nước CPTPP. Theo đó, Việt Nam sẽ xoá bỏ thuế nhập khẩu đối với 66% số dòng thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực và 86,5% số dòng thuế sau 3 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực. Các mặt hàng còn lại có lộ trình giảm thuế chủ yếu từ 5 đến 10 năm.

Đối với một số mặt hàng đặc biệt nhạy cảm, Việt Nam có lộ trình trên 10 năm, ví dụ như bia, rượu, thịt gà, sắt thép, ô tô con dưới 3.000 phân phối. Việt Nam áp dụng hạn ngạch thuế quan (TRQ) đối với đường, trứng, muối (nằm trong lượng hạn ngạch WTO) và ô tô đã qua sử dụng.

Doanh nghiệp cần lưu ý rằng, một số nước thành viên CPTPP đã có chung FTA với Việt Nam và nhiều FTA đã được ký kết và thực thi từ trước khi CPTPP có hiệu lực. Ví dụ, với Nhật Bản ta có FTA song phương giữa Việt Nam và Nhật Bản (VJEPA) hay FTA giữa ASEAN và Nhật Bản (AJCEP); với Úc và Niu Di-lân ta có FTA giữa ASEAN – Úc – Niu Di-lân (AANFTA) hay với Xinh-ga-po là Hiệp định ATIGA và các FTA ASEAN+. Do vậy, khi xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng hoá liên quan đến các thị trường này, doanh nghiệp nên kiểm tra xem FTA nào có mức thuế suất cam kết tại thời điểm hiện tại tốt nhất, có khả năng đáp

ứng được quy tắc xuất xứ cao hoặc có thể theo yêu cầu của khách hàng. Điều này có nghĩa là, doanh nghiệp được phép lựa chọn sử dụng FTA nào mà có lợi nhất cho mình.

### **BƯỚC 3: Xác định xem liệu rằng hàng hoá có đáp ứng quy định về quy tắc xuất xứ tại Hiệp định CPTPP hay không?**

Quy tắc xuất xứ hàng hoá ưu đãi tại CPTPP là những tiêu chí được thống nhất giữa các nước thành viên được áp dụng để đảm bảo rằng chỉ hàng hoá đáp ứng các tiêu chí xuất xứ tại CPTPP mới được hưởng mức thuế quan ưu đãi CPTPP theo cam kết tại Danh mục lộ trình cắt giảm thuế quan của nước thành viên nhập khẩu. Điều này ngăn không cho các nước không phải là thành viên Hiệp định có thể được hưởng lợi từ CPTPP. Hàng hoá nhập khẩu vào một nước thành viên CPTPP mà không đáp ứng các quy định về quy tắc xuất xứ hàng hoá của Hiệp định thì sẽ áp dụng mức thuế MFN thay vì mức thuế ưu đãi theo cam kết tại CPTPP. Do vậy, việc hiểu đúng và hiểu đủ các quy định về quy tắc xuất xứ hàng hoá là rất quan trọng, đặc biệt trong cơ chế tự chứng nhận xuất xứ khi người chứng nhận xuất xứ (người xuất khẩu, người sản xuất hoặc người nhập khẩu) là những người trực tiếp chịu trách nhiệm đối với việc xác định và chứng nhận hàng hoá của mình là hàng hoá có xuất xứ theo Hiệp định CPTPP. Phần III của tài liệu đã hướng dẫn một cách chi tiết quy định về quy tắc xuất xứ hàng hoá tại Hiệp định CPTPP.

### **BƯỚC 4: Chứng nhận xuất xứ cho hàng hoá của mình**

Một khi doanh nghiệp đã trải qua ba bước nêu trên và xác định được rằng hàng hoá của mình là hàng hoá có xuất xứ và đủ điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định CPTPP, doanh nghiệp cần chứng nhận xuất xứ cho hàng hoá của mình. Trong cơ chế cấp C/O bởi các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền như Việt Nam đang thực hiện kể từ khi Hiệp định CPTPP có hiệu lực thực thi đối với Việt Nam, doanh nghiệp cần chuẩn bị các chứng từ và hồ sơ, sau đó đến các cơ quan, tổ chức được Bộ Công Thương uỷ quyền cấp C/O mẫu CPTPP để nộp hồ sơ và được xem xét cấp C/O mẫu CPTPP. Tuy nhiên, trong cơ chế TCNXX, doanh nghiệp (người xuất khẩu, người sản xuất hoặc người

nhập khẩu) sẽ tự hoàn thành và phát hành chứng từ chứng nhận xuất xứ để chứng nhận với cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên nhập khẩu rằng hàng hoá của mình là hàng hoá có xuất xứ theo Hiệp định CPTPP. Những quy định về chứng từ TCNXX tại Hiệp định CPTPP đã được thể hiện tại mục 3, Phần III của tài liệu này.

PHỤ LỤC

MẪU CHỨNG TỪ  
CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ  
TỪ MỘT SỐ NƯỚC  
THÀNH VIÊN  
HIỆP ĐỊNH CPTPP



# MẪU CHỨNG TỪ TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ CPTPP CỦA ÚC

(CHỈ NHẪM MỤC ĐÍCH THAM KHẢO)

Dưới đây là ví dụ về Mẫu Chứng từ chứng nhận xuất xứ đáp ứng Danh mục thông tin tối thiểu tại CPTPP.

Mẫu Chứng từ chứng nhận xuất xứ này có thể được điều chỉnh để phù hợp với nhu cầu của người nhập khẩu, người xuất khẩu hoặc người sản xuất hoặc bất kỳ ai trong chuỗi cung ứng, miễn là đáp ứng quy định về thông tin tối thiểu.

<b>1. Certifier</b> <input type="checkbox"/> Importer <input type="checkbox"/> Exporter <input type="checkbox"/> Producer		<b>CERTIFICATION OF ORIGIN</b> Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership	
<b>2. Certifier's details:</b> Name: _____ Address: _____ Telephone Number: _____ E-mail Address: _____		<b>3. Exporter details (if different from the certifier):</b> Name: _____ Address: _____ Telephone Number: _____ E-mail Address: _____	
<b>4. Producer details (if different from the certifier or exporter):</b> Name: _____ Address: _____ Telephone Number: _____ E-mail Address: _____		<b>5. Importer details (if known):</b> Name: _____ Address: _____ Telephone Number: _____ E-mail Address: _____	
<b>6. HS Tariff Classification (6-digit level)</b>	<b>7. Description of the Good</b>	<b>8. Origin criterion: WO, PE, PSR</b>	
<b>9. Period covered by certification (if applicable) or invoice number (if relevant and if known)</b>			
<b>10. Certification (signed by the certifier listed above):</b> I certify that the goods described in this document qualify as originating and the information contained in this document is true and accurate. I assume responsibility for proving such representations and agree to maintain and present upon request or to make available during a verification visit, documentation necessary to support this certification.  Signature: _____ Date: _____			

# MẪU CHỨNG TỰ TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ CPTPP CỦA NIU DI-LÂN

<b>CERTIFICATION OF ORIGIN</b> <b>Comprehensive and Progressive Trans Pacific Partnership Agreement (CPTPP)</b>		
<b>Certifier</b> <input type="checkbox"/> Importer <input type="checkbox"/> Exporter <input type="checkbox"/> Producer		
Signee's Name ..... Title ..... E-mail address ..... Telephone Number .....		
<b>Exporter details:</b> Name: _____ Address: _____ Telephone Number: _____ E-mail Address: _____ (Not required if producer is completing the certification and exporter details are not known.) Address must be in a CPTPP country.	<b>Producer details:</b> Name: _____ Address: _____ Telephone Number: _____ E-mail Address: _____ (Not required if same as exporter. If there are multiple producers entry may state "various". Entry may state "available on request by importing authorities", or a list may be provided.) Address must be in a CPTPP country.	
<b>1. Importer details (if known):</b> Name: _____ Address: _____ Telephone Number: _____ E-mail Address: _____  Address must be in CPTPP country		
<b>2. HS Tariff Classification (6-digit level)</b>	<b>3. Description of the Good</b>	<b>4. Origin criterion:</b> WO, PE, or PSR  <input type="checkbox"/> WO (wholly obtained means goods grown or produced entirely within CPTPP Parties: Article 3.3) <input type="checkbox"/> PE (means goods produced exclusively from CPTPP originating materials; Article 3.2(b)) <input type="checkbox"/> PSR (means goods that incorporate non-originating materials in their final stage of production, and meet the product specific rule: Article 3.2.(c)) Identify specific rule ..... (found in Annex 3-D or Annex 4-A)
<b>Single shipment:</b> <input type="checkbox"/> Invoice number (if known)		<b>Multiple shipments of identical goods:</b> <input type="checkbox"/> Period covered by certification: (This must be within 12 months from certification being issued/completed)
<b>5. Certification (signed by the certifier listed above):</b> I certify that the goods described in this document qualify as originating and the information contained in this document is true and accurate. I assume responsibility for proving such representations and agree to maintain and present upon request or to make available during a verification visit, documentation necessary to support this certification. Signature: _____ Date: _____		



# MẪU CHỨNG TỪ TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ CPTPP CỦA NHẬT BẢN

## CERTIFICATION OF ORIGIN

(Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership)

<b>1. Exporter's name, address (including country name), telephone number and e-mail address</b> (This field can be left blank if this certification is completed by producer and the exporter is unknown.)			
<b>2. Producer's name, address (including country name), telephone number and e-mail address</b> (This field can be left blank if exporter and producer is the same company or person. If there are multiple producers, state "Various" or provide a list of producers. A person that wishes for this information to remain confidential may state "Available upon request by the importing authorities.")			
<b>3. Importer's name, address in the importing country, telephone number and e-mail address</b> (This field can be left blank if importer is unknown.)			
<b>No.</b>	<b>4. Description of goods</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Description of good(s)</li> <li>▪ Invoice number(s)(in case the certification of origin covers a single shipment of a good and if the number is known.)</li> </ul>	<b>5. HS tariff classification number</b> (6 digit, HS2012) of goods	<b>6. Origin criterion</b> (WO, PE, PSR); and Other ( <i>De Minimis, Accumulation</i> ), if applicable
<b>7. Blanket Period</b> (If the certification covers multiple shipments of identical goods for a specified period of up to 12 months)			
<b>8. Other</b> (any other applicable origin criterion or other indication)			

### 9. Certification

I certify that the goods described in this document qualify as originating and the information contained in this document is true and accurate. I assume responsibility for proving such representations and agree to maintain and present upon request or to make available during a verification visit, documentation necessary to support this certification.

**Date** \_\_\_\_\_

**Name** \_\_\_\_\_

Please tick a box to indicate who has completed this origin certification document:

**Importer**       **Exporter**       **Producer**

# MẪU CHỨNG TỰ TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ CPTPP CỦA DOANH NGHIỆP TẠI CA-NA-ĐA



**Russell A. Farrow Limited**  
**Head Office**  
 2001 Huron Church Road, P.O. Box 333  
 Windsor, ON Canada N9A 6L6

TEL 519.252.4415  
 FAX 519.252.0982  
 WEB farrow.com

## Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership CPTPP

### CERTIFICATION OF ORIGIN

#### 1. CERTIFIER NAME AND ADDRESS

TELEPHONE

EMAIL

TAX ID NUMBER

#### 2. EXPORTER NAME AND ADDRESS

TELEPHONE

EMAIL

TAX ID NUMBER

#### 3. PRODUCER NAME AND ADDRESS

TELEPHONE

EMAIL

TAX ID NUMBER

#### 4. IMPORTER NAME AND ADDRESS:

TELEPHONE

EMAIL

TAX ID NUMBER

#### 5. DESCRIPTION OF GOOD(S)

#### 6. HS TARIFF CLASSIFICATION

#### 7. ORIGIN CRITERION

#### 8. COUNTRY OF ORIGIN

#### 9. BLANKET PERIOD (MM/DD/YY)

FROM

TO

#### 10. I CERTIFY THAT:

The goods described in this document qualify as originating and the information contained in this document is true and accurate. I assume responsibility for proving such representations and agree to maintain and present upon request or to make available during a verification visit, documentation necessary to support this certification. This certification consists of  page(s), including all attachments.

CERTIFIER'S SIGNATURE

COMPANY NAME

CERTIFIER'S NAME (PRINT OR TYPE)

CERTIFIER'S TITLE

DATE (MM/DD/YY)

CERTIFIER TYPE (IMPORTER, EXPORTER, PRODUCER)

LOS ANGELES VANCOUVER SEATTLE CALGARY EDMONTON MINNEAPOLIS CHICAGO DETROIT WINDSOR BUFFALO TORONTO MONTREAL



**GIỚI THIỆU VỀ CƠ CHẾ TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HOÁ  
TRONG HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN VÀ TIẾN BỘ  
XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG (CPTPP)**

**NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG**

**Trụ sở:** Số 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

**Điện thoại:** 024 39341562 \* **Fax:** 024 39387164

**Website:** <http://nhaxuatbancongthuong.com.vn>

**Email:** [nxbct@moit.gov.vn](mailto:nxbct@moit.gov.vn)

**Chịu trách nhiệm xuất bản**

Giám đốc - Tổng Biên tập

Nguyễn Minh Huệ

**Biên tập:**

Tôn Nữ Thanh Bình

**Trình bày:**

Bùi Minh Thu

---

In 50 cuốn, khổ 16×24 cm tại Công ty cổ phần Đầu tư và Hợp tác quốc tế.

Địa chỉ: Số 32 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4603-2022/CXBIPH/04-262/CT

Quyết định xuất bản số: 495/QĐ - NXBCT ngày 14 tháng 12 năm 2022

Mã số ISBN: 978-604-362-544-8

In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2022.